

Kinh A Nan Văn Phật Sự Cát Hung
Sa môn An Thế Cao dịch từ Phạn ra Hán
HT Thích Đức Niệm dịch và giải

-000-

THAY LỜI TỰA

Bệnh trầm kha của con người là thích tìm tòi những giải đáp thắc mắc cao siêu để thỏa mãn óc hiếu kỳ mà thiếu thực tế với đời sống, thích luận bàn những việc xa vời viễn vông không tưởng hơn là thực hành để đem lại an lành hạnh phúc bản thân. Chứng bệnh trầm kha này đã đẩy con người sống chơi vui trong huyền đàm phiếm luận của thiết thực đến đời sống đạo đức tiến bộ. Vì vậy số người mang danh hành đạo thì nhiều mà chứng đạo thì gần như gọn mây mỏng trong bầu trời giáo pháp. Để tránh mắc phải bệnh năng thuyết bất năng hành, cổ đức đã khuyên: Muốn đạt thành tâm nguyện tiến bộ thì cần phải “tri hành hợp nhất, trí đức tương ưng”.

Vì mắc phải bệnh trầm kha này, nên có lắm người khi nghiên cứu đạo Phật đã bỏ quên giáo lý căn bản, chỉ muốn tìm đến những kinh điển cao siêu, chuyên tâm bói đào các hệ tư tưởng Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Duy thức, say sưa biện luận lý vô ngã, vô pháp, bất nhị, tánh không, thích thú lý lẽ thấp cao, vô tình rơi vào trạng thái hí luận phiếm đàm không tưởng, như người lơ lửng trong chân không mất trọng lực thăng bằng của đời sống tri hành hợp nhất, từ đó quên mất thực hành giáo lý căn bản trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, xa lìa cả điều tiên quyết phải có của người Phật tử là Tam quy Ngũ giới, ăn chay, hành thiện, tâm thức họ có khác nào bong bóng lơ lửng chơi vui trong không trung, vì mất căn bản mất định hướng không nơi nương tựa. Do cái bệnh phóng tâm truy cầu say sưa ngây ngất với các triết thuyết cao siêu để thỏa óc hiếu kỳ, nên quên đi phần giáo lý căn bản xây dựng hành nghi của đời sống thực tế, để rồi sống với tâm lý mộng lung không tưởng.

Trên đường hành đạo Tỳ-kheo Quê Mùa tôi đã gặp không biết bao người đến khoa trương rằng, họ chuyên trì kinh Kim Cang, thể nhập lý bát-Nhã; họ đã thấu suốt tư tưởng duyên khởi của Hoa-Nghiêm, nắm vững lý bất nhị của Duy-Ma; họ đã thấu triệt lý vạn pháp duy thức của pháp tướng, nên tư tưởng Đại Thừa đối với họ đều đã lâu thông vô ngại, đạt đến chỗ “tâm tịnh thì độ tịnh”. Họ còn phô trương chỗ sở đắc kiến tánh của họ đồng với Lục-tổ Huệ-Năng “xưa nay không có vật, thì làm gì có bụi nhơ”.

Họ bạo nói “tâm tức Phật, Phật tại tâm” thì cần gì giữ giới, trì kinh, bái sám, niệm Phật, ăn chay, bố thí, cúng dường. Những việc làm này họ cho là hình tướng thuộc tiệm pháp của kẻ sơ cơ căn trí thấp kém. Họ tự hào là tu đốn pháp, còn ví von thao thao bất tuyệt nào là: Phải thể đạt hành xả, vô ngã vô pháp, như thiền sư A chẻ tượng Phật, thiền sư B chặt mèo, thiền sư C không cần phải cạo râu tóc là hình thức không đáng chú tâm. Họ còn lý luận Huệ Năng đạt đạo trước khi cạo tóc, đâu biết chữ nào; cư sĩ Duy-Ma-Cật thành Bồ tát đâu cần phải vào chùa, tự ví họ đâu có khác gì với Lục tổ Huệ-Năng, cư sĩ Bồ tát Duy-Ma-Cật! Tôi lặng thinh nghe họ tuôn xổ với thái độ tự đắc mà phát chóng mặt, xót thương cho những kẻ mắc phải bệnh trầm kha cuồng luận, năng thuyết bất năng hành, cờ ngã mạn đã dựng trên trường thành biên kiến.

Kinh nghiệm cho thấy, phần đông hạng người này chẳng bao lâu sau đó thối tâm, tà niệm, trở lại hủy báng Phật Pháp, xem đạo hạnh giới đức chẳng có nghĩa gì, rồi bịa đặt sửa bỏ kinh luật hoặc không còn thiết tha liên hệ với những sinh hoạt hành đạo. Đây là hậu quả tai hại của bệnh đa văn hiếu kỳ, thế trí biện thông, chỉ mong thỏa mãn trí phân biệt.

Bốn mươi chín năm thuyết pháp của Đức Phật, tuyệt đối không nhằm mục đích để thỏa mãn kiến thức phân biệt của con người, cũng không nhằm gợi cảm để cho con người đắm chìm trong trầm tư mặc tưởng, huyền đàm tạp luận các triết lý cao thấp rộng hẹp, mà Đức Phật thuyết pháp nhằm thích hợp căn tánh của mỗi chúng sanh, theo đó thực hành để rửa sạch phiền não, đạt thành giác ngộ giải thoát.

Muốn đạt đạo giác ngộ giải thoát thì không thể lơ đãng quên phần thực hành giáo pháp căn bản. Nếu chỉ biết đề tâm suy cứu giáo pháp cao sâu, mong cầu hiểu biết quảng bát, xem nhẹ phần tu tâm sửa tánh dứt trừ phiền não tham sân si, tức là đi vào ma đạo, cát không bao giờ thành com, học hiểu rộng giáo lý thuyết suông không bao giờ tạo nên người đạo hạnh thánh thiện.

Giáo pháp căn bản là gì? Đó là Tam quy, trì giới, bố thí, nhẫn nhục, tụng kinh, sám hối, niệm Phật, ăn chay, hiếu thuận, tứ nhiếp pháp, lục độ... 37 phẩm trợ đạo. Người tin học Phật mà không thực hành theo giáo pháp Phật dạy thì chẳng khác nào học trò không làm bài, bệnh nhân không uống thuốc, tránh sao khỏi nhận lấy hậu quả bất-xứng-ý, để rồi thối thất đạo tâm, xoay ra thống trách Phật Pháp, chê bai Tăng già. Tại ai? Họ đâu có chịu bình tâm để tự kiểm điểm lại hành vi tâm niệm từ thuở phát tâm cho đến khi lạc đạo. Lại có kẻ xem nhẹ phần hành trì, chuyên tìm văn hay ý lạ, mang danh nghĩa tín tu học học Phật, mà hững hờ năm tháng luống không trôi qua, tuổi già sức yếu ngấm lại thấy mình đạo hạnh thiếu kém, phiền não còn nguyên, có cố gắng cũng chẳng còn sức lực và thời gian. Còn có khi bị những thứ danh vị chức tước hư giả trôi buộc khiến cho tâm bất an, trí bất định, chẳng có phút giây để tự quán chiếu tiến tu.

Như vậy đắm chìm trong việc tìm hiểu giáo lý cao siêu quên phần căn bản thực hành cũng là bệnh. Học rộng hiểu nhiều nặng về lý thuyết cũng là bệnh. Không học, không hiểu mà thực hành cũng là bệnh. Người mắc bệnh cần uống thuốc, chứ không phải đem thuốc ra phân chất chê khen. Người bị tên bắn phải lập tức lấy mũi tên độc ra, chứ không phải ngồi luận bàn để truy tìm nơi nào phát xuất mũi tên. Chúng sanh là kẻ mắc bệnh tham dục, bị mũi tên tam độc lâu đời, nghiệp chướng sâu dày, phiền não chất chồng lớp lớp, bệnh thâm căn cố đế như vậy, chỉ còn phương pháp cứu chữa duy nhất là lấy thuốc giáo pháp của Đức Phật để trị. Thân bệnh dùng thuốc. Tâm bệnh thì dùng giáo pháp. Thân ô uế thì nhờ nước rửa. Tâm phiền não thì phải nhờ đến nước cam lồ. Thế nên Đức Phật được tôn xưng là vô-thượng y-vương, là bậc đạo sư giác ngộ dẫn đường giải thoát. Đức Phật thuyết pháp nhằm để cho chúng sanh y pháp tu hành đoạn trừ phiền não, dứt sạch vô minh, thoát ly sanh tử luân hồi, đạt đến giác ngộ giải thoát. Đó là tâm nguyện Đức Phật ra đời độ sanh. Thế nên trong kinh Pháp Hoa, Phật nói: “Ta ra đời vì một đại sự nhân duyên lớn là, khai thị chúng sanh, ngộ nhập tri kiến Phật”.

Vậy mà người đời lại đem kinh điển giáo pháp Đức Phật ra để phân tích cạn sâu, hý luận huyền đàm để cho sướng miệng, nghe cho sướng tai, đề khoái trí phân biệt, tự mãn óc hiếu kỳ, mà quên đi phần thực hành là điều lầm lẫn nghiêm trọng đối với người muốn thăng hoa thánh thiện trên đường giải thoát. Người học Phật chỉ cần hiểu mà chẳng cần hành thì khác nào có khác kẻ đối lâu ngày được gạo tốt lại bận tâm đem gạo ra phân chất để tìm nguồn gốc gạo từ đâu có, quên nấu

com. Kẻ khát nước cháy cổ được bát nước mát lại lo hỏi nước này lấy từ sông suối nào chứ không chịu uống. Kẻ đang bệnh hấp hối trên giường được bác sĩ cho thuốc không chịu uống lại mãi mê đem thuốc ra phân chất. Những hạng người trên đây không khác kẻ tham câu đa văn, thích hý luận trong Phật Pháp. Tôn giả A-Nan đã hơn một lần bị Phật quở trách cũng vì ham học không ham tu.

Trên đời có kẻ đến với Đức Phật bằng ước vọng đem kinh điển Phật ra phân tích luận bàn mà lãng quên phần hành trì, do đó mà đời sống đạo đức chẳng những không đi đến đâu, lâu dài về sau còn có thể tổn hại không ít cho Phật Pháp. Bởi lẽ hiểu biết giáo lý càng cao mà thiếu chánh hạnh tâm đức chỉ là nhân tố sanh khởi ngã mạn tự hào, đào sâu hố thế trí biện thông, xoay cuồng theo tam nghiệp tham sân si mà thôi. Lại có kẻ đến với đạo Phật bằng cõi lòng cầu mong được ban ân giáng phước, như sờ cầu thì thỏa thích khen Phật Bồ tát linh, không như sờ cầu thì chê bai, chạy đi tìm cầu thần linh khác. Đối với nhân quả nghiệp báo, họ mơ hồ bán tin bán nghi. Cũng có kẻ đến với đạo Phật bằng tâm ý tìm xem để phê bình thị phi, mà quên đi tu chỉnh chính bản thân mình. Tuy họ đến với đạo đã lâu ngày mà thật ra tâm tánh họ không hơn gì kẻ phạm tục. Những hạng người trên đây thật sự chẳng phải là chân chánh hành đạo Phật. Người thật sự tu học theo đạo Phật thì phải khởi đi từ căn bản giới pháp, y giới pháp Phật dạy mà hành trì, xoay lại quán chiếu tự tâm để thanh tịnh hóa đời sống, không ngừng tinh tấn để cho ngày một trở nên hiền lương thánh thiện. Người tu học Phật có căn bản nền tảng vững chắc, mới đích thật chân chánh là người tu học Phật.

Đến với đạo Phật mà mang tâm ý bỏ thấp tìm cao, lấy giáo lý Đức Phật để thỏa mãn óc hiếu kỳ, thỏa thích trí phân biệt hầu để trang sức kiến thức cho mình, như thế đạo đức bản thân mình. Tuy họ đến với đạo Phật đã lâu ngày mà thật ra tâm tánh họ không hơn gì kẻ phạm tục. Những hạng người trên đây thật sự chẳng phải là chân chánh hành đạo Phật. Người thật sự tu học theo đạo Phật thì phải khởi đi từ căn bản giới pháp, y giới pháp Phật mà hành trì, xoay lại quán chiếu tự tâm để thanh tịnh hóa đời sống, không ngừng tinh tấn để cho ngày một trở nên hiền lương thánh thiện. Người tu học Phật có căn bản nền tảng vững chắc, mới đích thật chân chánh là người tu học Phật.

Đến với đạo Phật mà mang tâm ý bỏ thấp tìm cao, lấy giáo lý Đức Phật để thỏa mãn óc hiếu kỳ, thỏa thích trí phân biệt hầu để trang sức kiến thức cho mình, như thế đạo đức bản thân chẳng những không tiến bộ mà ánh sáng an lành sẽ không bao giờ hiển lộ trong tâm hồn. Người mới đến với đạo Phật chớ vội hỏi lý kinh Kim-cang, Bát-Nhã, Lăng-Già, Hoa-Nghiêm thì tránh được ngã mạn, cuồng tâm loạn tưởng, ngoại trừ các bậc thượng căn thượng trí. Trong thiên sử ghi rằng: Xưa có người đến hỏi vị thiền sư danh tiếng: “Bậc đại tu hành đã ngộ lý chân không?” Thiền sư đáp: “Bậc tu hành đạt lý chân không thì chẳng còn lạc vào vòng nhân quả nữa”. Chỉ vì câu trả lời này mà vị đại thiền sư kia phải bị đọa làm năm trăm kiếp chôn, sau gặp ngày Bách-Trượng mới được giải thoát. Điều căn bản là tin sâu nhân quả luân hồi nghiệp báo để từ đó phát tâm tu bồi phước huệ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tin là mẹ đẻ nguồn gốc các công đức, làm sanh trưởng các pháp lành. Tin là sức mạnh đưa người vượt thoát ba đường khổ, để đạt đến cảnh giới Phật thánh”. Thế nên hành giả muốn tránh khỏi lạc vào ma đạo, tạo cho mình đời sống an lành tiến bộ trên đường giác ngộ giải thoát, thì trước tiên cần tìm đến những kinh điển căn bản, tín hành những giáo pháp thực tế mật thiết với đời sống, đó là quy y Tam Bảo, thọ trì giới pháp, tin sâu nhân quả, luân hồi, nghiệp báo, thiện ác.

Kinh A-Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung là quyển kinh chứa đựng những vấn đề hết sức căn bản cho người tu học Phật. hình thức đơn giản, nội dung sáng sủa. Những điều A-Nan hỏi Phật

là những điều chúng ta muốn hiểu, đã được Phật từ bi giải đáp rõ ràng. Kẻ phàm nhơn muốn tiến đến thánh nhơn, người muốn hoàn thành nhơn cách để tiến lên Phật cách, không thể thiếu để tâm văn, tư, tu kinh này. Nhận thấy kinh đây trình bày giáo lý căn bản thiết thực cho hành giả tu học Phật tiến thân trong đường giác ngộ, nên Tỳ-kheo Quê Mùa tôi mạo muội dịch giải để cống hiến cho những ai muốn có đời sống an lành thành thiện. Được sự phát tâm bồ đề của Phật tử Lý Thị Nữ làm thuận duyên cho kinh này sớm được hoàn thành đến với quý vị.

Khấp nguyện chư thiện hữu bốn phương tinh tấn phát tâm bồ đề tu học, vun trồng cõi phước, để sớm đạt thành chánh quả.

Hoa Kỳ - Xuân Giáp Tuất 1994

THÍCH ĐỨC NIỆM

PHẦN MỘT

I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

Đề kinh này gồm 8 chữ có thể phân giải như sau:

1.- “A-Nan” là em chú bác của Phật, sau khi được Phật hóa độ cho xuất gia, và được chư Tăng cử làm thị giả hầu Phật, cũng là người tùy tùng luôn luôn bên Phật. Trong hàng đại đệ tử của Phật, Tôn giả được khen tặng là bậc đa văn đệ nhất. Sau khi Phật Niết bàn, chính Tôn giả A-Nan là người được thánh chúng suy cử tường thuật lại những lời Phật dạy để rồi từ đó kết tập thành tạng kinh điển.

2.- “Hỏi”, chữ này trong Phật pháp có những cách giải thích. Luận Du-Già-Thích nói: 1/- Vì không hiểu nên hỏi. Nghĩa là đối với sự việc nào đó mà không thấu hiểu nghĩa lý, cần phải hỏi bậc thầy mình. 2/- Vì nghi hoặc mà hỏi. 3/- Vì để thực nghiệm nên hỏi. Chữ để ở đây là để khảo nghiệm bậc thầy hoặc hàng thức giả xem thử chỗ hiểu của mình có giống với họ hay không. 4/- Khinh xuất mà hỏi. Nghĩa là hỏi mà không có tâm thành ý trong việc tìm hiểu, không có dụng tâm suy nghĩ chín chắn trước khi hỏi. Hỏi để mà hỏi cho vui chơi vậy. 5/- Vì lợi ích cho chúng sanh mà hỏi. Nghĩa là không phải vì mình nghi ngờ mà hỏi. Hỏi là vì thấy còn có số người trong đại chúng đối với sự lý Phật thuyết giảng chưa thông suốt, lòng họ còn ôm mồi nghi ngờ mà không dám hoặc không biết cách hỏi, nên giả trang mình không hiểu mà thay họ để hỏi.

Kinh đây Tôn giả A-Nan vì lợi ích chúng sanh để họ thấu hiểu đạo lý, nên nêu vấn đề thưa hỏi Phật. Thâm ý là vì lợi ích chúng sanh đời sau mà Tôn giả A-Nan nêu ra bốn vấn đề quan trọng để hỏi Đức Thế Tôn. Nói cách khác, bốn vấn đề quan trọng mà Tôn giả A-Nan hỏi đây đối với những người mới phát tâm bồ đề tu hành như chúng ta, thì nơi lòng ít nhiều đều mang nỗi lo nghĩ nghi ngờ. Qua tâm thành thưa hỏi của Tôn giả, Đức Phật từ bi khai thị giải bày, mỗi mỗi câu hỏi, mỗi mỗi lời giải đáp, qua đó

chúng ta có thể lãnh hội nghĩa lý thâm thúy, phá trừ được nghi hoặc nơi lòng, từ đó đối với lý đạo vi diệu nhiệm mầu và phương pháp tu hành tự nhiên thông suốt. Đây chính là ý nghĩa của chữ “hồi” trong kinh này.

3.- Sự Phật: Sự là thừa sự phụng hành. Phật là người đã giác ngộ dứt sạch tất cả mọi nghiệp chướng phiền khổ, giải thoát luân hồi sanh tử. Sự Phật là thuần tâm chánh niệm phụng thờ và thực hành vui lòng thành kính tin vâng lời giáo huấn của Phật. Phật giáo là giáo dục hướng đạo chúng sanh tu hành để trở nên an lành thánh thiện, chứ không phải thuần túy tôn giáo phụng thờ lễ bái ý lại thần quyền cầu xin lợi lộc. Nếu Phật giáo chỉ thuần là tôn giáo thần quyền, thì con người có thể tin vâng học tập và cũng có thể không. Và như thế Phật giáo chỉ là thứ tôn giáo tạo cho con người mê tín cuồng nhiệt nơi thần linh, phó thác tương lai sinh mạng mình cho đấng thần linh sáng tạo. Điều này tối kỵ đối với Phật giáo. Chính vì Phật giáo là giáo dục, tức là khai thị phương pháp và dưỡng dục trí đức, giáo hóa con người biết cách khai triển khả năng chân thiện mỹ ẩn tàng chính nơi con người để trở nên thánh thiện, để từ nhơn cách đến Phật cách, từ khổ lụy buộc ràng đến an vui giải thoát, từ phàm phu ngu muội đến Phật thánh giác ngộ. Nên những ai thành tín chánh tâm tín tin theo lời Phật dạy mà thực hành, thì kết quả sẽ được tiến bộ trong ánh sáng an lành hạnh phúc, được giác ngộ như Phật. Bằng không tin thì tạo thành lầm lẫn tổn thất nghiêm trọng cho sự an lành và tiến hóa của mình và xã hội. Từ tinh thần căn bản chánh thống này, nên một cách khách quan vô tư, thì cho dù các tín ngưỡng tôn giáo nào đi nữa cũng nên tiếp nhận tu học theo Phật pháp, chẳng khác nào người có thói quen uống các thứ nước rượu, bia, coca 7up v.v.. nhưng uống nước thiên nhiên vẫn cần thiết cho sức khỏe hơn. Phật pháp như nước thiên nhiên trong lành bồi bổ dinh dưỡng cho nguồn sống an lạc tiến bộ của khắp mọi chúng sanh. Phật giáo như biển cả có khả năng dung chứa tất cả nước của sông ngòi làm thành một vị. Lời dạy của Đức Phật bao dung tất cả giáo lý thiện của các tôn giáo thành một năng độ giác ngộ giải thoát.

Phật là một con người như bao nhiêu con người ở trần gian. Nhưng là con người có tâm tu, có ý chí hướng thượng, có tinh thần dũng tiến không ngừng, có thực chứng, nên tâm trí giác ngộ giải thoát.

Phật giáo là những lời giáo dục của Đức Phật phát ra từ đại trí tuệ, đại giác ngộ cảm hóa chúng sanh, nên sự giáo dục của Phật thường được gọi là giáo hóa. Mục đích giáo lý của Đức Phật là đánh thức chúng sanh thực sống lại với chính trí huệ giác ngộ của mình. Tôn chỉ của Phật giáo là triệt để phá trừ mê tín, khai mở chánh trí, khiến cho mọi người nhận rõ chân vọng, chánh tà, thị phi, thiện ác, lợi hại, đắc thất, để phấn tấn tiến lên kiến lập lý trí đại giác, tiến thủ lạc quan, hướng thượng phát huy tâm lượng từ bi thanh tịnh hoàn thành nhơn cách thánh thiện cứu thế độ sanh, giải quyết tất cả phiền khổ của chúng sanh để cùng đạt đến vũ trụ an hòa, nhơn sanh chân thật viên mãn hạnh phúc. Vì thế, Đức Phật giáo hóa, lời dạy của Ngài đối với bất cứ ai, ở bất luận tôn giáo

hay lãnh vực nào cũng có thể tiếp thọ thực hành và nhất định sẽ đạt được kết quả an lành thánh thiện tiến bộ. Đây gọi là sự Phật.

4- Cát hung: Phạm làm việc gì thích với lòng, hợp với tâm, như ý mãn nguyện, được mọi người lương thiện khen mừng thì gọi là cát, tức là tốt lành. Trái lại, việc không xứng hợp với tâm, bất như ý mà bị mọi người lương thiện hiền đức ta thán thì gọi là hung. Tất cả sự việc trái ý nghịch lòng, cho đến tai ương hoạn nạn bệnh hoạn đều gọi là hung. Hai chữ “Cát - Hung” ở đây đã trở thành chủ yếu cho nghi vấn về kết quả việc “sự Phật”. Nói cách khác là, tại sao có người tin học Phật, kính thờ, Phật, thừa sự phụng hành lời Phật mà lại kết quả hung xấu? Điều này được Phật tương tận giải đáp trong kinh này: Tám chữ “**A-Nan Hối Phật Sự Cát Hung**” là tên riêng của kinh này, chứ không phải tên chung cho tất cả các kinh của đạo Phật.

5.- Kinh: Chữ kinh là danh từ, là đề tài chung. Phạm những lời Phật dạy được kết tập thành bộ, thành quyển đều gọi là kinh. Như kinh Pháp-Hoa, kinh Niết-Bàn, kinh Hoa-Nghiêm, kinh Bát-Nhã là tên, là đề tài riêng của mỗi bộ kinh, mang nội dung khác nhau. Cũng như kinh này, tên là A-Nan Hối Phật Sự Phật Cát Hung.

Chữ kinh trong Phật Giáo hàm chứa rất nhiều nghĩa, mà nghĩa cốt yếu là khế hợp. Tức là khế hợp sở chứng của Phật, khế hợp chân lý vũ trụ hạn hữu muôn đời, khế hợp trình độ căn cơ của chúng sanh suốt mọi thời khắp nơi chốn, nên gọi là kinh. Đối với chữ kinh, xưa nay thường dùng bốn chữ “**Quán nhiếp thường pháp**” để giải thích.

Quán là quán xuyên. Nghĩa là văn nghĩa trong kinh điển Phật đều mang đặc tánh nghiêm cẩn về thể thức tổ chức, kết cấu, tinh suốt một mạch quán xuyên từ đầu đến cuối, không có rối loạn, tương phản.

Nhiếp là nhiếp thọ chúng sanh, khiến cho chúng sanh an lành, tiến bộ trên đường thánh thiện giác ngộ.

Thường là trước sau như một, thường hằng bất biến, thể hiện chân lý siêu thời gian, vượt không gian, khắp cùng nơi chốn, cổ kim trong ngoài vẫn như như thường nhiên.

Pháp là pháp tắc, là nguyên lý, là nguyên tắc, mà tất cả hiền thánh phạm phu ngoại đạo đều nên tuân giữ phụng hành thì được an lành giải thoát giác ngộ. Bất cứ văn cú sách sử nào mang đủ bốn nghĩa trên đây thì mới được gọi là kinh Phật. Do tính chất có đặc thù, có điều lý, có thể hiện, có tổ chức, có cấu kết quán xuyên thuyết minh chân tướng vũ trụ như sanh, có khả năng khiến cho mọi người đều lãnh hội, có thể thực chứng chân tướng vạn pháp, nên kinh Phật còn được gọi là giáo khoa thư về chân lý.

Tổng hợp tên kinh này là một cách sát nghĩa yếu gọn là Tôn giả A-Nan thừa thính với Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni rằng: “Có người vâng tin y giáo phụng hành theo lời Phật dạy thì được phước quả kiết tường vạn sự như ý. Nhưng có người phụng Phật mà lại bị họa hại tai ương bất lợi, ấy là tại vì sao?”. Như thế thì tên kinh này trọn nghĩa và Đức Phật giải đáp điều đó.

Nội dung kinh đây thuyết minh về phương cách học Phật, đạo lý cơ bản làm người. Có thể nói bốn kinh này là giáo khoa sơ học nhập môn cho hành giả xây dựng hạnh phúc thánh thiện, tuy là thuộc hàng nhơn thiên tiểu thừa, nhưng thực chất lại là nền tảng căn bản của Đại thừa Phật Giáo. Đại thừa Phật pháp như nhà lầu mười tầng mà học khoa của nhơn thiên tiểu giáo tức là kinh này chính là nền móng cho tòa nhà lầu mười tầng đó. Từ yếu nghĩa đây có thể thấy rằng, kinh này đối suốt trong toàn thể giáo học Phật pháp nó chiếm địa vị quan trọng đến chừng nào. Hình thức kinh thì đơn giản, ý nghĩa kinh không bí ẩn tàng sâu, nhưng lại hết sức căn bản. Người học Phật phải nên bắt đầu học từ kinh này. Người giảng kinh cũng nên bắt đầu khởi đi từ kinh này giảng lên.

Tôn chỉ kinh đây rõ ràng Đức Phật bảo chúng ta rằng: Ai y theo giáo pháp của Phật phụng hành thì nhất định được kiết tường tự tại. Trong giáo pháp Phật-Đà Ngài dạy chúng ta “tu hành” để thăng hoa thánh thiện nhơn cách. Tu là tu chánh. Hành là hành vi. Tu hành có nghĩa là tu sửa hành vi ngôn ngữ ý nghĩ của mình để trở nên đôn chánh lành thiện. Đức Phật dạy chúng ta “Chớ làm các điều ác, nên làm các việc lành”. Lời khuyên này hết sức đơn giản mà bấy đời Đức Phật cũng đều khuyên như thế. Đơn giản đến độ trẻ ba tuổi cũng biết, mà người già tám mươi tuổi làm chẳng xong.

Tu học Phật là sửa thân miệng ý để chấm dứt tất cả các ý nghĩ hành vi xấu ác. Tu thì nên nói những lời hiền hòa lợi ích chúng sanh. Tâm nên luôn luôn nuôi dưỡng lòng thành kính, bình đẳng, từ bi, hiếu hòa đối với tất cả chúng sanh và lúc nào cũng mang tâm nguyện hóa độ tất cả chúng sanh không mỗi mệ. Điều hòa ba nghiệp thân miệng ý lành thiện thanh tịnh. Phải luôn luôn ghi nhớ nơi tâm, tin chắc vun trồng nhân lành thì quyết định sẽ được quả lành. Nếu người y theo lời Phật dạy thành tâm dốc chí thực hành thì nhất định gặt hái mọi điều như ý. Có y giáo phụng hành mới là chân chánh nghe theo lời Phật dạy. Nhược bằng học Phật chỉ để hiểu cho thỏa mãn óc hiểu biết, rồi đem hết thì giờ lo suy diễn về viết sách hoặc rao nói mà tâm niệm hành vi đời sống không chân chánh thánh thiện tiến bộ như lời Phật dạy thì đó là lối y giáo phụng hành chỉ cầu lợi danh thì thuộc vào hư ngụy, tất nhiên kết quả sẽ trái ngược chứ không trọn lành như ý.

II. Hình thức tổ chức của kinh.

Toàn thể bốn kinh này có thể phân làm bảy đoạn:

Đoạn một: Từ câu “A-Nan thừa Phật”, đến câu “Vâng làm tất cả những điều đã nghe được”: Đây là nói rõ việc tin Phật, vâng lời Phật dạy, y theo lời Phật dạy mà chánh tâm thành ý phụng hành, thì nhất định sẽ được quả báo cát tường. Trái lại, nếu mê tín làm ngược những điều Phật dạy hoặc miệng tỏ ra thành khẩn mà tâm hạnh lại không chân thật, không tương xứng thì sẽ phải nhận lấy quả báo không cát tường. Đây là điều mà các học giả học Phật chân chánh hết sức quan tâm đến.

Đoạn hai: Từ câu “A-Nan bạch Phật rằng”, đến câu “Tội lỗi sâu nặng như thế”: Đoạn này luận giảng về tội lỗi của việc sát sanh. Điểm này thiên trong về giới luật, cũng là thực tế luận giải về vấn đề giới luật, cũng là thực tế luận giải về vấn đề thiện ác thuộc hành vi sinh hoạt của chúng ta. Phạm vi giới luật thì rộng rãi vô cùng, đây chỉ lược nêu lên một vấn đề sát sanh có tánh cách tiêu biểu để luận giải, hy vọng chúng ta từ vấn đề này để có thể suy rộng ra hiểu được những vấn đề khác, nhân đó mà thể nhận công đức lợi ích của tinh thần giới luật, tiến lên phát nguyện tu học ngũ hầu đạt đến cảnh giới tri hành hợp nhất.

Đoạn ba: Từ câu “A-Nan lại bạch Phật rằng”, đến câu “Há chẳng thận trọng ư”: Đoạn này thảo luận về vấn đề giáo và học. Giáo học đối với quá trình sinh hoạt của con người rất là trọng yếu. Giáo học thành quả hay không đều do tâm lý song phương của giáo sư và học sinh, cùng với thái độ và phương pháp giáo học tốt, hướng dẫn tốt và học tập chuyên cần thì giáo học nhất định thành công. Phật Giáo vốn mang nặng đặc tính giáo hóa, xem trọng sự giáo dục cải thiện, tức là nhằm mục đích dạy dỗ con người tiến hóa trên đường thánh thiện giác ngộ giải thoát. Giáo sư ở đây tức chỉ cho hàng Tăng già đạo hạnh khéo khai thị giáo hóa. Học sinh là chỉ cho tín chúng chánh tâm khéo lãnh hội ngộ nhập, thành tựu cứu cánh trí huệ viên mãn, rồi sau đó đem khả năng kiến giải, tinh thần phục vụ để cứu giúp quốc gia xã hội, tạo an lành hạnh phúc cho chúng sanh. Nhân đây có thể nói tinh thần giáo hóa của Đức Phật là phương pháp giáo dục đặc thù truyền thống có khả năng cảm hóa vi diệu đưa người đến chân thiện mỹ.

Đoạn bốn: Từ câu “A-Nan lại bạch Phật”, đến câu “Đạo có thể độ được đời”: Đoạn này nhằm giải thích Phật pháp đối với thực tế sinh hoạt của chúng ta có sự va chạm không? Tương phản không? Vấn đề này, ngày nay đối với những người muốn học Phật mà còn do dự nghi ngờ, thì trong đoạn kinh đây, Đức Phật đã giải đáp một cách xác đáng rõ ràng, khiến cho người tu học Phật pháp theo đó có được lợi ích cho đời sống hạnh phúc mỹ mãn, mà không có chút gì trở ngại trên đường hạnh phúc tiến bộ thánh thiện. Văn kinh hàm dưỡng nội dung đến đây đã giải đáp các nghi vấn căn bản của chúng ta một cách viên mãn về bốn chữ Tu-Học-Phật-Pháp. Bốn đoạn trên đây là chủ đề vấn đáp của kinh này.

Đoạn năm: Từ câu “A-Nan nghe Phật nói”, đến câu “Chưa có thể nhận lấy quả Niết bàn”; Đoạn kinh đây ghi lại cảm tưởng và tâm đắc của Tôn giả A-Nan sau khi nghe pháp được lợi ích.

Đoạn sáu: Từ câu “A-Nan nhân đó mà khuyến tụng rằng”, đến câu “Phát nguyện chân thành vô thượng”; Đoạn kinh này thuộc thể thi kệ ngũ ngôn, bốn câu một bài, mang nội dung “A-Nan trình bày chỗ tâm đắc của mình. Đồng thời hỗ trợ Phật bằng cách khuyến hóa đại chúng trong pháp hội nên y theo lời dạy của Đức Phật mà hành trì thì mới được công đức lợi ích thù thắng, và như vậy không uổng công dạy dỗ cực khổ của Đức Phật”.

Đoạn bảy: Từ câu “A-Nan tụng như thế rồi”, đến câu “Lãnh thọ lời Phật dạy mà lui ra”: Đoạn này kết thúc pháp hội, đại chúng nghe Phật thuyết pháp xong lòng tin hiểu thâm sâu, phát nguyện thọ trì, đánh lễ tạ ơn Phật. Đến đây là tổng kết toàn kinh.

III. Dịch giả

Ngài An-Thế-Cao vị Sa-môn người nước An-Túc nay là nước Iran dịch kinh này.

Hậu Hán là chỉ một triều đại của Trung Hoa để đại biểu cho niên đại kinh dịch. An-Thế-Cao là tên của người dịch kinh. Đại-sư Thế-Cao là người nước An-Túc, lấy tên nước làm họ mình. Ngài tên thật là Thanh, tự là Thế-Cao. Nước An-Túc đời nhà Đường gọi là nước Ba-Tur, tức là nước Iran ngày nay. Đại sư Thế Cao vốn là thái tử của vua nước An-Túc, bẩm tánh thông minh nhân từ hòa hiếu. Người có trí tuệ đức hạnh lại đa tài nghệ. Sau khi phụ vương băng hà, Ngài kế thừa vương vị chưa đầy một năm rồi nhường ngôi cho người chú để thực hiện ý chí xuất gia học đạo tu hành. Sau khi thông hiểu Phật lý, lòng mang đại nguyện, Ngài rời bỏ quê hương đến Trung Quốc du hóa truyền bá Phật pháp. Lịch sử dịch kinh của Trung Quốc buổi sơ thời, Ngài là một Đại sư nổi tiếng nhất.

Ngài đến thủ đô Lạc-Dương của Trung Quốc vào thời Hậu Hán vua Hoàng-Đế niên hiệu Kiến-Hòa năm thứ hai, Tây lịch năm 148, được triều đình quý trọng kính lễ. Ở đây, suốt hai mươi hai năm (148-170), Ngài dịch được hai mươi chín bộ kinh, tổng cộng hơn 176 quyển. Đến đời Hán-Linh-Đế niên hiệu Kiến-Minh năm thứ ba, Tây lịch năm 170, Ngài mới ngừng công tác phiên dịch để đi du hóa đó đây khắp vùng Giang Nam. Tại đất Dự-Chương, ngày nay thuộc tỉnh Giang-Tây, ở tỉnh thành Nam-Xương, Ngài kiến tạo chùa Đại-An, đây là ngôi chùa đầu tiên của Trung Hoa thuộc vùng Giang Nam. Những chuyện thần bí kỳ lạ về Ngài rất nhiều, có thể tìm đọc ở Cao-Tăng-Truyện tập một.

Danh từ Sa-môn là phiên âm từ tiếng Phạn Sramana. Ngày xưa người Ấn Độ gọi người xuất gia là Sa-môn, với ý nghĩa cần-tức, tức là người đã dứt bỏ việc thế gian, chuyên cần tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si.

Bản kinh này nguyên là Phạn văn được Đại sư An-Thế-Cao phiên dịch từ Phạn văn ra thành Hán văn, hiện kết lục nơi Đại-Chánh-Tân-Tu-Đại-Tạng quyển 14 từ trang 753.

Trên đây lược giới thiệu về tên kinh, nội dung và dịch giả của kinh này.

PHẦN HAI: KINH VĂN

Đoạn một: Tin phụng thờ Phật có quả báo kiết hung

1. Tôn giả A-Nan khai thỉnh Đức Phật về việc tin phụng Phật có quả báo bất đồng.

CHÁNH VĂN:

A-Nan bạch Phật rằng: “Có người tin phụng thờ Phật được giàu sang phú quý tốt lành như ý. Có người tin phụng thờ Phật lại phải quả báo không như ý, bị tiêu hao suy thoái. Tại sao có việc khác biệt lạ lùng như vậy? Cúi xin đức Thiên-Trung-Thiên (Phật) từ bi khắp vì chúng sanh mà giải nói cho.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh đây chính là lời của Tôn giả A-Nan mở đầu thưa thỉnh tôn ý Phật xin được nghe giảng pháp. Tôn giả nêu ra hai câu nghi vấn: Một là tin phụng thờ Phật được quả báo giàu sang phú quý, mọi việc đều được như ý. Hai là ngược lại, sau khi tu học Phật thì mất đi giàu sang phú quý, địa vị vốn có, lại theo đó phải nhận chịu quả báo đủ mọi điều trái ý nghịch lòng. Hai trường hợp trên đây đồng là phụng thờ học Phật cả mà sao lại nhận chịu hai quả báo khác biệt như vậy? Cúi mong Đức Thế Tôn rủ lòng từ bi thương xót chúng con và chúng sanh đời sau mà giải nói nghĩa lý này.

Bậc “Thiên-Trung-Thiên” là danh từ mà đệ tử Phật tôn xưng Đức Phật. mang ý nghĩa tôn kính khen ngợi Phật là bậc được khắp cả chúng sanh cõi trời cõi người tôn kính tối thượng.

2.- Phật đáp, phụng Phật được cát tường.

CHÁNH VĂN:

Phật bảo A-Nan: “Có người phụng sự Phật, theo bậc minh sư thọ giới, tin tưởng, tinh chuyên hành trì không phạm, tinh tiến phụng hành giáo pháp, không thối thất điều đã lãnh thọ.

LỜI GIẢI:

Trên đây lời Đức Phật giải đáp câu hỏi của A-Nan về việc tu học thì được quả báo tốt lành. Muốn được quả báo tốt lành thì trước nhất phải theo bậc minh sư cầu thọ giới tu học. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Này Thiện nam-tử, nếu muốn thành tựu nhứt-thiết-trí thì nên quyết phải tìm cầu học hỏi nơi bậc chân thiện-tri-thức, chớ nên sanh tâm giải đãi mỗi một, cũng không nên sanh lòng nhàm chán, hoặc tự cho mình là đầy đủ, mà thấy đều phải hết lòng tùy thuận, cũng đừng thấy chỗ thiếu sót lỗi lầm của thiện-tri-thức. Lúc đó Thiện Tài đồng tử một lòng nghi nhớ, nương thiện-tri-thức, kính thiện-tri-thức đối với thiện-tri-thức khởi lòng nghĩ tưởng như bậc mẹ hiền, được nghe pháp rồi thì khởi tâm vui mừng không xiết kể”. Do đây có thể biết được rằng, thế gian cũng như xuất thế gian việc cầu học đều xem trọng ở việc phụng hành lời Phật dạy.

Đạo thầy trò mà còn được giữ gìn vững chắc thì trên đời này còn nhiều người lành thiện. Người lành thiện nhiều thì quốc gia được thịnh trị, thiên hạ thái bình! Là đệ tử Phật, nếu chánh tâm chân thành phụng hành lời Phật dạy thì đời mình được an lành, đạo pháp ngày một thêm hưng thịnh, ảnh hưởng sâu xa đến quốc gia xã hội được thanh bình lợi lạc.

“Theo bậc minh sư thọ giới cầu học”. Được gọi là minh sư thì người đó phải là bậc có kiến thức đạo hạnh vững chắc, nhân đó đờ đệ tin theo thân gần để tiếp thọ kiến thức đạo hạnh của minh sư. Nên bậc minh sư còn được xưng là chân thiện-tri-thức. Ông Âu-Dương-Cảnh-Vô nói: “Bậc thầy là lấy tri kiến và đạo hạnh làm thể, chứ không lấy thành quả hoặc chỉ lấy nghi thức làm thể”. Kinh Pháp-Hoa nói: “Các Đức Phật Thế Tôn vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Đại sự nhân duyên chính là khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật”. Kinh Niết Bàn, kinh Du già, kinh Thủ Lăng Nghiêm đều chủ trương tri kiến. Tri là thấu suốt chân tướng các pháp không còn chướng ngại chân lý vạn hữu. Kiến là kiến tánh. Thấy rõ tự tánh chân tâm không còn mê lầm. Vậy tri kiến là thấu suốt chân lý vũ trụ, thể nhập tự tánh chân tâm. Thế nên “tri kiến” là thầy của trời người. Phật giáo là nền tảng căn bản trí đức duy nhất của thiên nhơn. Phật giáo là chánh kiến chánh tri, không lụy vì mê tín, không thiên lệch vì tình cảm, nên gọi là vi diệu pháp.

“Minh sư” là chỉ cho người thông đạt trọn vẹn chân lý của tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian không còn trở ngại, phẩm hạnh học vấn kiêm ưu, thật tu thật chứng song toàn. Đức Phật dạy chúng ta học Phật nên tìm cầu minh sư. Nhưng thật ra, nói cho cùng thì minh sư có thể gặp, nhưng không thể cầu. Bởi vì nếu đời trước vụng tu, phước đức yếu kém, khiếm khuyết nhân duyên lành thiện thì khó mà tìm gặp minh sư. Dù

minh sư ở bên cạnh nhà, nếu là tà tâm thì cũng không tiếp nhận được pháp như giáo hóa của minh sư. Cũng như kẻ nhiều nghiệp chướng, dù nhà ở sát cạnh chùa cũng vẫn không bước đến chùa lạy Phật nghe pháp. Do đó mà nói minh sư có thể gặp mà không thể cầu. Nói cách khác có thể thấy chùa, nhưng lại bước vào chùa lễ Phật nghe pháp thì không thể làm được. Nếu như không gặp được minh sư mà bắt buộc dĩ phải cầu hạng minh sư thứ yếu kém thiếu tri kiến đức hạnh, thì điều căn bản phải cầu vị thầy có chánh tri chánh kiến, có khả năng giảng giải lời của bậc thánh nhơn, khiến cho đồ đệ có thể hiểu biết lãnh thọ được, như thế mới nên tin phụng làm thầy. Kinh nói rằng: “Y pháp bất y nhơn, tuyết sơn nửa bài kệ, La Sát có thể sư”. Chỉ có bậc minh sư thấu đạt các pháp thế gian và xuất thế gian mới không sai phương hướng, mới không đưa chúng ta vào ngõ tà. Nhất là đối với người mới phát tâm vào cửa Phật, trước mặt lắm kẻ tự xưng là thầy, đời này không thiếu kẻ tự cho mình đã chứng đắc, nên khó tránh mắc phải tà sư ngụy thánh hư danh lợi dưỡng. Do vậy thường đưa đến tình trạng kẻ sơ phát tâm học đạo lúc ban đầu không may mắn gặp được minh sư, nếu sau này có gặp được chân thiện-tri-thức cũng không dễ gì dứt sạch định kiến lúc ban đầu để cải đổi phương hướng. Đây là vấn đề trọng đại đối với người mới phát tâm học Phật phải hết sức cẩn trọng lưu tâm. Với người mới phát khởi tâm chí học Phật cầu tiến phải thận trọng chọn thầy, tìm thiện-tri-thức thì đạo nghiệp mới mong thành tựu viên mãn.

“Thọ giới” là đệ tử tiếp nhận lời giáo huấn của thầy bằng giới luật Phật chế. Giới bao hàm ý nghĩa học vấn dung hội thể hiện ở nơi thân tâm sinh hoạt. Thế nên đích thực tinh thần của chữ “học” là thâm nhập và thể hiện, tri hành tương xứng. Học vấn được thể hiện sinh hoạt, sinh hoạt tức là học vấn, giáo dục tri hành hợp nhất, tu học lý sự viên dung. Do đó, học Phật cần phải thân cận bậc thầy thông đạt sự lý, có kiến thức tu dưỡng, thật tu thật chứng, biện tài đạo hạnh, đồ đệ mới có thể từ đó tiếp thọ giáo huấn hướng đạo, y giáo phụng hành.

“Tinh chuyên tin tưởng không phạm, tinh tiến phụng hành giáo pháp, không thối thất điều đã lãnh thọ”. Ba câu này giảng về đạo lý kính tin vâng lời thầy. Đã kính tin thì tâm phải chân thành, ý phải trung thực, không khúc mắc trái phạm, chuyên cần phục vụ dù phải tan thân mất mạng cũng không nệ hà. Vì cầu học tiến thân, vì tăng trưởng giới thân huệ mạng, nên người đệ tử đối với bậc thầy phải sanh tâm kính trọng, trong tinh thần tôn sư trọng đạo, đạo thầy trò là đạo căn bản con người, sư đạo là Phật đạo. Lời dạy của bậc thầy, đạo lý trong kinh điển đều là phương pháp tu hành, nếu học trò chuyên tâm thực hành theo không trái phạm thì đạo hạnh trí đức sẽ như thầy. Một lòng tin tưởng không nghi ngờ gọi là tinh chuyên tín kính. Không trái phạm lời giáo huấn của thầy gọi là không phạm. Tìm cầu minh sư, thân gần thiện-tri-thức với tâm chí chân thành như vậy mới thật sự gọi là thái độ tu học chân chánh. Cư sĩ Đường Đại Viên nói: Đạo Phật dạy người trước cầu đạt căn bản trí, vô tướng không phân biệt, sau cầu hậu đắc trí có khả năng phân biệt suốt thông tất cả pháp. Cũng như phương pháp giáo dục của Trung Hoa ngày xưa dạy trẻ con học kinh, trước chỉ cần học thuộc lòng, sau giảng giải mới

thấu hiểu thâm sâu, về lâu về dài tự nhiên khai ngộ, đó là tư tưởng nhất quán của văn hóa Đông phương. Học Phật cũng nên đọc tụng thuộc lòng kinh luận, mới đầu chẳng cần cầu hiểu liền hiểu sâu, tức là cầu căn bản trí. Khi đã thuộc lòng kinh điển, một ngày nào đó tự nhiên thấm sâu vào tim óc sanh đặc kỳ diệu, do thường hằng nghe điều thuộc lòng mà sanh tư duy, tư duy là cách tu nhiếp niệm điều phục tâm vào một mục đích tu huệ, là phương cách của văn tu tu, đưa đến đạt hậu đắc trí. Lấy đây để so sánh thì triết lý sống của Đông phương không vội cầu liễu giải, mà cầu bồi dưỡng căn bản trí, nên mất đi tác dụng hậu đắc trí. Âu Dương Tu cũng nói: “Hạng người cho rằng kinh điển thánh hiền nghĩa lý thâm sâu không thích hợp với tuổi trẻ sơ học, nên bỏ đi đừng học thuộc lòng, điều này thật là nông nổi! Đây cũng là mầm mống đen tối là hư hỏng học phong, thật chết đi được! Cái học không còn sinh khí nữa vậy!”.

“Tinh tấn phụng hành tinh chuyên tin tưởng không phạm” là tinh thuần chuyên nhất ngày đêm tinh tấn không ngừng, nhờ vậy mà khắc phục loạn tâm nhứt chỉ để tiến thủ từng giờ từng khắc, ngày hôm nay hơn ngày hôm qua, giờ này hơn giờ trước, đồng mãnh tiến lên không thối chuyển. Đây đích thực là phương pháp của người tu học theo minh sư để được như ý của bậc thầy, và mãn nguyện tâm chí học đạo của mình. Kinh điển là giáo tài của Phật pháp thuyết minh chân lý vũ trụ vạn pháp, trình bày cội nguồn của thực tế nhơn sanh, luôn luôn sinh động, có đầy đủ tính chất siêu việt thời gian và không gian. Phật pháp là nguyên lý nguyên tắc bất biến, dù ở thời gian hoàn cảnh nào. Bởi giáo lý đạo Phật mang tính chất duy nhất vĩnh hằng bất biến mới vẫn có thể trải bao ngàn năm vẫn hiệu năng đại dụng không lường, nên gọi là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Về điểm này, chúng ta có thể chứng thật qua lịch sử lưu truyền Phật pháp. Bằng chứng như trong cùng một bộ kinh thuyết minh chân lý duy nhất, nhưng sự giải thích tất nhiên có mang tính chất thời đại, chúng sanh mới có thể lãnh hội, mới thấu hoạch lợi ích. Đây chính là căn bản trí bất biến, mà hậu đắc trí thì tùy thuận chúng sanh, các thứ duyên để được đại dụng vô biên, rộng sâu vô lượng. Tuy vậy, cũng không trái lệch với kinh điển, với lời Phật dạy. Đây chính là ý nghĩa tinh tấn “nhứt nhứt tâm, hựu nhứt tâm”. - Mỗi ngày tinh tấn không ngừng, mỗi ngày đều mới, hôm nay mới hơn hôm qua. Tuy mới mà không mất gốc cũ. - Tùy duyên nhưng bất biến. Thích nghi căn cơ thời đại mà không ngoài chân lý chánh pháp, nên gọi Phật pháp là khế cơ, khế lý. Nhưng điều đáng lưu ý là, không phải học thuộc lòng kinh điển rồi dính mắc trong kinh điển như cái đũa đựng sách. Người học thuộc kinh điển không phải chỉ để nói lời thông, tụng kinh không cần quyền, không phải để người khen thưởng, mà mục đích của học thuộc lòng để suy tư lời kinh quán chiếu lại tâm tánh hành vi của mình, từ đó sửa đổi cải thiện tinh tiến thánh thiện thân tâm mới là thâm nhập kinh tạng. Người học Phật phải thức thời, phải tinh tiến, phải thích hợp với thời đại để hướng dẫn chúng sanh của thời đại. Có tâm chí tinh tiến phụng hành lời dạy của minh sư thì tự nhiên đối với đạo nghiệp học vấn tiến bộ lâu dài, không mắc phải bệnh năng thuyết bất năng hành, tránh khỏi rơi vào cố chấp lỗi thời lạc hậu. Không ý hức điều này thì tu lâu mà ngày một

thêm xa lý đạo mất đường vào bảo tháp kiến tánh. Điều thiết yếu mà người tu học Phật không thể thiếu đó là thanh tâm thanh tịnh lễ bái cúng dường trai giới.

CHÁNH VĂN:

Hình tượng Phật phải trang nghiêm tốt đẹp, sáng chiếu thành tâm lễ bái, cung kính thấp đềm nền, thanh tịnh bố thí được phước báo an lạc, hành vi không trái với lời Phật dạy, trì trai giữ giới không gián đoạn, không mỗi mội, như thế lòng mới được an vui.

LỜI GIẢI:

Thờ hình tượng Phật tốt đẹp trang nghiêm là biểu hiện lòng thành kính. Cúng dường lễ bái hình tượng Phật không phải là một hình thức mê tín làm là thể hiện nghệ thuật tối cao về giáo học, thể hiện lòng thiết tha về tâm thành hướng thượng chân thiện mỹ. Phật, Bồ Tát vô số, nhưng không phải là phiếm thần giáo, mà là tiêu biểu cho tự tánh của chính mình có vô tận đức năng, nên thờ cúng lễ lạy Phật tượng chính là khai triển khả năng Phật tánh, thánh thiện tâm linh. Hình tượng Phật, danh hiệu Phật là tiêu biểu cho “quả địa” tánh đức. Hình tượng Bồ Tát, danh hiệu Bồ Tát là tiêu biểu cho “nhân địa” tu đức. Kính lễ Phật và Bồ Tát mang ý nghĩa kính trọng hai đức tánh đó. Nói cách khác, kính lễ Phật, Bồ Tát hàm dưỡng ý nghĩa tự trọng tự tánh, trang nghiêm đức tánh, tự cường khả năng của chính mình. Cũng như danh hiệu Thích-Ca Mâu-Ni. Thích-Ca nghĩa là năng nhân, tức bên ngoài thì khả năng thể hiện tất cả việc nhân từ đức hạnh. Mâu-Ni nghĩa là tịnh mặc, tức bên trong thì hàm dưỡng đầy đủ đức tánh thanh tịnh giải thoát. Cũng như danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát có nghĩa là đại địa tàng chứa tài nguyên quý báu, mà ý nghĩa sâu xa của tánh đức và tu đức là hiếu đạo. Đạo hiếu là tiêu biểu căn bản cho muôn vạn điều lành. Điều lành là đặc tánh căn bản của tu đức. Muốn đạt thành tu đức thì trước nhất phải khởi đi từ đạo hiếu. Ngoài ra như danh hiệu Văn Thù là tiêu biểu cho đức tánh trí huệ. Quán Âm tiêu biểu cho đức tánh đại từ bi. Di Lặc tiêu biểu cho đức tánh đại từ nhẫn nhục. Phổ Hiền tiêu biểu cho đức tánh thế nguyện chuyên chở tu đức rộng lớn v.v... Trong Phật Pháp cho người tu học Phật có cơ duyên mắt thấy Phật tượng, tai nghe danh hiệu Phật, từ đó làm duyên có thể phát tâm khai triển tánh đức và tu đức, phát khởi ý chí hướng thượng thờ kính lễ hình tượng Phật Bồ Tát với tinh thần hướng thượng, với tâm chí cầu tiến thánh thiện mang ý nghĩa thâm thúy như vậy thì có thể gọi là mê tín ư?

Huống nữa Đức Phật Thích-Ca là bậc Thầy khai sáng đạo, Bồ Tát là những vị hiền thánh, đạo lý hành vi của các Ngài trải đã mấy ngàn năm chẳng những chưa mấy may tỏ ra lỗi thời lạc hậu mà còn làm ánh sáng chỉ nam cho những công trình phát minh của nhơn loại nhẹ bớt tầm tối khổ đau, nên sự thờ phụng cúng dường kính lễ hình tượng Phật Bồ Tát chính là cách dạy người thuần tâm thành ý, chánh kiến chân học tín tu. Người có tâm kính hiền trọng đức thì tất nhiên thích làm việc lành, tạo hạnh phúc cho

xã hội, giúp đỡ mọi người. Thờ tượng Phật Bồ Tát phải tốt đẹp trang nghiêm tức là hàm dưỡng ý nghĩa chánh tâm thành kính luôn luôn giữ lòng thanh tịnh, hành nghi đoan trang, tinh tấn tu tập, khai triển thiện tâm thanh cao hơn cách như Phật và Bồ Tát. Có kẻ cho rằng thờ lạy Phật tượng là việc làm mê tín, là cách thờ lạy ngẫu tượng. Do tâm tà ý lệch như thế nên đưa đến quan niệm không cúng bái ông bà tổ tiên, không ăn đồ cúng cha mẹ. Điều này đầu độc đưa đến ý niệm vong ân bội nghĩa bậc sanh thành dưỡng dục, người ân đức giúp đỡ mình. Xa hơn nữa là vong bản quốc gia, mất nguồn dân tộc. Hằng ngày chào cờ. Biết bao anh hùng đã hy sinh dưới bóng cờ. Cũng biết bao anh hùng đã thành công dưới bóng cờ tổ quốc. Vậy chào cờ cũng là ngẫu tượng mê tín ư? Nên thánh hiền Đông phương nói: Hiếu là đầu trong muôn hạnh lành.

“Sáng chiều thành tâm lễ bái”. Đây là phương pháp tu thân. Bởi thân thì thường thích ăn ham ngủ đắm trong dục lạc hưởng thụ, buông lung phóng túng không thích khép mình theo phép tắc luật nghi, nên phải dùng đến phương pháp lễ Phật chuyên cần để từ đó có thể ngăn chữa bệnh giải đãi, giảm trừ dần thói hư tật xấu của thân.

“Cung kính đốt đèn” là một cách của phương pháp tu tâm. Tâm u tối mê mờ thích làm những chuyện ích kỷ lợi mình hại người, do tham sân si ám muội tạo nên những điều phiền lụy khổ đau cho người khác để thỏa mãn dục vọng phàm tục của mình. Thành tâm cung kính đốt đèn cúng Phật, soi sáng hình tượng Phật, thấy rõ tướng hảo trang nghiêm để từ đó đèn Phật huệ soi sáng đến tận thâm sâu tăm tối của tâm hồn. Sáng chiều là ý nói thời khóa tu niệm sáng chiều nhất định. Người tu học Phật phải có thời khóa tu nhất định để nhiếp phục thân tâm, nhiếp niệm quán chiếu, không thể khi vui thì tụng kinh niệm Phật, khi buồn thì nghỉ hay hay khi buồn thì tìm đến Phật, niệm Phật tụng kinh cầu nguyện, khi được an vui lại thôi. Người tu học Phật phải phát tâm lập nguyện, không thể xu hướng tùy thời, khi rảnh khi khỏe thì tọa thiền niệm Phật, khi bận khi mệt thì thôi, hoặc ngược lại.

Lễ bái là phương cách thúc liễm thân buông lung, để nhiếp niệm an định, điều tâm cung kính, dẹp trừ ngã mạn. Lễ bái còn là phương pháp làm cho thân tinh tấn không u trệ biến lười giải đãi, làm cho tâm tinh thức không cho tâm hồn trầm mê muội. Phương pháp lễ bái của nhà Phật là y cứ vào nguyên lý của pháp tu thiền định, tức là động tĩnh nhiếp niệm không hai. Ngoài ra lễ bái còn là phương pháp dưỡng sanh tốt nhất cho thân thể tráng kiện, tâm trí tinh sáng. Nếu mỗi buổi sáng hành giả phát nguyện thực hành lễ sám hồng danh thì nhất định thân tâm cường tráng trong sáng. Xưa nay những người nhập thất tịnh tu đúng phương pháp, sau thời gian tu thất viên mãn, họ đạt được kết quả huy hoàng là thân thể tráng kiện, tâm trí minh mẫn, tinh thần định tĩnh. Đây là diệu lý tu dưỡng vi diệu của nhà Phật, xin hành giả tu học Phật lưu ý chớ nên đem tâm hiếu kỳ truy cầu phương pháp nào khác lạ viễn vông mà lãng phí thời gian uổng công vô ích.

Chính đức Phổ-Hiền Bồ Tát cũng đã tu phương pháp lễ lạy. Đại nguyện thứ nhất của Ngài hành trì là: “Nhứt giả lễ kính chư Phật”.

Tu phương pháp lay sám hối tuy đơn giản mà hiệu quả thúc liễm ba nghiệp thân khẩu ý, kết quả tâm trí thanh tịnh, thân thể giảm thiểu bệnh hoạn, ác nghiệp ít sanh, tinh thần cường tráng, cuộc sống trở nên an lạc, vậy mà được mấy người thực hành? Đòi nay có kẻ chẳng rõ lý lẽ thâm sâu của phương pháp lễ sám hối có hiệu năng tối vi diệu làm cho thân cường tráng, tâm trí trong sáng thanh tịnh, nên vội buông lời chê pháp tu này là tầm thường của kẻ hạ căn, cho nên chỉ có pháp tu thiền, tu mật mới thật là thượng căn mau chứng. Họ đâu có biết đến các vị Bồ Tát Phổ-Hiền, Quán-Âm, Di-Lặc, Văn-Thù còn phải tu pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Tổ thiền thứ 14 là ngài Long-Thọ bỏ Thiền tu Tịnh độ và viết luận Đại-Trí-Độ, luận Tỳ-Bà-Sa để xuong minh pháp môn Tịnh độ. Tổ Mã-Minh trước tác Đại Thừa Khởi Tín Luận, Bồ Tát Vô-Trước làm Vãng Sanh Luận cũng để xuong minh pháp môn Tịnh độ niệm Phật, lễ Sám Hối Hồng Danh. Thiền và mật thì gồm cho cả Đại Thừa và Tiểu Thừa. Nhưng pháp môn Tịnh độ chỉ có hành giả Đại Thừa mới có thể tiếp nhận. Nên kinh A-Di-Đà đức Phật nói: “Nan tín chi pháp”. Pháp khó tin. Tức là pháp môn Tịnh độ niệm Phật, sám hối này chúng sanh khó tin, khó thực hành. Do đó, có lắm người xem thường pháp môn hiệu năng vi diệu này. Phật đã biết rõ và huyền ký pháp môn Tịnh độ là “nan tín chi pháp”.

“Thắp đèn là phương pháp tu tập”. Đèn tiêu biểu cho sáng tỏ, trí tuệ và nhiệt năng. Nói cách khác, đốt đèn cúng Phật là hàm dưỡng ý nghĩa tiêu biểu cho mỗi người chúng ta vốn đầy đủ đức tánh trí huệ sáng suốt và từ bi nhiệt tình. “Cung kính đốt đèn” là biểu thị tự đốt sáng cho mình là chiếu sáng cho người khác để cùng được sáng soi ấm áp. Dùng tâm thành kính để đốt sáng lên đèn trí huệ, bùng cháy lửa tinh tấn tạo thành vô tận ánh sáng ấm áp để cứu giúp thế nhơn. Không-Tử dạy môn đồ cũng có câu nói tương tự: “Hiếu học cận hồ trí”. Nghĩa là người hiếu học là người đem tâm chí tập trung vào việc học thì gần với trí. Tức là tâm ý tập trung thì trí tuệ khai thông. Không-Tử chú trọng nơi việc học.

“Thanh tịnh bố thí được phước báo an lạc. Hành động không trái lý đạo, không trái lời Phật dạy”.

Hai câu trên đây thuyết minh phương pháp tu hành. Tu là sửa, sửa trái thành phải, sửa xấu thành tốt, sửa tà thành chánh. Nên tu có nghĩa là tu chỉnh, tu chánh. Hành là hành động, hành vi tâm niệm của con người đâu tránh khỏi ba thứ độc tham sân si làm chướng ngại? Do đó chân tâm chánh niệm mà không thể hiện được để điều khiển thân miệng thì ba nghiệp thân miệng ý tạo ra lắm điều phiền khổ bằng tham đắm của cải, truy cầu danh lợi dục tình không thôi, từ đó mở cửa tội lỗi, tiếp nối tạo ác nghiệp, đọa đày trong đường luân hồi sanh tử khổ đau, thật đáng thương!

Phật pháp là cái phao cứu người chìm trong biển cả ba đào sanh tử. Phật pháp khiến cho con người phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, mà người tu học Phật pháp phải biết nắm lấy chỗ bí yếu trước nhất là thực hành “thanh tịnh bố thí”. Bố thí là buông

xả. Buông xả với tâm an vui trong niềm hoan lạc thanh tịnh bình đẳng. Đây chính là tinh thần ly tướng bố thí của Đại Thừa Phật giáo, tức là cho mà không điều kiện, không mong cầu báo đáp. Công đức của thanh tịnh bố thí có khả năng phá trừ tham sân si mê chấp, đoạn diệt tất cả ác hạnh, tạo lợi lạc cho mọi người. Chính do chánh tâm buông xả mà đoạn trừ được mê chướng, lý sự suốt thông, thân tâm an lạc tự tại. Nhân đây có thể biết thanh tịnh bố thí dù là tài thí, pháp thí hay vô úy thí, nội tài thí hay ngoại tài thí cũng đều là chánh chân tu hành, tất nhiên được thọ dụng chân thật an lạc, được thiện quả báo.

“Không trái lý đạo, không trái lời Phật dạy”. Là đệ tử Phật nguyện y theo đạo lý của đức Phật truyền dạy mà tu hành, tức là những nguyên lý nguyên tắc mà người tu học Phật phải nghiêm chỉnh tuân hành. Đối đãi với người, xử thế với vạn vật không nên trái với điều Phật chế. Điều căn bản đầu tiên để tiến thân trên đường giác ngộ là thọ ngũ giới, rồi đến thập thiện v.v... Hành giả chánh tâm nhất niệm quyết chí đi đến giác ngộ giải thoát thì làm bất cứ điều gì phải y cứ đạo lý, lấy đạo lý Phật dạy làm thước đo, được như thế mới có cơ hội hoàn thành người lành thiện, xứng hợp đạo cách. Như Khổng Tử nói: “Lực hành cận hồ nhân”. Nghĩa là đem hết tâm lực cho việc làm lành thì đạt đến nhân nghĩa thánh thiện. Muốn đạt kết quả lành thiện mong muốn thì phải luôn luôn thật tâm dốc lòng tu sửa thực hành điều lành thiện. Nói no mà không ăn thì không thể nào no, mà phải ăn. Nói đi mà không cất bước đi thì không thể nào đến, mà phải đi. Nói tu mà không thực hành lành thiện, tu tâm sửa tánh thì không thể nào thành, mà phải đích thân thực hành mới thành đạt quả tốt.

“Trai giới không nhàm” là nói lên ý nghĩa công phu kiên tâm trì chí tinh tấn không ngừng. Tâm thanh tịnh gọi là trai. Đức Phật thường dạy chúng ta phải giữ lực căn thanh tịnh, không nhiễm trước trần cảnh. Điều này chính đức Phật muốn chúng ta tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì tự nhiên đầy đủ vô lượng phước huệ. Nhưng thường thì tâm của chúng ta không được thanh tịnh, bởi do suốt ngày vọng tưởng luân tập tạp nhiễm quá nhiều nên chưa thể chứng đắc, đây là điều tủi hổ khổ tâm đối với hành giả thức thời cầu tiến. Phật dạy chúng ta nên trì giới. Giới có nghĩa là giới hạn, ngăn ngừa, cấm chỉ, dứt trừ tất cả vọng niệm, tập khí phiền não, hồi phục đức dụng thanh tịnh cố hữu của bản thể tâm tánh chúng ta. Nên “trai giới” là pháp môn hữu hiệu cụ thể hàm hữu ý nghĩa ngăn trừ nghiệp chướng, hàng phục thân tâm tạp vọng để trở nên thanh tịnh. Nghiệp chướng trừ sạch thì tâm ý thanh tịnh, đức tánh từ bi bình đẳng trong người của chúng ta hoàn toàn hiển lộ thì gọi là thành Phật. Vì vậy, phương pháp tu trì trai giữ giới không thể tính ngày giờ mà nhất định phải thường hằng tháng năm kiên trì không ngừng nghỉ gián đoạn, không nhàm mỗi một, tinh tấn công phu tu tập cải thiện không ngừng, hằng tâm trì chí nỗ lực khắc phục chướng ngại, gắng công liên tục tu sửa chánh niệm mới hy vọng viên mãn công hạnh tu hành thành đạt mục đích, thế mới là đại dũng lực. Đức Phật nói: người tu hành Phật đạo như kẻ chèo thuyền ngược dòng thác đổ phải cố ra sức chống chèo mới đến bến bờ an ổn. Khổng Tử nói: “Tri sĩ

cận hồ dũng”. Người biết hổ thẹn là người có tiến bộ. Biết xấu hổ nhìn nhận lỗi lầm thua kém là người có tinh thần dũng cảm. Người thông đạt sự lý với tinh thần dũng cảm ấy là mặc nhiên hàm dưỡng đạo đức thường hằng tiến bộ mới có thể đạt được chí nguyện siêu nhân thoát tục.

“Lòng được an vui”. Đây là nói công đức tu hành viên mãn, đạo hạnh tròn đầy mới được pháp hỷ sung mãn, chân thật thọ dụng an vui.

Trên đây là thuyết minh về đạo lý và phương pháp để cho chúng ta biết rõ phương cách chánh thân tu tâm từ đó đạt được mỹ mãn hạnh phúc an vui. Một khi đã đạt được an lạc hạnh phúc chân thật mới thể hội được giá trị về ý nghĩa cuộc sống của sự tu học Phật pháp. Có làm được như thế mới cảm nhận được Phật lực gia bị, Bồ Tát thiện thần ủng hộ trên lộ trình tu hành.

CHÁNH VĂN:

Thường được chư Thiên, thiện thần ủng hộ, tâm cầu như ý, hành sự như nguyện, trăm việc tăng tiến gấp đôi, được trời rồng quỷ thần mọi người kính trọng, về sau đắc đạo.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây nói lên thành quả của những hành giả chánh tâm thành ý y giáo pháp của đức Phật giảng dạy, dốc chí tu hành thì đạt được lợi ích phi thường. Thật vậy, người Phật tử nếu chuyên tâm chánh niệm tinh tiến học tập tu hành thì tất nhiên được Thiên nhơn thiện thần tôn kính ủng hộ, làm bất cứ việc lành thiện nào, tâm nguyện gì cũng đều được như ý không bị chướng ngại hủy diệt. Ngược lại, người mang tâm tà ngụy tu hành, dù có dựa thế lực quyền hành rồi cũng suy tàn mất vận. Bồ Tát Thiện thần ủng hộ người chân chánh lành thiện. Ác thần ác quỷ kính nể lánh xa. Kẻ tà ngụy gian ác thì tà thần ác quỷ gần gũi giúp đỡ. Còn cúng bái thì còn giúp, hết cúng bái thì chúng quay lại tác hại. Nên người tu Phật phải chánh tâm chánh niệm, phải nghĩ đến phát triển đạo pháp lợi lạc chúng sanh. Lúc đầu có khó khăn, nhưng về sau sẽ như ý nguyện. Chẳng những mang tâm nguyện hành sự không bị hủy diệt mà còn tiến triển này một thêm mới mẻ, gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp. Hành giả phải luôn luôn nhưt tâm chánh niệm tinh tấn không ngừng, dù chướng ngại vấp ngã trăm ngàn lần cũng phải dũng khí tinh tiến mạnh bước trên đường hành đạo như lúc ban đầu mới phát tâm với niềm tin vững chắc. Bởi người chánh tâm thành ý hành đạo tu tập thì luôn luôn được sự cung kính hộ trì của Tứ đại Thiên vương Bát bộ Hộ pháp Thiện thần và người đời kính ngưỡng giúp đỡ. Đó là sự lợi ích hiện tiền, còn về sau cuối cùng thì được trí huệ từ bi, đức hạnh viên mãn thành Phật.

CHÁNH VĂN:

Kẻ thiện nam, người thiện nữ (y như giáo pháp đức Phật mà chánh tâm tu hành) là chân thật đệ tử Phật.

LỜI GIẢI:

Phật nói: Được xưng là đệ tử Phật thì phải nhứt tâm chánh niệm y như giáo pháp đức Phật dạy mà tinh tiến tu hành, có làm được như thế mới gọi là phụng sự Phật. Thiện nam tín nữ chánh tâm học Phật, chánh niệm tu hành, không thiên lệch bên này, không chấp trước bên kia, không tin tà ma ngoại đạo, không theo thầy tà bạn ác, không dính mắc ngã si ngã kiến ngã mạn ngã ái, như thế mới đích thực là Phật tử chân chánh.

Trên đây đức Phật kết luận lời giải đáp về câu hỏi của A-Nan “Có người kính tin phụng thờ Phật, được giàu sang phú quý như ý tốt đẹp. Có người phụng sự Phật không được lợi ích như ý, lại còn bị tiêu hao suy thoái”.

Tôn giả A-Nan nêu hai câu hỏi để hỏi Phật: 1/- Kính tin phụng thờ Phật thì được phước báo giàu sang phú quý, mọi việc tốt đẹp như ý. 2/- Kính tin phụng thờ Phật thì lại bị ác báo tiêu hay suy thoái. Cũng đồng là kính tin phụng thờ Phật cả, mà tại sao quả báo lại không giống nhau? Thật ra điều này không có gì khó hiểu. Hễ chân tâm chánh niệm kính tin phụng thờ Phật, ngày đêm chuyên cần tinh tấn tu tập đúng như lời Phật dạy thì ngay hiện đời được kết quả lợi ích. Ngược lại, kính tin thờ Phật mà tà tâm tụng niệm cầu danh lợi dưỡng muốn được giàu có danh cao chức trọng, mang tâm niệm ngưỡng vọng Phật như thần linh thì sẽ gặp phải tai ương hoạn nạn. Bởi chân tâm chánh niệm thờ Phật tu hành thì được hộ pháp thiện thần chư thiên Bồ Tát gia hộ. Còn tà tâm tạp niệm thờ Phật tu hành thì được ác thần ác quỷ hộ trợ. Liên quan vấn đề này, chúng ta sẽ thấy đức Phật giải thích dưới đây.

3.- Phật đáp, phụng Phật mà lại gặp phải điều bất thường.

CHÁNH VĂN:

Có người tin phụng Phật mà không chịu tìm minh sư, không nghiên cứu kinh Phật, chỉ thọ giới thôi.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây Phật dạy rằng, người tu học Phật, nhằm lúc Phật đã nhập Niết bàn rồi, mà không biết hoặc biết mà không thiết tha tìm cầu minh sư để nương tựa học hỏi, chỉ biết thọ giới, nhưng không được minh sư hướng dẫn để thấu rõ phương pháp tu tập, như thế thì biết người đó thiếu phước duyên. Bởi vì cách Phật lâu xa, kẻ tà sư thuyết pháp đầy đủ, người học đạo không cẩn trọng trong việc tìm minh sư thì dễ rơi vào lưới của những kẻ ngụy xưng Phật Bồ Tát hiện, kẻ ngụy tăng tu hành, kẻ tà sư tà kiến tà

hạnh giảng ra. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Phật nói: “Chúng sanh thời mạt kiếp cách Phật càng xa, kẻ tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”. Kẻ tà sư ác hữu không những chỉ đầy đầy mà họ còn dùng đủ phương thuật quý kẻ để mê hoặc khuyến dụ người mê tin theo. Người đời vì tâm chí lợi lộc nông cạn tưởng đó là Phật thánh xuất hiện, nên ùa tin theo. Khi kẻ tà sư kia tôn phước, chú thuật hết linh nghiệm thì hạng người nhẹ dạ sùng bái tin theo kia cũng đã tiêm nhiễm tà niệm sâu nặng tự nhiên biến thành quyến thuộc của kẻ tà sư rồi. Lại có kẻ tà sư ma đạo khác nổi lên tung hoành, từng hồi từng cơn diễn ra như thế ở thời mạt pháp. Như Phật đã nói trong kinh Thủ Lăng Nghiêm: “Trong thời mạt pháp tà ma yêu quái lừng lẫy đầy thế gian, tung hoành tham dâm, sát sanh rượu thịt, ản núp dối trá nơi Tăng xá già lam, tự xưng là thiện tri thức, cho mình là bậc thượng nhơn, đạt vô thượng pháp, chứng thánh quả, mê hoặc kẻ vô thức, khiến cho họ lo sợ mất tâm chánh tín, lầm lẫn vào đường tà, gia đình tiêu tán”. Thế nên đức Phật đã thống thiết giảng nói: “Thế nào là giặc? Giặc là kẻ mặc y phục Như Lai, mà thiếu giới hạnh, hành vi khinh nhục Như Lai tạo đủ thứ ác nghiệp danh lợi dục tình mà nói là phụng sự Phật pháp, cung cách chẳng phải là bậc xuất gia tỳ kheo cụ túc giới, tâm hành tiêu thừa, ích kỷ lợi danh, do vậy làm cho vô lượng chúng sanh lầm lẫn tin theo, đọa địa ngục vô gián”. Đức Phật biết rõ những gì sẽ xảy ra ở đời vị lai sau khi ngài Niết bàn, nên Ngài đã huyền ký rất kỹ trong kinh điển để cho chúng sanh đời sau tránh khỏi tai họa của lưới tà nguy giảng ra. Ngài đã thống thiết lo âu cho chúng sanh trong thời mạt pháp cách Phật lâu xa không nhiều ma chướng tà mị, nên Ngài từ bi không tiếc lời giảng nói căn dặn để cho chúng sanh biết rằng, nếu tu học Phật mà không tìm minh sư để nương tựa, thì kiến thức chân chánh đạo hạnh thuần tịnh không làm sao có được? Nhất là kẻ sơ cơ phát tâm tu học Phật mà không thận trọng trong việc tìm chân tăng quy y để thân gần học hỏi thì khó mà tránh khỏi lầm lạc, hậu quả oan uổng một đời! Đã biết bao người tin Phật, đã biết bao kẻ có bằng cấp cao tự hào cho mình là trí thức tin Phật mà vẫn bị ma thuật hấp dẫn cuốn lôi! Cũng có kẻ chẳng cần thọ giới hoặc đã hoàn tục, đắm chìm trong ái dục rồi cũng ngang nhiên cạo đầu mặc áo ta xưng thầy cũng bày trò truyền giới giảng kinh. Tình trạng này trong thời mạt pháp đầy đầy tà nguy như Phật đã huyền ký trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Nên đức Thế Tôn khuyên “cần phải cầu minh sư học đạo thì mới thông lý đạt đạo”.

“Không nghiên cứu kinh Phật”. Người tu học Phật mà không chịu nghiên cứu kinh Phật thì làm sao hiểu được nghĩa lý đức Phật giảng dạy, không hiểu nghĩa lý của Phật giảng thì cho dù mỗi ngày có tụng kinh đến chục lần đi nữa cũng không thể nào “thấu hiểu thâm ý đích thực diệu lý nhiệm mầu của đức Như Lai”. Thấu hiểu nghĩa lý kinh điển Phật dạy, chẳng khác nào như người lữ hành biết rõ đường đi. Thọ trì giới luật Phật chế cũng như chân cất bước đi. Nếu không biết thì làm sao đi? Không có minh sư dẫn giải thì làm sao thông hiểu giáo lý, tu hành đúng phương pháp?

“Chỉ thọ giới mà thôi”. Thọ giới là hình thức bên ngoài, như tại gia thọ trì tam quy và ngũ giới. Xuất gia làm Sa di thọ trì 10 giới. Tỳ kheo thọ trì 250-giới. Bồ Tát thọ

trì 58 giới v.v.... Tuy nhiên thọ giới nếu không có bậc minh sư giảng giải thì làm sao hiểu giới? Thọ giới mà đối với giới thể, giới tướng, giới pháp, giới hành, và bốn biệt nghĩa khai, giá, trì, phạm không thông hiểu thì làm sao tu hành đạt đạo chứng quả? Vậy mà vẫn có lắm kẻ thích dùng ngôn ngữ chơi chữ huênh hoang cho rằng Lục tổ Huệ Năng đâu cần học, nhị Bảo là đủ, cần gì phải cầu thầy quy y. lời nói này hiển bày tâm ngã mạn tà kiến mà người tu học Phật chân chánh rất kiên ky. Trong suốt tam tạng kinh điển Phật chưa từng thuyết giảng và chủ trương Nhị Bảo. Lại có kẻ manh tâm tham nhiều đệ tử cho quy y qua điện thoại, hoặc gặp ai cũng cho bừa pháp danh quy y nhận làm đệ tử. Như vậy là sư bất minh, nguỵ sư xem thường Phật pháp cũng thuộc ngã mạng tà kiến xa lìa chánh đạo, không thể nào đạt được cảnh giới kiến tánh Phật tâm.

CHÁNH VĂN:

Chỉ có được cái danh thọ giới, mà hồ đồ mê muội không tin năng lực của giới, trái phạm giới luật, khi tin khi không, tâm ý do dự. Không có tâm hoan hỷ cung kính kinh điển tượng Phật, nên chẳng thành kính thấp hương đèn lễ bái, lại riêng ôm lòng nghi ngờ, giận hờn mắng nhiếc, ác khẩu đố kỵ người hiền.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây thuyết minh nguyên do tại sao người tu học Phật phụng thờ Phật mà không được quả báo lành thiện. Như văn kinh nói: “Có được cái danh thọ giới mà tâm hồ đồ mê muội không chân thật tha thiết kính tin vào năng lực của giới pháp, hành vi ngôn ngữ trái phạm giới luật, khi tin giới luật, khi lại không tin, tâm ý do dự”. Lời Phật dạy trong đoạn kinh trên đây thật quá rõ. Tức là trên danh nghĩa hình thức thì có thọ giới, có thờ Phật mà kỳ thật thiếu cái tâm chân chánh thành khẩn thiết tha cầu thọ giới, cầu hiểu ý nghĩa của việc thọ giữ giới, năng lực điều dụng của giới. Như thế danh và thực chẳng đồng. Vì sao? Bởi vì thọ giới mà tâm chẳng thành khẩn thiết tha được giới, không thấy giới pháp là quý giá, loạn tâm vọng tưởng tạp niệm mong được Phật độ mạnh khỏe lợi lộc như ý, nên trí không sáng lòng chẳng tin sâu, tâm trí hồ đồ bực bội, không ý thức mình đang làm gì, cõi lòng không thực sống trong trạng thái thanh tịnh tinh giác. Do loạn tưởng tạp ý mê muội hồ đồ che lấp tâm trí, nên thầy bạn giảng dạy ý nghĩa chánh pháp, hướng dẫn chánh đạo không thể nào tiếp nhận lý giải suốt thông, thậm chí lời giảng dạy không đi vào tai thì có đâu sanh khởi chánh tâm chánh tín? Chỉ có tâm thành tha thiết chánh tín thâm sâu đối với giới pháp thì mới có năng lực công đức thành tựu đạo nghiệp. Nếu không đủ tâm thành tha thiết chánh tín thâm sâu dốc chí thực hành thì đạo nghiệp nhất định không thể nào thành tựu được.

Không do thành tâm chánh tín thọ trì giới pháp, nên tâm niệm hành vi thường không phù hợp giới luật. Đối với Phật pháp ý nghĩa rộng lớn thâm sâu, đạo lý luân hồi nhân quả báo ứng, nhất là những giáo lý vi diệu u huyền, những nguyên lý pháp tắc tiếp vật đãi nhơn xử thế qua giới luật mà đức Phật đã dạy chúng ta, thì kẻ thiếu chánh tín

chánh niệm thường tỏ ra thái độ khi tin khi không. Có lúc họ cho rằng những gì Phật nói đối với họ thì đại khái qua loa cũng được. Có lúc tâm ý họ do dự không thiết tha tiếp nhận giới pháp Phật chế, hoặc không dám tiếp nhận thọ trì, tất nhiên đưa đến hậu quả hiển nhiên là không thể cảm được năng lực nhiệm mầu của việc giữ giới, không thấu hiểu Phật lý. Nếu không cảm nhận năng lực nhiệm mầu của giới luật, không thấu hiểu giáo lý, cũng không tìm cầu minh sư thân cận cầu học, sống nhàn nhàn không nhông tư tưởng long bong không biết chọn phương pháp nào tu hành cho thích hợp, tất nhiên đưa đến hậu quả mê muội phụng hành Phật pháp, như thế gọi là tu mù, dù cho có khổ hạnh muối dưa, kết quả chỉ khổ công lụy kiếp mà chẳng được gì.

“Cũng không có tâm hoan hỷ cung kính kinh điển tượng Phật”. Kinh điển tượng Phật là vật quý báu để cho chúng sanh nương theo đó mà tu hành thánh thiện thân tâm. Đối với kinh điển không có tâm tôn kính quý trọng tức là tự nhiên biểu hiện tâm xem thường, như vậy tâm tánh không nương vào đâu để phát triển đạo đức. Đối trước tượng Phật thắp hương đèn sớm chiều chân tâm chánh niệm lễ bái tụng trì nguyện cầu thành ý phụng hành lời Phật dạy. Đây là hình thức tu học cần thiết đương nhiên không thể bỏ, nhưng qua đó điều tối quan trọng là thành tâm thực hành. Thắp sáng nhang đèn là mang ý nghĩa nhắc nhở khiến cho hành giả thắp sáng cái tâm quang minh, bùng cháy đèn trí huệ, nung đúc lòng thành tin. Ý nghĩa lễ bái là dạy chúng ta diệt trừ ngã mạn, phát khởi tâm cung kính tất cả thánh hiền, người vật. Kính người thì người kính ta. Thương người thì người thương ta. Tâm kính người mà còn lợi ích như thế huống nữa là tâm kính Thánh hiền thì được lợi ích biết là chừng nào. Suy ra thì rõ. Nếu tu hành mà không có tâm kính người thương vật, không chánh tâm tin sâu lời Phật dạy, không đem hết lòng dạ thành tâm khẩn thiết tinh tấn hành trì theo giới pháp, mà chỉ hình thức ngoài thân, không cố gắng diệt trừ tham sân si từ nội tâm, thì cho dù ngày ngày có thắp đèn nhang tụng kinh lễ bái cũng chẳng hơn gì người không tin Phật pháp, không biết thắp đèn nhang lễ bái, mà biết tội phước làm lành lãnh dữ.

“Riêng ôm lòng nghi ngờ”. Bởi không thấu hiểu giáo lý, không tìm minh sư chỉ giáo để học hỏi, sự lý tu hành không thông, nên mãi ôm lòng nghi ngờ. Đối với các tập khí bất lương, tật hư thói xấu đã huân tập từ trước không thể cải đổi đoạn trừ, như tánh ưa giận hờn, mắng nhiếc, ác khẩu, tự ái v.v.... Người xưa có câu: “Dao bén cắt thân thể dễ lành; lời ác hại người, hận khó tiêu”. Mang tâm đó kỳ người hiền làm việc thiện, xuyên tạc người tu hành chân chánh không biết chiêu đãi a dua nghe theo mình, như thế thì làm sao gọi là Phật tử, là tu học Phật, và làm sao có thể tránh được quả báo ác?

CHÁNH VĂN:

Lại chẳng thực hành lục trai, ham thích sát sanh. Không tôn kính Phật, để kinh Phật chung lộn với áo quần vật bần tiện; hoặc để kinh Phật chỗ bất tịnh giường ghế của vợ con; hoặc treo vắt trên ghế trên phen vách, không có tâm cung

kính làm kệ tủ để kinh sách, xem thờ kinh Phật như kinh sách thế gian không khác.

LỜI GIẢI:

Là đệ tử Phật điều tối cần yếu là phải tu tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh và tâm từ bi. Nếu không thể thực hành mỗi ngày tu thì ít ra cũng nên mỗi tháng tập tu sáu ngày, gọi là lục trai. Những ngày lục trai tính theo âm lịch là mùng 1, 8, 14, rằm, 23, 30 (nếu tháng thiếu thì 29). Những ngày này nên tu trì giới, tụng kinh, niệm Phật, sám hối để bồi dưỡng tâm tánh thuần từ thanh tịnh quang minh. Trước đây chúng ta sống trong thời đại nông nghiệp quân chủ có đủ thời gian sống với năm tháng thanh nhàn thưởng thức bình minh tĩnh mát, trăng rằm sáng soi. Ngày nay chúng ta sống trong thời đại kỹ nghệ dân chủ, mọi ý thức, sinh hoạt đều biến đổi, con người bị thời gian kéo lôi chạy theo máy móc mệt mỏi, thân tâm rối ròi, nên phương thức tu bồi tâm tánh cũng theo đó biến đổi, tốt nhất mỗi tuần nên tịnh tâm trai giới là phương pháp lợi ích thực tế làm cho thân tâm Khang kiện, thọ mạng dài lâu, phước huệ tăng trưởng.

“Ham thích sát sanh” phát khởi từ lòng tham dục, sân hận, ích kỷ, ngu si v.v... Những thứ phiền não độc hại này xúc tác phát khởi tâm động niệm thúc đẩy làm việc sát hại chúng sanh. Sát sanh là điều Phật giáo tuyệt đối ngăn cấm, vì như thế là hủy hoại tâm từ bi thanh tịnh, mắc phải quả báo oán cừu vay trả rất nặng.

Phàm người biết đọc sách mà biết quý trọng kinh sách, quý trọng kinh sách như quý trọng thánh hiền. Đệ tử Phật kính quý Pháp bảo như kính quý Phật. Người đã có tâm thuần chân với đạo thì tất nhiên kính quý kinh sách Phật tượng hơn cả thân mạng của mình. Vì sao, bởi vì kinh Phật là mực thước là phương pháp mà chúng sanh nương theo đó hành trì, từ đó được tu chánh hành vi, phát huy phước huệ, thể nhập tri kiến, tiến gần đến quả vị giác ngộ giải thoát.

Người không có tâm quý kính kinh Phật thì không phải là người tu học Phật. Cũng như người không quý sách thì không phải là chân chánh đọc sách. Đem Phật kinh để chung với áo quần, hoặc đồ vật hư rách bất tịnh, hoặc bỏ bừa bãi trên giường ghế nền nhà, hoặc bệ đầu để đầy không có chỗ cao sạch, như thế là thiếu hẳn lòng kính quý kinh điển. Khách đến nhà mà còn phải có chỗ để khách ngồi, tỏ lòng quý khách. Đối kính sách Phật, chúng ta lại càng phải đặc biệt có tủ hoặc kệ để kinh. Đó cũng là cách thể hiện lòng cung kính Pháp bảo. Không có chỗ đặc biệt để kinh sách Phật là mặc nhiên xem kinh sách Phật đồng như những sách báo khác, bệ đầu để đó thì rõ ràng hiển lộ tâm bất kính bất chánh bất cần, tự xem thường việc học đạo tu chứng. Người học Phật mà xem thường kinh sách Phật, tức là xem thường việc tu chứng giác ngộ giải thoát thì còn gì gọi là học đạo giải thoát?

CHÁNH VĂN:

Nếu khi bệnh tật, tự mình không tin tiền nhân nghiệp quả lại cầu hỏi thầy bói thầy phù thủy làm sớ văn cúng tấu để mong giải trừ. Thờ tà thần thì thiện thần xa lánh không còn hộ trì, do đây mà yêu tinh quỷ mị ngày một đến thêm nhiều, ác quỷ tụ tập nơi cửa khiến cho suy kiệt tổn hao, sớ cầu không được tốt, hoặc mới vừa từ trong ác đạo ra được làm người, tuy là đời nay làm người, nhưng vẫn là người còn mang nặng tập khí tội lỗi. Hạng người như thế không phải đích thực là Phật tử.

LỜI GIẢI:

Đây là đoạn kinh thứ bốn Phật nói duyên do người tu học Phật mà lại không được quả báo tốt.

Đã mang thân người thì không ai tránh khỏi tật bệnh. Tôn chỉ Phật pháp là phá trừ mê tín, khai phát trí huệ. Nếu có bệnh thì nên chuyên tâm điều trị hợp tác với thầy thuốc để sớm được lành mạnh. Tốt hơn nữa, nên đem tâm thanh tịnh thành tín niệm danh hiệu Phật Bồ Tát thì sẽ được thần lực gia hộ bất khả tư nghì. Điều này thuộc tâm lý an lành. Y cứ học lý thâm sâu, niềm tin kiên cố, đạo tâm vững bền thì việc cầu Phật lực gia hộ chẳng phải là điều mê tín. Tất cả bệnh hoạn tai nạn đều do nghiệp quả bất thành. Thân miệng ý đã tạo nghiệp thì cũng phải dùng thân miệng ý tu chánh để dứt trừ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chúng sanh vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô trí tham sân si, từ thân miệng ý mà sanh ra, chúng sanh phải nên tu sám hối”. Kinh cũng nói: “Tội từ tâm khởi đem tâm sám hối. Tâm đã thanh tịnh rồi thì tội liền tiêu”. Nếu không tin lời Phật khuyên dạy, lại đi tin quỷ thần, cầu thầy bùa thầy pháp bói toán đồng bóng, thì đây là kết duyên với tà thần ác quỷ. Bởi vì tà sư phù thủy là hạng người thiếu tâm đức, mong được lợi lộc, thờ bái quỷ thần bói quẻ tấu sớ để trị bệnh nhơn, còn cúng bái thì tà thần ác quỷ còn giúp họ, hết cúng bái tà thần ác quỷ lại giận dữ phá hoại. Như thế mãi mãi có bệnh. Để mãi mãi được cúng bái. Cúng tế tà thần ác quỷ để hầu được giúp đỡ nào có khác gì làm việc hối lộ. Không Tử nói: “Chẳng nên cúng tế loài quỷ, vì đó là việc làm siểm nịnh”. Kinh Phật dạy: “Quy y Phật, vĩnh viễn không quy y thiên thần quỷ vật”. Dù thấy các bậc Thánh triết tiên hiền có sự nhận thức tương đồng. Là đệ tử Phật đối với quỷ thần nên khởi tâm kính nhưng xa lánh đó. Cổ đức có dạy: “Kính nhi viễn chi”. Mỗi khi đi ngang qua miếu thờ thần hay gốc cây đại thọ nên chú nguyện: “Mong nguyện tôn thần phát tâm cầu thoát ly thế gian, không nên tiếp tục hưởng máu thịt, nên một lòng niệm Phật A-Di-Đà cầu sanh Tịnh độ, sớm thành Phật đạo, phổ độ chúng sanh”. Như thế là khởi tâm từ bi thuyết pháp khuyên hóa quỷ thần hướng thiện, điều này người tu học Phật phải nhớ thực hành. Nếu khẩn cầu thân gần thần quỷ thì đương nhiên xa lánh Phật thánh, tự nhiên phải bội lời phát nguyện khi phát tâm quy y Tam Bảo: “Đệ tử quy y Phật nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y thiên thần quỷ vật”.

Đối với những người không tin lời Phật giảng, không y theo lời Phật dạy mà tu hành, đức Phật nói: “Những người như thế là những người mới từ trong đường ác vừa

được sanh làm người, tâm chất còn nặng tà kiến, ác nghiệp không thể tiếp nhận chánh kiến thiện nghiệp, chẳng khác nào đứa trẻ mới sanh không thể mở mắt tiếp nhận ánh sáng mặt trời, không thể nào nhận lãnh những lời khuyên dạy. Trường hợp những người như thế, nếu tự biết, hoặc nhờ bậc minh sư chỉ đạo, cần phải nỗ lực cầu giới pháp để trừ tập khí xấu ác, bồi dưỡng huân tập điều lành thiện thì sẽ được quả báo trừ mê mở ngộ, dứt khổ được vui.

Đức Phật nói những chúng sanh mới ra khỏi đường ác vừa được làm người thì nghiệp ác tập khí vẫn còn sâu nặng, vẫn là kẻ còn nghiệp bất thiện. Những chúng sanh tập khí ác còn quá sâu nặng thì cho dù có được quy y thọ ngũ giới hoặc giả xuất gia đi nữa, nhưng do còn khí chất tà kiến ác tập nặng nề, tuy danh nghĩa là đệ tử Phật mà kỳ thực chưa tương xứng.

Những lời đức Phật dạy trên đây đủ cho ta thấy rằng, những người hiện đời không chân chánh thành tâm tu học Phật, lại tin theo tà sư ma thuật, nên chuốc lấy quả báo tiêu hao suy thoái, đưa đến sự việc bất như ý và liên lụy đến đời sau sẽ còn phải chịu quả báo khủng khiếp.

CHÁNH VĂN:

Khi chết phải đọa vào địa ngục chịu các hình phạt tra khảo đau đớn, bởi do tà tâm gây tạo tội ác quả hiện đời suy thoái tiêu hao, đời sau lại còn phải chịu bao điều oan ương hoạn nạn, chết đọa vào đường ác luân chuyển chịu thống khổ khốc liệt không lời nào tả cho hết. Quả báo khổ đau như vậy đều do tâm niệm hành vi bất thiện đời trước và đời này tích tụ ác nghiệp mà hình thành.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây đức Phật giảng cho chúng ta biết về quả báo của kẻ mê tín tu mù tạp tín theo tà sư bợn ác, không y theo giáo pháp tu hành. Đức Phật căn cứ giảng dạy sự thật của chân lý nhân quả của quả báo hoạt hiện trong ba đời. Điều này Phật giảng nói hết sức rõ ràng đáng để cho chúng ta nghiên cứu suy nghiệm hầu thấu triệt cùng tận chân tướng vũ trụ nhơn sanh, từ đó phát tâm tu tỉnh để thoát khỏi vòng quanh nổi chìm trong vòng lục đạo quả báo.

Đời nay tạo nghiệp nhân gì thì đời sau, khi nhân duyên thuận thực đầy đủ nhất định hiện hành thọ quả báo, mảy may không sai sót. Như trước đã nói, kẻ mượn danh nghĩa Phật tử dù là xuất gia hay tại gia mà tà tri kiến, kết giao với ngoại đạo, theo tà sư ác hữu mê tín quỷ thần, thì không chỉ đời này chịu quả báo xấu ác mà còn tiếp nối những đời kế tiếp, sau khi chết phải liên tục chịu khổ báo trong địa ngục rồi ngạ quỷ súc sanh. Bởi do mê chấp dẫn đến mê tín tà hạnh, ngã chấp dẫn đến ngã mạn, ngã ái, ngã si, nên không nghe lời thiện tri thức khuyên can, mà dẫn đến hành xử sai lạc chánh

pháp, tất nhiên phải nhận lấy quả báo bất thiện hiện đời và đời sau. Thế nên đức Phật nói: “Hiện đời suy thoái tiêu hao, đời sau lại chịu oan ương hoạn nạn, chết đọa vào đường ác luân chuyển chịu thống khổ liệt không lời nào tả cho xiết”. Những lời Phật dạy trên đây đều nói về quả báo khổ đau hiện đời và đời sau, căn nguyên của nó là do “gây tạo tích tụ nhiều ác nghiệp từ tâm niệm hành vi bất thiện”. Những lời khuyên dạy thông thiết này phát xuất từ đáy lòng từ bi bằng trí tuệ giác ngộ của đức Thế Tôn đủ để cho chúng ta phản tỉnh quán chiếu thân tâm, dừng bước trên con đường lầm lạc đọa đày. Tiếp đến dưới đây, đức Phật đặc biệt khai đạo cho chúng ta tu học Phật pháp tất phải phá trừ chấp trước mê tín.

4- Phật huân thị phải phá trừ mê chấp.

CHÁNH VĂN:

Kẻ ngu mù tối không thấu hiểu nguyên nhân của quả báo do hành vi đời trước tạo nghiệp nhân, dẫn tới báo ứng nghiệp quả, chính là nguyên nhân từ trước đưa đến ngày nay. Rõ ràng như vậy mà không thấy biết, lại nói do phụng thờ Phật pháp nên phải suy thoái tiêu hao; không những không biết chính tự đời trước chẳng tu phước đức mà còn oán trách thiên địa, giận thánh hờn trời, bởi do người đời mê muội nên chẳng thông hiểu đạo lý nhân quả báo ứng.

LỜI GIẢI:

Người đời chẳng thông hiểu chân tướng sự lý nghiệp duyên nhân quả báo ứng, nên oán trời trách người, mặc tình phóng tâm buông lời thả ý cho hả dạ mà mắc tội lỗi.

Kẻ ngu muội ở đời, theo quan điểm Phật giáo có năm nghĩa: 1/- Đắm chìm ngũ dục (tiền của, sắc tình, quyền danh, ham ăn, tham ngủ) mà tin phụng Phật. 2/- Thị phi điên đảo mà tin phụng Phật. 3/- Thích điều ác, ghét điều thiện mà tin phụng Phật. 4/- Nghe Phật pháp không thích không hiểu mà tin phụng Phật. 5/- Kẻ mới từ đường ác ra mà tin phụng Phật. Nói một cách tổng quát như kẻ tập khí ác nặng nề ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái chưa đoạn trừ gọi là người ngu si. Tâm trí mê muội, không có chánh tri kiến phân biệt chánh tà chân ngụy gọi là kẻ mù tối.

“Nguyên nhân do hành vi đời trước” tức là nói ba nghiệp nhân của thân miệng ý đã tạo trước đó hoặc trong quá khứ. Như kinh Phật nói: “Khi Phật ở tại tinh xá Kỳ Hoàn thuyết pháp, có sáu mươi vị sơ phát tâm Bồ Tát cùng đến chỗ Phật gieo mình đầu mặt lay sát đất khóc lóc thống thiết như mưa, mỗi vị hỏi Phật về nghiệp duyên đời trước của mình. Đức Phật nói: Các ông ở thời đức Phật Câu Lưu Tôn xuất gia học đạo. Lúc đó có thành tâm cúng dường cho hai vị pháp sư hết sức là cung kính trọng hậu, thì các ông sanh tâm ghen tỵ đố kỵ, nói chớ lỗi của hai vị pháp sư kia với người thí chủ, khiến cho người thí chủ dần dần sanh tâm khinh mạn hủy báng làm đoạn dứt thiện căn. Do nhân

duyên ấy mà các ông đã đọa vào bốn thứ địa ngục trải mấy vạn năm sau đó mới được trở lại làm người, trong năm trăm đời sanh làm người mù ngu si vô tri thường bị người khinh chê. Các ông sau khi qua đời trong năm trăm năm nữa, khi chánh pháp diệt rồi, còn phải sanh vào những chỗ quốc gia nghèo đói như dân ác độc, làm kẻ hạ tiện bị người chê bai sai khiến, mê mất bản tâm, trải qua năm trăm năm khi diệt hết tất cả nghiệp chướng rồi, sau đó mới được sanh cõi nước Phật A Di Đà”. Đoạn kinh trên đây cho chúng ta thấy quả báo của hành vi tâm niệm thật đáng sợ, đâu dám không cẩn thận tự răn mình ư? Người tu học Phật phải thành tâm hết lòng tin lời Phật dạy là chân thành thực hành. Nhân quả báo ứng ba đời là chân lý bất di bất dịch, phải đem tâm thành tin sâu để từ đó tự thúc liễm thân tâm, thời thời phản tỉnh, ngày đêm tinh tấn không ngừng niệm Phật bái sám tham thiền, chuyên ròng đồng mãnh như mũi tên trực bay mới mong có ngày đạt đạo. Ngược lại chênh mảng qua ngày, cơm áo đầy đủ tiêu hao của thí chủ thì khó tránh quả báo khổ. Đến như kẻ khinh thường nhân quả, mưu đồ quyền danh lợi dưỡng làm tổn thương đến Tăng đoàn, hại đến niềm tin Phật tử thì hậu quả không thể lường được.

Người ngu là người tâm không có chánh tri, mắt không chánh kiến cả hai đều tăm tối, chẳng rõ thị phi chánh tà, chẳng biết thiện ác lợi hại, dĩ nhiên càng không biết phản tỉnh “nguyên do hành vi đời trước đã tạo”. Đó là kẻ thật sự mê muội tăm tối. Nhưng cũng có những kẻ biết thiện ác chánh tà mà vẫn cố ý làm, do động lực thúc đẩy, hoặc vì tự ái, hoặc do ngã mạn, hay quyền danh lợi dưỡng, thì quả báo phải trăm ngàn lần hơn kẻ mê muội tăm tối kia. Có vị thiện thần đến hỏi Phật: Đem nào tội tăm hơn hết? Đức Phật đáp: Không tin nhân quả luân hồi là ngu muội tội tăm hơn hết.

Đức Phật nói: “Muốn biết đời trước mình đã tạo nhân gì, thì cứ xem đời này mình đang thọ nhận được gì. Muốn biết đời sau mình sẽ chịu quả báo như thế nào, thì cứ xem đời này mình đang tạo cái nhân gì”. Như thế đủ biết tất cả sự việc trên đời không tách rời nhân quả nhân duyên nghiệp báo. Nhân quả báo ứng đều có nguồn gốc căn cội, chứ không phải tự nhiên mà thành. Khi biết nhân quả báo ứng như bóng theo hình, như mây theo gió, như bánh xe lăn theo chum trâu, có tiếng thì có vang, thì tại sao chúng ta không cố gắng làm những điều tốt để cho “tâm thanh thân an ngũ thanh thoi”, làm việc lành để “trời thương đất hộ quỷ thần phục”.

Có kẻ gặp phải những điều bất hạnh trong đời sống hiện tại, không biết đó là quả báo tiền kiếp kiếp trước do chính mình đã tạo ra, hoặc biết mà cố ý lờ đi, lại đổ cho “do thờ Phật quy y Tam Bảo mà phải suy vi tiêu hao”. Chẳng biết tự trách đời trước đã vụng tu thiếu vun bồi phước đức mà còn tạo ác, nên đời nay phải chịu bao nhiêu điều không may. Đã vậy, đời này lại muốn hưởng phước chớ cũng vẫn chẳng chịu tu tâm dưỡng tánh hành thiện, cứ than thân trách phận, oán trời trách đất, hờn giận thánh thần không có mắt, chê bai Phật Bồ Tát không linh! Thế gian có lắm người ngày đêm dong ruổi truy cầu lợi danh mong được thỏa tình dục vọng không bao giờ thấy đủ, dù là có bạc vạn bạc triệu. Hạng người tham vọng này không có chút giây phút định tĩnh thân

phản tỉnh nội tâm, nên họ mãi miết mê đắm điên đảo nhào lộn theo sự vật tiền tài thành bại, tự hủy hoại tâm đức như con thiêu thân, suốt đời chẳng thông hiểu lý sự nhân quả, cứ tiếp tục tạo ác nghiệp và để mãi mãi đắm chìm trong phập phồng lo âu đau khổ.

CHÁNH VĂN:

Người không thấu đạt đạo lý, ôm lòng không yên, chí không kiên cường, tâm thối thất lạc đạo, trái phụ ơn Phật chỉ dạy mà không phản tỉnh hồi tâm, bị tà kiến trói buộc đày đọa trong ba đường ác, đều do mình tự tạo tác họa phước. Duyên do thức tâm tội ác, gieo thành gốc rễ lầm lạc, không thể không thận trọng.

LỜI GIẢI:

Do không thông hiểu chân tướng sự lý nhân quả báo ứng, nên tự tác tự thọ. Đức Phật nói: “Người không thấu hiểu đạo lý thì ôm lòng không yên, chí không kiên cường”. Vì sao? Bởi không thấu hiểu giáo lý của Phật dạy thì tâm trí u mê dễ bị cuốn lôi theo tình đời thế sự, tà sự bạn ác, để rồi từ đó nổi chìm thành, bại họa hại lo âu, tội phước không lường. Do đó, người tu học Phật trước nhất phải học hiểu giáo lý, phải siêng nghe giảng kinh thuyết pháp, phải chín chắn suy ngẫm giáo lý rồi thành tâm thực hành, hoàn thành ba vô lậu học: Văn, tư, tu, tức là “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Giáo lý kinh điển không thấu rõ, không có tâm tìm cầu minh sư để thân gần tu học, thì không từ đâu thông đạt đạo lý, do đó “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa cũng không thành”. Vì không biết cách tu học, cũng không thân gần minh sư, nên tâm tư cứ mãi nghi hoặc bất định, vĩnh viễn không thể sanh khởi lòng thanh tịnh tín tâm kiên cố, hành vi tâm niệm trở nên hồ đồ nay vậy mai khác không như giáo pháp, tâm chí tán thối thất lạc không hợp đạo lý, trái ngược ý Phật, thật là phụ ơn đức Phật ần cần chỉ dạy lắm vậy.

Thân mạng chúng ta được cha mẹ sanh dưỡng. Huệ mạng của chúng ta được sư trưởng huấn dục tạo thành. Như thế sư trưởng là cha mẹ của huệ mạng. Phật là bậc đạo sư hướng dẫn chúng ta giác ngộ đạo lý giải thoát sanh tử luân hồi. Vậy ơn sư trưởng, ơn Phật thâm sâu cao cả hơn cha mẹ. Vì sao? Vì thân này nhờ bản giả tạm khổ lụy trong sanh tử luân hồi. Đạo lý của Phật không những làm cho chúng ta đạt được pháp thân huệ mạng trường cửu mà còn có khả năng giác ngộ giải thoát cho cha mẹ lục thân quyến thuộc và tất cả chúng sanh ra khỏi sáu nẻo sanh tử luân hồi. Thế nên tự nhận mình là Phật tử mà không thấu hiểu giáo lý, không tìm cầu thân cận minh sư học hỏi tu tập, không y theo lời Phật dạy hành trì, lại sanh tà tâm vọng tưởng hiểu kỳ, sáng chạy nơi này chiều đến nơi khác, gần tà sư bạn ác, thế là chẳng những trái với lời Phật dạy, cô phụ ân đức của Phật, mà còn không cứu giúp được cha mẹ thân quyến, thật là bội bạc tội lỗi biết là đường nào! Nếu biết không kịp thời hồi tâm phản tỉnh trở về sống với chánh pháp dốc lòng chánh tâm quán niệm sửa tánh hành thiện, tức là “biển khổ mênh mông, hồi đầu bến giác”. Nhưng rất thương thay kẻ không thấu đạt đạo lý “không phản

tính hồi đầu, bị tà kiến trói buộc cuốn lôi nổi chìm trong ba đường khổ, đó chính là chúng ta tự tạo tai họa cho chúng ta”.

Không biết phản tỉnh, cố chấp mê lầm, chẳng chịu hồi tâm sám hối là do màn lưới tham sân si mạn nghi bao phủ, sống hay chết ngủ trong hàm tối của tà kiến ác niệm nghe theo lời dụ ngọt của ác đảng ác hữu tà sư, ham thích quyền danh lợi dưỡng, tất nhiên hậu quả không cách nào thoát khỏi đọa đày trong ba đường khổ, và như vậy không tài nào nhổ sạch gốc rễ dây rừng chẳng chặt luân hồi trầm luân ngũ dục. Lây dây tà kiến trói mình bằng sự tin theo ngụy tăng tà sư bạn ác a dua vui đầu tấp đó là mặc nhiên tự mình vun trồng dây tà ngụy bò leo trên giàn tham sân si mạn nghi, tưới phân nước ngũ dục vào gốc rễ tam độc, như thế đều là “tự tác tự thọ” chớ có trách ai?!

“Duyên do thức tâm tội ác” là nói bản tánh của chúng sanh từ vô thủy đến nay, đời này đời khác tiếp tục tiêm nhiễm dục tình tập khí hình thành “thức tâm tội ác”. Khổng Tử nói: “Tánh tương cận già, tập tương viễn già”. Khổng Tử nói “tánh” cũng chẳng khác nào như Phật nói bản tánh. Còn “tập” mà Khổng Tử đề cập ở đây thì tương đồng như Phật nói tội thức. Tập tuy là có thiện có ác, nhưng phần nhiều mang tính chất huân tập nhiễm ô. Tác dụng của bản tánh thanh tịnh hàm tàng tất cả chủng tử thiện ác. Chủng tử thì vĩnh hằng không hoại diệt, một khi gặp duyên thì liền sanh khởi hiện hành, kết quả hoàn thành báo ứng. Chủng tử trong tạng thức của phàm phu ác nhiều thiện ít, nên gọi là tội thức. Ở đây nói tội thức tức là chỉ về nghiệp chủng tử tà ác huân tập nơi tạng thức của chúng sanh. Tất cả thiện ác chánh tà thị phi hoạt hiện hành vi tâm niệm từng giây từng phút phát sát na trải qua trong suốt đời sống của mỗi chúng sanh đều huân chứa trong tạng thức, nên kinh đây nói là “gieo thành gốc rễ” để rồi chịu quả báo. Như thế trong đời sống chúng ta há lại chẳng thận trọng thân miệng ý ư? Có lần đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Chùng nào rấn độc tham sân si trong người ra hết rồi, lúc đó các con mới an ngủ”.

CHÁNH VĂN:

Thập ác là oan gia, thập thiện là bạn lành, thân tâm an ổn đều do tu thiện mà được. Thiện là áo giáp bằng đồng không sợ binh đao; thiện là thuyền lớn có thể vượt nước sông sâu biển cả, hay giữ lòng tin chân chánh thì nhà cửa an hòa, phước báo tự nhiên tăng trưởng, đạt được từ việc tốt lành này đến việc tốt lành khác, không phải thánh thần ban cho. Nếu không tin như vậy thì về sau sẽ chuyển thành bị kịch.

LỜI GIẢI:

Trên đây đức Phật khai đạo cho chúng ta nhận rõ tiêu chuẩn thiện ác và định luật nhân quả, đồng thời kín đáo khuyến cáo chúng ta nên tin sâu nhớ kỹ ghi lòng khắc dạ lời của các đức Phật trong bảy đời huân thị: “chớ làm các điều ác, nên làm các việc

lành, phải giữ lòng thanh tịnh”. Điều này dễ dàng ai cũng biết. Dễ đến nỗi đứa bé năm tuổi cũng biết, vậy mà già tám mươi tuổi chưa làm được.

Thập ác là quy nạp các ác nghiệp căn bản thành mười loại: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, ba nghiệp ác này thuộc về thân; nói dối nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác, bốn nghiệp ác này thuộc về miệng; tham lam sân hận si mê, ba nghiệp này thuộc về tâm. Mười ác nghiệp trên đây là giặc cướp phá hoại đức tánh của chúng sanh, nên kinh đây gọi là oan gia. Oan gia oán cừu mà gặp nhau thì nhất định phải hại nhau. Sát sanh là nghiệp ác nhất trong thập ác. Phạm người phạm thập ác thì quyết phải mắc quả báo khó thoát khỏi địa ngục A-tỳ, tức là địa ngục vô gián. Địa ngục này khổ báo hình phạt vô cùng khốc liệt đớn đau không lúc nào ngừng nghỉ. Mạng người ngắn ngủi trong hơi thở, mấy mươi năm sống trên đời mau như đám mây buổi hoàng hôn, như bóng ngựa qua cửa sổ, như chim về tổ buổi chiều tà, như làn khói bay qua mắt. Nhơn sanh thế sự như bèo trôi bọt nước, bản thân vốn đã bất tịnh giả tạm thì vợ con của cái lợi danh nào có thoát khỏi vô thường tan biến. Thở ra mà không hít vào thì tất cả buông xuôi trắng tay, sao phải khổ công dong ruồi tạo ác nghiệp làm chi để phải quả báo đọa đầy khổ lụy? Thanh Đề mẹ của tôn giả Mục Kiền Liên, Hy Thị vợ Lương Võ Đế, gần nhất là cái chết của anh em Ngô Đình Diệm đủ để chúng ta rự răn mình.

Thập thiện thì trái với thập ác, tức là thân không tạp nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Miệng không nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác. Ý không khởi tham lam, sân hận, si mê. Như thế gọi là mười điều thiện. Mười điều thiện này là lương thực là hành trang, là động lực đưa người về thiên giới. Người tu học Phật điều căn bản là phải tu đầy đủ mười điều lành thiện này. Kinh Thập Thiện chuyên thảo luận vấn đề này một cách rõ ràng, không tìm đọc là điều thiếu sót không nhỏ cho vấn đề mở mang kiến thức, lợi ích thiết thực trong việc tu hành thanh tịnh hóa thân tâm. Những ai y theo thập thiện tu tập một cách nghiêm chỉnh thì mới được gọi là chân chánh thiện nam tử thiện nữ nhơn.

Bạn lành là bạn thâm hậu, bạn đạo đức thiện tri thức có khả năng giúp đỡ chúng ta được an lành thanh tịnh. Bạn lành đó không gì bằng lấy thập thiện làm bạn. Gọi là bạn lành thì phải chí đồng đạo hợp, hoạn nạn tương trợ nhau, cùng nhau thành tựu công nghiệp, đó là bạn thế gian. Còn bạn lành xuất thế gian chính là các bậc chân Tăng, Phật, Bồ Tát. Thân gần hầu học với các bậc chân Tăng, như tâm niệm Phật Bồ Tát để được minh tâm kiến tánh thành Phật thành Tổ, điều này bạn lành thế gian vô phương giúp đỡ, mà tất cả phải tự mình nỗ lực cố gắng công chuyên cần tu tập thập thiện, với sự hướng dẫn của bậc chân Tăng và thần lực gia hộ chư Phật Bồ Tát, từ đó quyết chí thực hiện tam vô lậu học giới định huệ, được như thế mới có thể mãn nguyện về việc thánh thiện đời mình, điều tiên quyết căn bản là nghiêm chỉnh thực hành thập thiện. Thế nên thập thiện mới đích thực chân chánh là bạn lành xuất thế gian, mà bất cứ ai cũng có thể kết bạn tôn trọng với thập thiện giữ gìn để tu tập. Muốn thực tế để đạt thành kết quả thánh thiện trong hiện đời thì đừng để “tâm” phóng túng bởi lợi chơi vui trong rừng

giáo lý mênh mông, đừng để “ý” chạy theo sở thích hiếu kỳ với những lý thuyết không tương, những giáo lý cao siêu ngoài khả năng của mình, cũng phải cân trọng đừng để miệng đắm mê trong luận bàn các tư tưởng pháp môn thấp cạn sâu, mà nên thực tế tu tập thập thiện, chuyên tâm niệm Phật quán chiếu nội tại để kiện toàn thân tâm thanh tịnh, để không làm đường lạc lối, dứt nghiệp chướng tiền khiên và nghiệp bất thiện hiện đời, thực hiện tu tập như vậy là thực tế về ngôi giác ngộ Phật quả.

Điều đơn giản đem lại thành quả thực tế như vậy thế mà chúng ta không thực hành, suốt tháng ngày cứ chạy đông chạy tây, nay thầy này, mai cô nọ, loanh quanh đuổi bắt theo lý thuyết mới lạ, pháp môn kỳ bí để thỏa mãn óc hiếu kỳ, thì thật vô tình hủy hoại chánh tâm chánh niệm khả năng phát triển Phật tánh và thời gian, phụ bạc công ơn Phật và các bậc thầy tổ đã trút hết tâm huyết khô miệng hết lời giảng cho chúng ta. Chúng ta thấy trong pháp hội Lăng Nghiêm, ngài A-Nan thông minh đa tài, mãi say sưa văn triết giáo thuyết mà có phần khiếm khuyết hạ thủ công phu tu tập, tâm lúc nào cũng có tướng mình thông minh học giỏi hiểu rộng biết nhiều thì sẽ được Phật ban cho thánh quả, đến khi bị nạn Ma Đẳng Già thì mới sực tỉnh ra rằng đạo lực của mình còn yếu kém phải cần đến Phật cứu giúp. Đức Phật khai thị: “Người ta ăn cơm, mình không thể no; người ta có bệnh mình không thể thay”. Tuy A-Nan với Phật là ruột thịt chí thân, nhưng Phật không thể thay thế cho A-Nan, mà chỉ phải chính A-Nan hồi tâm phản tỉnh tiến tu, Phật mới có thể hướng đạo. Phật giáo tuyệt đối không có mê tín, không có ý lại vào bất cứ ai ban phước giáng họa, mà chính mình phải thành tâm chân chánh y theo lời Phật dạy tu hành thì mới mong giác ngộ chứng quả, như Phật đã nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”, nếu tất cả mọi người đều chân tâm chánh niệm y như lời Phật dạy cố gắng tu hành. Thành Phật hay đọa lạc, hiển vinh hạnh phúc hay khổ nhục bất hạnh tất cả đều do chính ta tự tác hoàn tự thọ, nên Phật chỉ cho chúng ta phương pháp dễ thấy, dễ tin, dễ thực hành: Mười điều ác là oan gia, mười điều thiện là bạn lành. Bất cứ ai hễ nhận biết nhận chân đâu là oan gia để tránh, đâu là bạn lành để theo, tức là phản tỉnh thì liền đó từng giây phút tội lỗi giảm thiểu, phước đức tăng trưởng. Thiện niệm tăng trưởng theo ngày giờ tháng năm thì tự nhiên hiện đời thân tâm an lạc không còn lo sợ phiền não, và khi từ già cõi đời này chắc chắn được sanh về cảnh giới an vui của chư thiên, tiến xa hơn nữa là cõi nước thanh tịnh của chư Phật, rồi tiếp tục tu hành sẽ thành Phật. Vậy Phật là do dứt ác tu thiện mà được quả vị Phật. Thực tế như thế, tại sao không chánh tâm thành ý y theo lời Phật dạy để tu hành mà lại sanh tâm cầu mong viễn vọng, thỏa mãn với lý thuyết không tương, mê tín chạ theo những kẻ tự xưng có phép lạ, tà ngụy Phật thánh?

Ngài Diên Thọ thiên sư nói: “Thập thiện là áo giáp bằng đồng không sợ binh đao. Thập thiện là thuyền lớn vượt nước sông sâu biển cả”. Đao binh là chỉ các loại khí giới chiến tranh do tham vọng giận tức hận thù tạo nên. Nước là chỉ cho tham ái. Lòng tham dục không đáy là căn nguyên của tất cả tai họa. Thập thiện có công năng tiêu trừ tam độc tham sân si, cội rễ của phiền não, họa hại chiến tranh, và đưa người vượt qua

biển khổ sanh tử luân hồi đến chỗ an lạc hạnh phúc. Thế nên Phật nói: “Hễ ai hay giữ lòng tin chân chánh thì nhà cửa an hòa, phước báo tự nhiên đến”. Do tạo nhân thiện thì được quả lành, không phải Phật Thánh thần tiên nào có quyền năng ban cho cả. Chính mình chánh tâm thành ý tinh tấn tu tập thập thiện thì được an lành Phật ngay hiện thời và tự tại giải thoát khi từ bỏ xác thân này. Nếu không tin nhân quả Phật đã chỉ dạy, thì tất nhiên tự đẩy mình xuống hố chông gai tội lỗi. Trong kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên, vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: “Bạch đức Thế Tôn, tại sao người tu pháp thập thiện chỉ một đời mà có thể dứt sạch được nghiệp ác từ thời quá khứ đến nay, được phước báo sanh lên cõi trời hoặc trở lại làm người giàu sang phú quý?”. Đức Phật đáp: “Này Đại Vương! Thật là dễ hiểu! Ví như người nhà nông gia công dùng gỗ lấy lửa, chỉ chuyên tâm dụng công trong thời gian ngắn thì cũng đã được lửa, mà lửa đó có khả năng đốt sạch các đồng cỏ rom tích lũy từ nhiều năm trước đến nay trong khoảnh khắc”. Người tu thập thiện cũng vậy, nếu thành tâm thiện chí nhất ý một lòng chánh niệm tu tập thập thiện thì sẽ dứt sạch nghiệp chướng trong ba kỳ. Ngược lại, nếu chỉ hình thức, thọ giới cho nhiều để biểu diễn cầu danh lợi dưỡng thì sẽ lãnh quả báo khổ đau. Như Phật nói trong kinh Vị Tăng Hữu: “Sau khi vua Ba Tư Nặc và hoàng hậu nghe Phật thuyết pháp xong, lòng vô cùng hoan hỷ, Thiên long bát bộ cùng đại chúng hơn năm trăm người đều phát tâm tu Thập thiện. Vua Ba Tư Nặc và hoàng hậu đánh lễ Phật cảm tạ rồi lui ra về. Các quan Thái giám ra trước chuẩn bị kiệu sẵn sàng cho Hoàng hậu, không ngờ thấy mất thất bảo trang sức trên kiệu đã bị kẻ trộm gỡ lấy mất sạch hết. Kiệu trước đây lộng lẫy, bây giờ trở lại tả tơi hoang tàn. Quan Thái giám thất kinh liền gọi bốn kẻ thạch nữ lực lưỡng khiêng kiệu đang ngủ say dậy tra hỏi đánh đập không tiếc tay. Bị đòn quá đau đớn hết chịu nổi, một trong bốn kẻ vụt chạy vào tinh xá la khóc âm vang, quỳ lạy trước Phật khóc nức nở thảm thiết, thưa trình tự sự oan ức. Phật liền sai tôn giả A-Nan ra bảo đừng đánh họ nữa. Vì những người khiêng kiệu đó chính là thầy của Hoàng hậu, họ say ngủ nên không biết ai lén gỡ cắp đi những châu ngọc trang sức ở kiệu. Nghe vậy Hoàng hậu và vua Ba Tư Nặc kinh ngạc, liền đến trước Phật quỳ lạy cầu xin giảng giải về sự việc kỳ lạ này. Phật bảo rằng: Những người thạch nữ khiêng kiệu đó, tiền kiếp vốn là 5 vị sa môn. Họ tà tâm kết bè nhóm với nhau ở chung một chỗ trên núi mưu đồ tính kế lợi dưỡng không lo tu hành. Họ sai một người trong bọn khéo ăn nói đi vào làng mạc phố phường truyền rao với mọi người rằng: “Trên núi kia có bốn vị sa môn đang ngày đêm chuyên tâm tu hành rất là giới hạnh đạo đức, các Ngài ấy sắp chứng thánh quả. Bà con nên mau mau đến đó cúng dường kiếm phước. Ai được thấy dung mạo các ngài ấy thì gia đình con cái sẽ bình an, cầu gì được nấy. Nghe truyền rao đồn đãi như vậy, ai nấy ùn ùn kéo nhau đem lễ vật đến cúng bái. Trong số những người đến cúng dường có một trưởng giả giàu có ngày ngày thành tâm đem đủ thức thọ dụng đến dâng cúng và tôn kính bọn họ như bậc sư phụ. Năm sa môn đó được của cúng dường ăn xài thỏa dạ, lợi dưỡng hưởng thụ, thiếu tâm tu hành, nên có nhiều kiếp đọa vào địa ngục, làm loài ngạ quỷ và súc sanh, nay mới được làm người. Người phú hộ kia chính là tiền thân của Hoàng hậu. Năm sa môn đời trước kia, bây giờ chính là bốn kẻ thạch nữ chuyên khiêng kiệu và một kẻ nữa đang ở trong cung ngày đêm chuyên lo dọn quét nhà tiêu nhà tắm

cho Hoàng hậu đấy”. Nghe thế Hoàng hậu bàng hoàng rùng mình xót xa thương tâm cho năm kẻ kia, và hạ lệnh ban cho tiền bạc đồ dùng rồi bảo họ rời đi nơi khác hoặc phát tâm theo Phật tu hành. Năm kẻ này nghe vậy buồn rầu lạy lục khóc lóc thảm thiết cầu xin được ở lại hầu hạ hoàng hậu. Trước sự việc nhân quả báo ứng kinh khiếp như vậy, Hoàng hậu lo sợ phân vân chẳng biết nên tính như thế nào cho phải lẽ, e ngại lại phải mắc quả báo lỗi làm dùng các người mà tiền kiếp mình đã từng tôn kính cúng dường hầu hạ mình. Đức Phật thấu rõ nỗi lòng lo âu của Hoàng hậu, nên Ngài khởi tâm từ bi dạy rằng: Vì nghiệp quả chưa dứt nợ trả chưa xong, quả báo buộc ràng, nên bọn họ không thể ra đi được. Họ rất vui vẻ làm kẻ hạ tiện hầu hạ để trả quả báo. Dù Hoàng hậu tặng họ vàng bạc y phục đầy đủ khuyên họ ra đi, nhưng họ vẫn cảm thấy buồn khổ không chịu đi, vì quả báo trả chưa xong. Nghiệp nhân đã tạo, quả báo tự thọ”. Cũng trong tinh thần nhân quả nghiệp báo duyên sanh, kinh Hoa Nghiêm nói: “Muốn biết tất cả các đức Phật trong ba đời thì nên quán tánh của pháp giới hết thảy đều do tâm tạo”. Chúng sanh vui khổ giàu nghèo sang hèn cùng với hoàn cảnh chúng sanh đang sống, tất cả đều do tâm tạo. Tâm ý hành vi là kim chỉ nam cho hướng đi của đời người, là chất liệu ngói gỗ xây dựng ngôi nhà cho kiếp sống nhơn sanh hiện đời và đời sau.

CHÁNH VĂN:

Phật nói: Này A-Nan! Thiện ác theo người như bóng theo hình không có xa lìa nhau. Việc tội phước đối với chúng sanh cũng như vậy, chớ nên ôm lòng nghi ngờ mà tự đọa vào đường ác. Tội phước nhân quả phân minh, phải nên tin chắc chớ đừng lầm lẫn, thì chỗ ở thường an lạc. Lời Phật nói hết sức chân thật trọn không dối người.

LỜI GIẢI:

Trên đây Phật dạy A-Nan về chân lý nhân quả báo ứng của thiện ác. Thiện ác báo ứng theo sát người như bóng theo hình không thể nào xa lìa trốn tránh được. Tin chắc như vậy và dùng chánh trí tin sâu lời Phật dạy thì không bị tà thuyết vật dục làm mê hoặc. Liên quan đến vấn đề thiện ác báo ứng, kinh Phật có đoạn nói như thế này: “Có ông nhà nghèo hiền ở gần Kỳ Viên tinh xá, phát tâm mỗi ngày đến quét tinh xá Phật và Tăng chúng với lòng chí thành không lúc nào tỏ ra giải đãi mỗi mết. Một ngày nọ có ông trưởng giả đến Kỳ Viên dạo chơi bỗng thấy dưới lòng suối lớn hiện ra lâu đài làm bằng thất bảo, trưởng giả lấy làm lạ mới đem chuyện này hỏi Phật, mới biết là của ông nhà nghèo hiền hậu kia, do ngày ngày thành tâm quét tinh xá cho Phật và Tăng chúng mà được phước báo như vậy. Vị trưởng giả nghe xong lòng hoan hỷ tìm đến gặp ông nhà nghèo hiền kia thương lượng dùng năm trăm cân vàng để mua lâu đài thất bảo đó. Ông nhà nghèo hiền được vàng liền mở hội bố thí cúng dường. Phật nhân đó thuyết pháp về nhân quả thiện ác báo ứng, khiến cho ông nhà nghèo hiền làm công quả kia tin sâu, nhờ đó mà chúng được đạo quả”. Dẫn đoạn kinh trên đây cho chúng ta rõ thiện ác quả báo là sự thực hiển nhiên, để từ đó có thể dứt trừ mê chấp khinh thường, Phật nói:

“Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”. Kinh nói: “Không sợ tham sân sanh khởi, chỉ sợ giác ngộ chậm lâu”. (Xin tìm xem quyển Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng).

5.- Đức Phật nói Tam Bảo khó được gặp.

CHÁNH VĂN:

Đức Phật lại bảo A-Nan: Như Lai không nói hai lời, khó gặp Phật ở đời, khó nghe được kinh pháp, ông có phước duyên đời trước, nên nay được hầu Phật nghe pháp.

LỜI GIẢI:

Trên đây đức Phật nói với tôn giả A-Nan cũng là nói với chúng ta. Ngài nói: “Như Lai không nói hai lời”. Qua câu này ta cảm thấy lời của Phật thật là thống thiết trút hết tâm canng khô khản cả miệng lưỡi như lời tâm huyết thiết tha của bậc cha già cam đoan khẳng định trao trút hết cho đàn con.

“Khó gặp Phật ở đời”, bởi chúng sanh tạo nhiều nghiệp ác trôi lăn trong luân hồi sanh tử khó gặp được Phật ra đời. Có được cơ duyên gặp Phật hay gặp các bậc chân Tăng giảng truyền chánh pháp là phước duyên đặc thù phải mau kết gieo nhân lành bằng cách phát tâm quy y Tam Bảo, hồi đầu câu tu học Phật pháp đừng để mất cơ hội. Kinh Tứ Thập Nhị Chương Phật nói: Được thân người là khó. Khó như người chìm nổi, bồng bênh trôi trên biển cả đã nhiều năm tháng, nay gặp được phao. Chúng sanh gặp Phật pháp, gần chân Tăng, phát tâm quy y Tam Bảo, chẳng khác nào như con rùa mù nhiều trăm năm dưới đáy biển sâu nay nổi lên mặt nước gặp được bông cây chui vào. Quả thật vậy, kinh điển lưu truyền bất tuyệt, chân Tăng giảng kinh thuyết pháp không ngừng, cửa chùa rộng mở tháng năm, tiếng kinh kệ sáng chiều âm vang bất tận, mà trần thế chẳng thấy mấy người chí tâm tầm sư học đạo! Nên cổ đức có câu: “Niết bàn hữu bộ vô nhơn đáo. Địa ngục vô môn hữu khách tầm”. Niết bàn mở cửa không người đến. Địa ngục cái khoen khách mở vào. Chúng sanh mãi miết lao mình trong đục lạt ái ân, thị phi hơn thua giảng hồ ân oán, huân tập thành ác nghiệp để rồi kiếp kiếp đời đời phải chịu lấy nghiệp báo, nên không thấy được chân trời hạnh phúc bao la của an lạc giác ngộ giải thoát. Đã biết bao triết gia thi nhân văn sĩ lừng danh kim cổ đều mang tâm chí nhiệt thành muốn tô điểm vẻ đẹp cho đời, nhưng cuối cùng đều phải thàn than “đời là vô thường mộng huyễn, là biển khổ trầm luân!”

Bể khổ mênh mông sóng ngập tràn

Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi

Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió

Ngoảnh lại cùng trong biển khổ thôi.

Tất cả chúng sanh đang đắm chìm trong biển khổ của cuộc đời, đang lặn hụp nổi trôi trong sáu nẻo luân hồi không biết đến bao giờ mới thôi dứt, chỉ có người giác ngộ mới là an lạc giải thoát tự tại.

Làm thế nào để được an lạc giác ngộ giải thoát tự tại? chỉ có phát tâm Bồ đề chánh tín tu tập Phật pháp, tin sâu nhân quả là được an lạc, là bước đến ngưỡng cửa Niết bàn, đạt thành Phật quả chánh đẳng chánh giác. Ai cũng có thể phát tâm tu và ai cũng có thể thành chánh đẳng chánh giác. Đức Phật đã quả quyết tuyên bố: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật”. Nếu tất cả mọi người ý thức được lời xác quyết của Phật, tin sâu vào đó phát tâm Bồ đề y theo Phật pháp nghiêm chỉnh tu hành thì sự an lạc trong tâm tay, sự giác ngộ giải thoát hiện ngay trước mắt. Thời gian tu hành từ phàm phu đến Phật quả phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, chậm mau tùy theo tâm chí kiên cường nhịp độ tinh tấn tu là được thành đạo chứng quả, nhưng cũng đã định hướng và trên đường bước đến đạo quả Niết bàn. Người nào không có quá trình công phu tu tập, không có gia công hành đạo mà tự cho mình có phép lạ linh thiêng chứng thánh, thì đó là kẻ ảo tưởng điên cuồng trong Phật pháp, kinh Phật gọi là “đại vọng ngữ, mắc tội rất nặng”. Thiên tông gọi là kẻ tà hoặc tẩu hỏa nhập ma.

Muốn trở thành học trò giỏi, có bằng cấp cao tiến sĩ, luật sư, bác sĩ thì phải cố gắng ngày đêm trải bao năm tháng dùi mài kinh sử, không rời đèn sách, chăm học không ngừng, chứ đâu phải học tà tà cho qua ngày tháng lấy lệ mà thành bác sĩ luật sư tiến sĩ được? Sự tu hành lại đặc biệt đòi hỏi phải chuyên cần tinh tấn hơn. Có quan niệm cho rằng đời còn trẻ chưa cần tu sớm, để già rồi tu cũng chẳng muộn. Nếu đó là ý nghĩ đúng thì sao không nói đời còn trẻ nên ăn chơi hưởng lạc thú để già rồi đi học cũng chẳng muộn. Tuổi già khí lực suy tàn, ở thế gian đã tạo muôn ngàn tội lỗi, tập khí phiền não sâu dày còn đâu năng lực để tu tập, còn đâu thời gian để hành đạo, còn đâu tinh thần mẫn cán để đóng góp phần công đức vun trồng phước huệ. Kinh Phật dạy phước huệ tròn đầy mới thành chánh quả. “Phước huệ lưỡng toàn phương tác Phật”.

Có tu là có hạnh phúc. Tu là xây đắp nền móng, là cội gốc của hạnh phúc bản thân, gia đình, xã hội, quốc gia. Nên đạo Nho cũng dạy “trước phải tu thân, rồi mới tề gia, sau mới ra trị quốc bình thiên hạ”. Đạo Phật khuyên mọi người nên tu tập để hiện đời mình và người đều được an lạc, đời sau hưởng bầu trời vô tận hạnh phúc và cuối cùng là đạt đạo quả giác ngộ giải thoát. Các thức giả trong thiên hạ nếu phát tâm Bồ đề ngay bây giờ, trong đời này tinh tấn tu hành vun trồng phước đức vào cội Bồ đề tâm nguyện về cảnh giới Tịnh độ diện kiến Phật A Di Đà để được ngày đêm nghe Ngài thuyết pháp, thì nên Thiên - Tịnh song tu là pháp tu thuận duyên tiên nhanh trên đường thành đạt chánh quả. Bằng không thì phải đợi 56 ức năm nữa, khi đức Phật Di Lạc ra đời nếu còn được thiện duyên làm đệ tử Ngài trong pháp hội Long Hoa phát tâm tu hành. Nhưng thử lắng lòng tự hỏi có nắm chắc là sẽ được gặp đức Phật Di Lạc ra đời

để được làm đệ tử ngài dự pháp hội Long Hoa không? Hay lúc đó còn chìm đắm trong ba ác đạo hoặc rơi vào lưới ngoại đạo tà giáo hay quay cuồng trong lục đục lạc trần gian. Khó lắm! Quá ư xa diệu vợi mơ hồ!

Chỉ có những ai ngay hiện đời thành khẩn phát tâm Bồ đề y theo chánh pháp tu tập, tha thiết thân cận chân Tăng học đạo mới tạo được thiện duyên gần Phật, thầy Phật. Còn tu lấy lệ, tu hình thức cầu danh lợi dưỡng, việc phước đức lơ là, ngã chấp pháp chấp sâu nặng thì tự đẩy mình cách Phật càng xa, đạo quả giác ngộ vô phương đạt đến. Nên kinh nói “rất khó gặp Phật ở đời” là vậy. Gặp Phật ở đời là khó, gặp mình sư học đạo là khó. Có thiện duyên lắm mới gặp. Mà hễ đã gặp lại được nghe giảng pháp là chứng ngộ. Chúng ta vô phước không gặp Phật, nhưng chúng ta còn có thiện duyên gặp kinh điển chan chứa lời Phật dạy, còn được các chân Tăng thiên đức giảng thuyết giáo pháp, từ đó chúng ta nghe hiểu phát tâm tu hành cũng là hạnh ngộ phước duyên, nên thành tâm phát nguyện trang kính tự cường, trang nghiêm Tịnh độ, hạ thủ công phu, nỗ lực tu học, để khỏi phụ ơn Phật, để còn đền đáp ơn phụ mẫu và ơn chúng sanh. Đức Phật đã vì chúng ta mà phải xả thân, dâng hiến trọn đời 80 tuổi, ròng rã 49 năm, ngày đêm thuyết pháp độ sanh cho đến giờ phút chót vào Niết bàn.

Kinh Phật có khắp nhân gian, nhưng rất ít người để tâm nghiên tầm học hiểu. Số lượng người tìm hiểu Phật pháp tu học so với số lượng nhân loại hiện hữu trên cõi đời này thì quả thật rất ít. Nên cổ đức nói: “Kinh điển Phật pháp khó được nghe” là vậy.

Nghiệp chướng chúng sanh quá nặng, nên phần đông không thích gần Phật pháp mà thích gần tục tạp lục lạc. Nghe giảng Phật pháp thì cảm thấy mỏi mệt, xem kinh Phật thì dễ cảm thấy chán, nghe luận bàn giáo lý thì tâm thần uể oải ngáp ngủ, đủ thứ chướng duyên làm trở ngại việc nghe kinh giảng pháp. Bởi vọng tình huân tập nhiều đời nhiều kiếp, nên ý chí cầu đạo giác ngộ khó khăn. Cổ đức nói: “Vọng tình huân tập, chí đạo nan văn”.

Kinh luật Phật pháp có hiệu năng tu chỉnh đưa chúng sanh đến chánh tri kiến Phật. Giới luật có hiệu năng sửa chánh hành vi của con người. Kinh luật luận là chuẩn tắc, là nơi y cứ cho người tiến bước trên đường thánh thiện đạt đến quả tịch tịnh giác ngộ giải thoát. Người tu theo Phật pháp là người đi ngược dòng sanh tử. Có đi ngược dòng đời sanh tử mới cứu được đời.

Khi đức Thế Tôn vào Niết bàn, Ngài có di chúc cho hàng đệ tử “Bốn điều y pháp” theo đó mà tu hành: 1/ Y pháp bất y nhơn: Pháp là chỉ cho tam tạng giáo điển kinh luật luận. Ý đức Phật thăm bảo hàng đệ tử rằng, sau khi Ngài nhập Niết bàn, nếu kẻ hoằng pháp không y cứ vào kinh luật thì không nên nghe theo. 2/- Y nghĩa bất y ngữ: Nghĩa ở đây là chỉ đạo lý đức Phật đã giảng dạy. Ngữ ở đây là chỉ cho văn ngôn, tức là lời nói văn tự, làm công cụ ghi chứa và phương tiện để diễn đạt đạo lý. Nghĩa là chủ, ngữ là khách. Tức là Phật bảo chúng ta y cứ vào đạo lý của Phật dạy mà tu hành, chớ

đừng chấp vào văn tự ngữ ngôn. Chấp chặt văn tự ngữ ngôn làm tan mất nghĩa lý diệu huyền Phật Đà giáo hóa. Thế nên kinh Phật còn ghi “Tất cả kinh điển như ngón tay chỉ mặt trăng” - “Nhứt thiết tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chi”. 3/ Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa: “Bất liễu nghĩa” là những giáo lý mà đức Phật nương theo thế tục giảng thuyết, vì có những chúng đệ tử căn tánh còn thấp kém mà phải phương tiện nói, như pháp tiêu thừa và pháp nhọn thiên. “Liễu nghĩa” là giáo pháp mà đức Phật đích thực chứng đắc chánh đẳng chánh giác vô thượng Bồ đề. Tâm nguyện của đức Phật muốn hàng đệ trong y cứ giáo pháp liễu nghĩa, giáo pháp nhứt thừa Phật quả mà tu hành để thành đạo vô thượng Bồ đề chứng quả chánh đẳng chánh giác như Phật, chớ đừng nên y cứ giáo pháp bất liễu nghĩa tiêu thừa nhọn thiên. Như các hành giả tu pháp Sám Hối Hồng Danh phát nguyện: “Con nay phát tâm (tu pháp sám hối) không phải vì cầu phước báo của cõi trời người, Thanh Văn, Duyên Giác cả đến quả vị quyền thừa Bồ Tát, mà con phát nguyện tu pháp Hồng Danh Sám Hối chỉ duy nhất cầu được quả vị tối thượng thừa (Phật quả), vì đó nên con phát tâm Bồ đề. 4/ Y trí bất y thức: Trí là lý trí, trí huệ. Thức là hiểu biết của vọng thức. Phật khuyên chúng ta phải có tâm chí hướng thượng, minh định thái độ để chuẩn bị khóa trình đầy đủ cho việc tu học, chứ không để vọng thức tình cảm mê chấp. Y theo bốn pháp này mà tu tập, thì hành giả nhất định không bị sa lầy rơi vào thường tình biên kiến cảm tình, địa phương, bè phái, thân thuộc, bạn ác. Cho dù đang sống vào thời cách Phật đã lâu xa như chúng ta, nhưng nếu chân tâm thành ý y theo bốn pháp Phật dạy đây mà tu tập thì không khác nào như Phật còn ở đời. Trong thời mạt vận Phật pháp lắm kẻ tà tâm lợi dụng, chúng sanh phước mỏng tội dày, thầy tà bạn ác đầy đầy, nếu không y cứ bốn pháp này làm chuẩn tắc để hành đạo thì thật khó mà tránh khỏi rơi vào biên kiến. Do vậy, hằng ngày chúng ta thường thấy có kẻ tin Phật đã lâu, hoặc đầu tròn áo vuông râu sòng đã nhiều năm tháng mà không tránh khỏi lưới thường tình bè phái, độc tôn, lợi danh, hình thức là tin Phật mà suốt đời cho đến khi chết tâm niệm vẫn chưa dính dấp gì lý đạo.

Công dụng của kinh điển là đem lại an lạc cho đời sống hiện tiền, và giải thoát sanh tử luân hồi cho kiếp tương lai. Sự kiết tập, phiên dịch, lưu truyền kinh điển khó khổ mồ hôi nước mắt sánh bằng trời biển, tổn hao tâm lực lớp lớp người có chí nguyện hoàng dương chánh pháp, trải bao ngàn năm với giá hy sinh tâm huyết chất chồng không tiếc thân mạng công lao đó sánh bằng hư không, cũng vì tâm nguyện lợi lạc quần sanh của các Thánh Tăng tiền bối. Giờ đây kinh sách, Phật tượng, chùa viện sẵn có tất cả mọi phương tiện hành đạo, chúng ta chỉ còn có việc phát tâm tu học thôi mà không làm nổi thì thật đáng thương, đáng tội nghiệp cho kiếp chúng sanh trầm luân mê muội. “Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó gặp nay đã gặp. Thân này không tu để tự độ, lại đợi đến bao giờ mới chịu tu để độ thân”. Kinh Kim Cang Phật nói: :”Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau có người trì giới tu phước, đối với kinh này mà hay sanh tín tâm cho là chân thật, thì nên biết người đó không phải chỉ ở nơi một, hai, ba, bốn, năm đức Phật, mà đã từng ở chỗ vô lượng ngàn vạn đức Phật trong các căn lành rồi”. Từ đây, chúng ta có thể biết rằng, người không có căn lành, thiếu phước thiện gieo

trồng nhân duyên Bồ đề thâm sâu thì rất khó có tâm phấn khởi tiếp thọ giáo lý của Phật để áp dụng vào đời sống.

CHÁNH VĂN:

Nên nghĩ đến việc báo ân Phật, Ngài đã giảng truyền giáo pháp, thị hiện làm người, làm ruộng phước điền cho người tín tâm gieo trồng phước đức để đời sau không còn lo âu. A-Nan lãnh thọ giáo pháp của Phật, tự mình phụng hành đồng thời truyền khắp cho chúng sanh đều nghe.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây Phật dạy người tu học Phật nên phát tâm vị tha truyền bá chánh pháp, làm ruộng phước điền cho chúng sanh để cùng được an lành lợi lạc. Đây cũng là đoạn kinh cuối cùng mà tôn giả A-Nan hỏi Phật về việc vì sao kính phụng Phật như lại có quả báo hung kiết khác nhau.

“Nên nghĩ đến việc báo ân Phật”. Đoạn này mang ý nghĩ ơn đức, uống nước nhớ nguồn, ăn trái nhớ kẻ trồng cây. Phật dạy chúng đệ tử làm người phải luôn luôn giữ tâm niệm báo đền ân đức. Có nghĩ đến việc báo đền ân đức thì mới có tâm niệm tri ơn. Vậy thì những người nào đã có ơn với ta? Đó là bốn ơn nặng: 1/ Ôn cha mẹ sanh dưỡng thân thể hình hài của chúng ta khôn lớn thành người. 2/ Ôn sư trưởng: Sư trưởng đã dạy dỗ ta, tạo cho ta có kiến thức hiểu biết, nhơn cách làm người. 3/ Ôn quốc gia chánh phủ: Đã bao người hy sinh mới có được mảnh đất quốc gia và chánh phủ giữ gìn nhờ đó mà nhơn dân mới được an cư sinh sống. Ngày nay ta được sống trong sự an lành để tu hành, nên phải biết ơn. 4/ Ôn chúng sanh: Tất cả chúng sanh mỗi người đều đem hết khả năng sáng tạo của mình để góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp, giúp đỡ cung cấp nhu cầu tạo cho ta có hoàn cảnh hạnh phúc tiện nghi để hành đạo, nên phải tưởng nghĩ báo đền ơn họ. Cuộc sống của chúng ta không thể tách rời bốn ơn nặng này, nên Phật khuyên hàng đệ tử phải luôn luôn ghi nhớ “trả ơn và báo đáp thâm ơn”.

Báo ơn bằng cách nào? Phật dạy chúng ta trước nhất phải “giảng truyền giáo pháp”. Truyền là truyền bá ban bố khắp nơi. Để truyền bá giáo pháp thì trước hết tự bản thân phải hiểu và y như giáo pháp mà nghiêm chỉnh hành trì, tức là hành giả tương ưng, tri hành hợp nhất, đáng làm mô phạm cho đời, được như thế lời thuyết giảng mới có giá trị, khiến cho người hoan hỷ tín thọ. Nghĩa là thân giáo, khẩu giáo tương ưng, tâm nguyện, đạo hạnh xứng hợp. Ngược lại “năng thuyết bất năng hành, biện tài vô đạo hạnh” thì phản tác dụng khiến cho người đời đàm tiếu, thế nhơn nghi ngờ chánh pháp, chê bai hành giả của đạo Phật. Thế nên, Phật dạy hàng đệ tử xuất gia phải y giáo pháp nghiêm chỉnh tinh tấn tu tập, trên báo đền bốn ơn đức sâu nặng, dưới khắp cứu giúp chúng sanh thoát khổ nạn, như thế là trợ Phật hoằng hóa để tiệt tiêu họa hoạn, làm nơi nương tựa tạo ruộng phước điền cho chúng sanh. Phước điền có 3 loại: 1/ Kính điền

là phước điền do lòng kính tin Tam Bảo. 2/ Ân điền là phước điền do báo đáp ơn đức cha mẹ. 3/ Bi điền là phước điền do lòng từ bi thương người nghèo khổ, và tâm từ bi khắp thương người nghèo khổ, và tâm từ bi khắp thương tất cả chúng sanh. Cội gốc của muôn hạnh lành là thành kính, hiếu thuận và từ bi. Thành kính là tin Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo mà sanh. Hiếu thuận do nghĩ nhớ báo đáp thâm ân phụ mẫu mà sanh. Từ bi do trái lòng thương xót tất cả chúng sanh mà sanh. Thế nên trong Phật pháp nói: Phật, Bồ Tát, Sư trưởng, Phụ mẫu, chúng sanh là ruộng tốt để cho chúng ta gieo giống lành. Người đời cầu Phật mà chẳng biết ruộng phước trước mắt để gieo trồng giống lành thiện trong ruộng phước điền, nhưng thực tế thì không mấy người chịu gieo trồng! Phật do lòng từ bi mà khai mở nền đạo, người có lòng tin thì gieo trồng giống phước vào trong Phật pháp, sau đó quyết sẽ được thọ hưởng phước báo bất tận. Có đệ tử hỏi Phật: Tại sao A-Nan lại thông minh xuất chúng? Phật đáp: A-Nan nhiều tiền kiếp về trước vốn là nhà buôn. Một hôm thấy có một chú Sa di ôm bình bát khát thực vừa đi vừa khóc. Nhà buôn kêu chú Sa di lại hỏi, thì được trả lời: Thầy tôi mỗi ngày cho tôi học thuộc một bài kinh, nếu không thuộc thì sư phụ tôi buồn. Nếu chăm chú lo học thuộc thì tôi không đi khát thực được, ngày hôm đó thầy trò tôi đều nhịn đói. Nếu tôi đi khát thực thì không thuộc bài, sư phụ tôi buồn. Ở nhà học thuộc kinh thì không đi khát thực được, sư phụ tôi phải chịu đói. Đàng nào tôi cũng không làm sư phụ vui, nghĩ vậy mà tôi ngậm ngùi rơi lệ. Nhà buôn nghe vậy động lòng phát Bồ đề tâm bảo với chú Sa di: Từ đây về sau, mỗi ngày chú cứ đến đây tôi sẽ dựng cúng thức ăn để chú yên tâm học thuộc kinh. Chú đừng buồn khóc nữa. A-Nan đã tạo cái nhân giúp người học thuộc kinh nên được cái phước trí thông minh nhớ rõ.

Quý vị trọn quyền quyết định tin lời Phật dạy, tin kinh điển hay không, nguyện hay không nguyện, tu hay không tu, gieo trồng phước hay không đều tùy quyền quý vị. Đức Phật là người lái thuyền, giáo pháp là con thuyền đưa con người qua bể khổ. Lên thuyền hay không là thuộc quyền quý vị. Đức Phật nói: Ta là thầy thuốc, giáo pháp là thuốc, chúng sanh là bệnh nhơn, mặc dù thầy thuốc hết lòng khuyên bệnh nhơn nên uống thuốc để lành bệnh, nhưng chịu uống hay không là tùy bệnh nhơn. Vậy bệnh khổ do ai tạo ra và ai làm cho ta hết bệnh khổ, thưa quý vị?

“Đời sau không còn lo âu” có hai nghĩa: 1/ Người có tâm thành chánh niệm tu hành thì dù chưa đắc đạo mà chết thì đời sau được phước đức sâu dày, được sanh cõi trời thân tâm an lạc hưởng phước báo. 2/ Nghiêm chỉnh tu hành đạo nghiệp thành tựu, minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chơn, quả báo được sanh về cõi Phật, vĩnh viễn thoát ly luân hồi sanh tử. Đây mới là quả báo cứu cánh viên mãn, và cũng chính là điều mà đức Phật khuyên hàng đệ tử phải ngày đêm ghi nhớ thực hành. Là đệ tử Phật phải biết nghĩ nhớ ơn đức, để làm mô phạm cho trời người, và quyết lòng báo đáp thâm ân Phật bằng cách hoằng pháp, ngõ hầu làm ruộng phước điền cho chúng sanh. Nên biết nhơn đạo lấy huệ làm gốc. Trí huệ lấy phước đức làm nền. Về phương diện này, tôn giả A-Nan là tấm gương sáng để cho chúng ta noi theo. Như kinh văn nói: “A-Nan lãnh thọ

giáo pháp của Phật, tự mình phụng hành đồng thời truyền bá khắp cho chúng sanh đều nghe”. Chúng sanh nhờ nghe giáo pháp mà biết phương pháp tu hành, phá mê khai ngộ, thoát khổ được vui. Từ trước đến đây đã được giải rõ lý do tại sao kính phụng Phật mà lại có quả báo kiết hung sai biệt rồi. Tiếp theo sau đây, tôn giả A-Nan thưa hỏi Phật về quả báo của tội sát sanh.

Đoạn hai: Quả báo của nghiệp sát sanh.

1.- A-Nan thỉnh bạch Phật.

CHÁNH VĂN:

A-Nan lại bạch Phật rằng: Có người không phải tự tay mình sát sanh, không tự tay mình sát sanh là không có tội, phải vậy không, bạch đức Thế Tôn?

LỜI GIẢI:

A-Nan hỏi Phật điều này là nhằm để cho đại chúng trong pháp hội nhận thức rõ ràng, ngõ hầu đem lại nhiều lợi lạc cho chúng sanh. Bởi vì tất cả chúng sanh đều sợ khổ và chết, nhất là chết thê thảm lại càng kinh sợ hơn. Thế nên lấy sát sanh làm đệ nhất ác hạnh. Đức Phật giảng dạy giáo lý thế gian thiên nhơn và giáo lý xuất thế gian Tam thừa, Phật quả đều lấy giới không sát sanh hộ mạng làm đệ nhất thiện hạnh. Văn hóa đạo đức căn bản của nhà Nho lấy nhân đứng đầu trong ngũ thường, đó là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Kinh đây tuy chỉ nói mỗi việc sát sanh, nhưng hàm ý toàn bộ giới luật của nhà Phật. Căn bản giới luật của đạo Phật, giới sát đứng đầu. Luật học của đạo Phật cũng như lễ học của đạo Nho, căn bản ở chỗ nêu cao đức tánh của con người, thể hiện hành vi sinh hoạt chân, thiện, mỹ, trí, trong đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, tinh thần giáo lý của đạo Phật tuyệt đối không có ý bó buộc con người, mà tùy sở nguyện chịu thực tâm thi hành giới pháp. Bản kinh này đây chỉ lược nêu giới sát, còn những giới khác theo đó suy ra tự biết.

Sau khi đức Phật giảng giải cho tôn giả A-Nan về việc kính phụng Phật nhận lấy quả kiết hung khác biệt, an Nan lại nêu tiếp vấn đề khác để thỉnh giáo Phật, tôn giả hỏi: “Bạch đức Thế Tôn, giả sử có người không phải tự tay mình sát sanh thì không mắc tội, có phải vậy không. Ngài A-Nan đặt câu hỏi này làm nhân duyên để đức Phật giảng rộng: Hoặc tự mình sát, hoặc bảo người sát, hoặc thấy người sát mà vui mừng đều có tội. Còn không có ý sát, không tự tay mình sát đương nhiên là không có tội.

2.- Phật giảng về tội khinh trọng của nghiệp sát.

CHÁNH VĂN:

Phật dạy rằng: Sai khiến người làm việc sát sanh tội nặng hơn là tự mình làm? Vì sao? Bởi vì, hoặc là kẻ nô tì, người ngu muội, trẻ con, hạng thấp hèn không biết tội phước, hoặc là bị quan quyền sai sử chứ không phải tự ý xuất phát làm việc sát sanh. Do đó, tuy mắc tội sát sanh, nhưng tâm và việc chẳng đồng, khinh trọng khác biệt. Sai khiến người sát sanh là cố ý phạm, âm thầm ôm lòng ngu ác, thích thú tự tay sát hại sanh mạng chúng sanh, như thế thiếu mất từ tâm, khi dối Tam Bảo, lừa đảo lương tâm, tổn thương sanh mạng, tội nặng không biết đường nào!

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây Phật khai thị cho A-Nan thấu rõ trách nhiệm nặng nhẹ của tội sát sanh. Đại ý có 3 điểm: 1/- Sai khiến người khác sát sanh thì tội nặng hơn là chính tay mình sát. 2/- Không có ác ý mà người bị bắt buộc làm việc sát sanh thì tội nhẹ. 3/- Biết rõ mà cố ý sát thì mắc tội rất nặng.

“Sai khiến người làm việc sát sanh”. Theo luật pháp thế gian ngày nay gọi là tội sai sử toa rập. Đức Phật thuyết giảng cho tôn giả A-Nan biết tội ác về nghiệp sát sanh nặng nhẹ tùy theo trường hợp. Nếu sai sử hoặc toa rập với người sát sanh thì nội nặng hơn là người bị sai xúi làm việc giết. Bởi người bị sai xúi làm việc sát sanh không cố ý, vô tri, đôi khi bị ép buộc phải làm, mà lòng không muốn. Chẳng hạn kẻ nô tỳ ngu muội, người thuộc hạ hay dâu rể bị kẻ bề trên quyền thế sai khiến làm việc sát sanh, họ chỉ là người phải tuân hành, nên tội nhẹ hơn kẻ bề trên quyền thế sai khiến. Còn kẻ nô tỳ ngu muội họ không biết tội phước nhân quả, nên gọi là vô tri. Ở đây chúng ta thấy đức Phật nêu ra hai trường hợp sát sanh: Một là gia đình ông bà cha mẹ sai sử dâu rể, con cháu, kẻ ở, người ngu. Hai là ở chốn công đường quan quyền sai sử thuộc hạ. Như thế làm việc sát ảnh tùy trường hợp mà tội nặng nhẹ có sự phân minh khác biệt.

Tiếp theo đức Phật nói: “Biết sai xúi người sát sanh là mắc tội rất nặng mà vẫn cố ý làm”. Như thế chúng tỏ ở nơi lòng ôm ấp ý niệm sát hại mà lại cố ý tránh né, để sai sử người khác làm, thì Phật gọi đó là người “thâm ôm lòng ngu ác, thích thú tự tay sát hại mạng chúng sanh, rõ ràng không có từ tâm”.

“Lòng ngu ác” là chỉ tâm sân không thanh tịnh, không sợ nhân quả, không có trí huệ minh mẫn thấu đạt đạo lý, thường tạo tác những việc ác tự mình không thể khắc chế được. Nếu là Phật tử phát Bồ đề tâm quy y Tam Bảo, tu Bồ Tát đạo, hành Bồ Tát hạnh mà tâm sát sanh không trừ thì mặc nhiên đã phạm tội “khi dối Tam Bảo, lừa đảo lương tâm”. Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, nơi nương tựa của người học đạo giác ngộ, là chỗ cao quý nhất của người thế gian và xuất thế gian, mà xem thường khi dối thì làm sao gọi là Phật tử, là người tu tâm sửa tánh được?

Từ đây chúng ta suy ra, những người vì bất mãn một vài điểm nào đó với các vị tu hành (chứ không phải tà sư nguy tăng), hay không đồng ý một vài khía cạnh nào đó của chùa viện mà sanh tâm chống đối không đến chùa, lại còn khuyến dụ lôi kéo người khác đừng đến, xuyên tạc gây chia rẽ tạo xáo trộn chôn già lam, tâm niệm hành vi như thế chẳng những mắc phải tội khi dối Tam Bảo, lừa đảo lương tâm Phật tánh, mà còn mắc trọng tội chống phá Tam Bảo, gây việc xáo trộn này tác hại đến niềm tin Phật tử, và ảnh hưởng đến sự phát triển ngôi Tam Bảo. Tội ác này không khác tội xúi sử người sát sanh, khuyến dụ lôi kéo người theo tà sư nguy thánh, phá hại chùa viện.

3.- Phật dạy tạo nghiệp sát oán thù không dứt.

CHÁNH VĂN:

Sát sanh tạo nghiệp oán thù tương báo, đời đời phải gánh chịu oan ương, không thể đoạn dứt, hiện đời bất an, thường gặp phải tai họa hung hiểm.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây cho chúng ta thấy, huệ nhãn của Phật quán thấy rõ chúng sanh do nghiệp sát mà oán thù vay trả cho nhau mãi mãi không dứt.

Trước nhứt chúng ta nêu câu hỏi là, nhà Phật nói nhân quả báo ứng, vậy làm thế nào để chúng thực điều đó? Xin trả lời, tất cả sự vật muôn hình vạn trạng hành hoạt trong cõi đời này đều không ra ngoài luật nhân quả. Xin quý vị thử bình tâm suy ngẫm có đúng vậy không? Nhân quả báo ứng là chân lý, là định luật tự nhiên bất biến, tuyệt đối không phải là điều mê tín. Phật nói: “Muốn biết đời trước tạo nhân gì, cứ xem chịu quả báo đời này. Muốn biết đời sau sẽ chịu quả báo như thế nào, cứ xem hành vi tạo tác đời này”. (Yếu tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả trì. Yếu tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị). Khổng tử nói: “Nhà ai vun bồi phước thiện thì nhất định an vui dư thừa. Nhà nào chứa chấp điều bất thiện thì tất phải tai ương dòn dập”. (Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương). “Họa phước không tìm đến nhà, chỉ do mình mời gọi đến”. (Họa phước vô môn, duy nhơn tự triệu). Sách Khổng tử gia ngữ chú giải rằng: “Hại người để mình được lợi ích thì sẽ không tốt cho thân mình. Nhà ai bỏ bê người già mà xem trọng người trẻ thì nhà đó có điềm không tốt. Quốc gia bỏ người hiền tài mà dùng kẻ tiểu nhơn bất tiểu thì quốc gia đó bất an suy thoái”. (Tôn nhơn tự ích, thân chi bất tường, Khí lão nhi thủ ấu, gia chi bất tường. Thích hiền nhi dụng bất tiểu, quốc gia bất tường). Trong xã hội mà người lớn thiếu giáo dục học vấn đạo đức, trẻ con không học những điều của thánh nhơn hiền triết, không được đào tạo hướng dẫn bằng đạo đức văn hóa truyền thống của dân tộc, thì đất nước vắng bóng các bậc hiền tài, kẻ ngu ác cưỡng nắm quyền cai trị thì hậu quả sẽ là quốc gia bất an lạc hậu, nhân dân đói khổ lầm than, lân bang xem thường khi thị. Sách Khổng Tử gia ngữ chú giải nói: “Người lớn không được giáo dục, trẻ nhỏ không được học hành, thì phong

tục xấu. Thánh nơn ần tàng, kẻ ngu chiếm quyền, nhân dân bất hạnh”. (Lão già bắt giáo, ấu giả bắt học, tục chi bắt tường, thánh nơn phục nặc, ngu giả đàn quyền, thiên hạ chi bắt tường). Những điều Phật thánh nói trên đây sự thật đã hiển bày xưa nay kim cổ. Không đâu xa, chúng ta thử bình tâm suy nghiệm thấy rõ ngay trên đất nước Việt Nam. Những kẻ vong bản, ác đảng vọng ngoại mang tà đạo tà thuyết gieo rắc áp đặt lên dân chúng làm xáo trộn nếp sống truyền thống đạo đức hiền hòa của dân tộc ngàn đời, đẩy đất nước vào vòng nô lệ, điều đứng đối nghèo, lạc hậu như ngày hôm nay.

Nhân quả báo ứng hiện tiền như Ngô Đình Diệm và anh em ông. Chín năm cầm quyền giết hại tù đầy không biết bao nhiêu người. Lại còn tà tâm âm mưu đem ngoại đạo tà thuyết “duy linh nhân vị” áp đặt dạy dân chúng. Do tâm tích tạo nhân ác nên phải quả báo chết thảm. Hồ Chí Minh phụng thờ chủ nghĩa cộng sản cùng với đám thiếu học vong bản, gian ác, nên đưa đất nước dân tộc đến tình trạng đồ nát điều linh lạc hậu. Chúng ta đã thấy nhân quả như bóng theo hình, như vang theo tiếng, không sai sót mấy may. Sự việc trên đời này sanh thành phát triển hoại diệt chuyển biến qua mọi trạng thái đều theo định luật nhân quả nhân duyên. Nhìn sự việc diễn biến trước mặt và xung quanh, bình tâm suy ngẫm chiều thâm sâu của nó, chúng ta thấy không có việc gì trên đời tách rời nhân quả. Có nhân quả hiện tiền, nhân quả ba đời. Nhân quả hiện tiền thì chúng sanh dễ thấy. Nhân quả ba đời thánh nhân suốt thấy, còn đối với người trần tục tâm phàm mắt thịt khó thấy dễ quên, nên chỉ sợ quả mà không sợ nhân! Phần đông người đời muốn hưởng quả tốt mà không chịu tạo nhân lành.

Do nhân quả ba đời hệ lụy triền miên, nên kinh nói: “Sát sanh thì phải nhận oán thù tương báo, đời đời gánh chịu oan ương”. Tương báo là người với ta gây oán sát phạt, hoặc đời trước đã gây nhân, thì đời này phải trả quả; hoặc đời này gây nhân, thì đời sau mới trả quả; hoặc gây nhân từ nhiều đời trước mãi đến đời này mới trả quả. Nghĩa là đã tạo nhân thì nhân vĩnh viễn tồn tại đến khi nhân duyên thuận thực thì kết thành quả báo. Kinh Phật nói: “Nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ”. Hễ đã gieo nhân, thì trước sau chậm mau gì rồi cũng phải thọ quả. Quả báo nặng nhẹ còn tùy tâm thiện ác. Có người đệ tử hỏi Phật: Vì sao Ngài đã giác ngộ thành Phật mà còn bị cô gái giả bụng chứa vu oan. Phật đáp: Trong một tiền kiếp xa xưa, ta là một vị vua. Một hôm khai triều, quần thần đang khấu bái vua, bỗng thấy vị Sa môn đi trước cửa hoàng cung, các quần thần liền xoay lưng lại kính bái vị Sa môn kia, vua tức giận quở mắng các quần thần: Các khanh ngày ngày ăn bổng lộc của ta, nhờ ta mà các khanh có chức tước cân đai võng lọng. Ông Sa môn kia có ban cho các khanh những gì, mà sao các khanh tại tử ra cung kính bái chào xoay lưng vào mặt ta? Ban ngày họ làm bộ tu hành, ban đêm biết đâu họ lén lút có vợ con? Chỉ vì khinh nghi vị Sa môn, mắng quần thần mà nay ta phải nhận chịu quả báo vu oan này.

Thế gian lắm kẻ nông nổi thấy người hiện đời làm việc bất chánh mà lại được giàu sang, rồi chê trách trời đất không có mắt, thánh thần không công minh. Họ đâu có biết nhân quả ba đời, rồi vội cho là không có nhân quả, sanh tâm khinh thường Phật

thánh, tâm ý buông lung dong ruổi theo dục vọng, mặc tình tạo ác nghiệp, để rồi dệt lấy hậu quả đời đời kiếp kiếp liên tục không dứt. Nên kinh Phật nói: “Đời đời gánh chịu oan ương liên tục không dứt”. Tất cả ác nghiệp tai ương hoạn nạn đều do vô tri điên đảo mê muội tạo nên ngày thêm sâu nặng, quả báo ngày thêm chất chồng thảm khốc. Ngày nào biết hồi đầu quy y Tam Bảo, thành tâm tu học biết “quán oán thân bình đẳng” thì mới thoát khỏi quả báo ác, mới giải thoát tất cả khổ, mới được chân thật an lạc. Ngược lại, ác nhân không đoạn, ác duyên tăng trưởng, đương nhiên nhận lấy ác báo “hiện đời bất an, thường gặp tai họa hung hiểm”.

Trong kinh Pháp Cú có đoạn nói về nghiệp tội: “Khi đức Phật ở Kỳ Viên tinh xá, có bảy vị Tỳ kheo từ phương xa muốn đến hầu thăm Phật. Đi giữa đường thì trời tối nên mới ghé vào một ngôi chùa xin nghỉ qua đêm. Sau chùa có một hang thất vừa đủ cho bảy vị nghỉ, bất ngờ nửa đêm một tảng đá từ trên cao lăn xuống lấp miệng hang thất. Thấy vậy cả chùa đều thất kinh. Tất cả Tăng chúng trong chùa cùng nhau ra sức để đẩy tảng đá nhưng tảng đá khổng lồ kia cũng vẫn không di chuyển. Dân chúng các làng xung quanh nghe tin chạy đến xúm nhau dòm đá, đá vẫn không nhúc nhích. Đến ngày thứ bảy bỗng nhiên tảng đá tách khỏi miệng hang lăn xuống hố. Bảy thầy Tỳ kheo thoát khỏi tù hãm đói khát khổ sở, sau đó tiếp tục đến ra mắt Phật và đem sự việc hết sức lạ lùng vừa rồi đã xảy ra bạch lên Phật. Đức Phật mỉm cười đáp: Thuở quá khứ cách nay 14 kiếp, có bảy chú mục đồng nhân thấy con kỳ đà liền rượt đuổi bắt để ăn thịt, nhưng kỳ đà đã nhanh chun chạy vào hang mới. Bảy chú mục đồng không tha, quyết tâm đuổi bắt, nên làm đủ mọi cách để cho kỳ đà ra khỏi hang, nhưng kỳ đà cố thủ ẩn núp không ra. Trời chiều tối, bảy mục đồng phải lùa trâu về chuồng, nên dùng đá lấp kín miệng hang để ngày mai trở lại bắt. Nhưng bảy mục đồng quen lệ nay cho trâu bò ăn đồng cỏ này, mai cho ăn đồng cỏ kia, mỗi ngày một đồng cỏ khác nhau, sau bảy ngày mới đáo hạn. Bảy ngày sau chúng trở lại đồng cỏ cũ, sực nhớ ra hang mỗi kỳ đà, chúng đến dòm những viên đá lấp miệng hang, kỳ đà quá đói chẳng sợ chết liều mạng bò ra, bảy chú mục đồng kia thấy vậy động lòng thương bỏ ý định bắt ăn thịt. Đức Phật nhìn thẳng vào bảy vị tỳ kheo giảng tiếp: Bảy chú mục đồng kia chính là tiền thân của bảy người các ông ngày nay. Sự kiện xảy ra đá lấp miệng hang làm cho các ông khôn đôn đói khát suốt bảy ngày vừa rồi chính là quả báo mà các ông đã tạo đời trước, đời nay đến lúc phải nhận chịu”. Kinh Phật nói: “Nghiệp quả sở khiến thành nan đào ty”. Một khi nghiệp quả đã chín mùi rồi thành nghiệp lực lôi kéo khó mà tránh khỏi.

Người có trí huệ khi làm việc gì phải nghĩ đến hậu quả của nó. Một đóm lửa nhỏ có khả năng thiêu rụi cả rừng núi. Một con rắn nhỏ có thể cắn chết người. Từng giọt nước nhỏ có thể đầy hồ lớn. Kinh Phạm Võng Phật dạy: “Không nên khinh thường lỗi nhỏ. Nghĩa cử đức Phật đã cúi xuống xỏ kim cho bà già bên vệ đường là ý nghĩa này đây. Nên Bỏ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Chúng sanh sợ quả nghĩa là khi chịu quả báo khủng khiếp rồi mới sợ thì đã quá muộn.

CHÁNH VĂN:

Khi bỏ thân người thì phải đọa vào địa ngục, được ra khỏi địa ngục lại đọa vào súc sanh, bị người làm thịt. Cứ thế ba đường tám nạn số vạn ức kiếp thịt mình cung cấp cho người, chưa có lúc nào dứt, thân chịu khổ khổ, phải ăn cỏ uống nước mương rạch.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh đây nói về quả báo trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trải uôn ức kiếp liên tục chịu khổ không thôi dứt.

Những đoạn kinh trước, Phật thuyết minh về quả báo sát sanh hại vật thì phải nhận lấy hậu quả khổ đau trong ba đường ác. Đoạn kinh này, Phật lại nói rõ hơn về chân tướng của quả báo. Y cứ vào lời Phật dạy thì chúng ta có nhận thức chính xác và một cách khẳng định rằng, tất cả người và các loài động vật đều có đời quá khứ, liên tục đến hiện tại và kéo dài đến đời vị lai vô tận. Thân xác chúng ta tùy theo nghiệp thiện ác mà có sự thay đổi hình thể, nhưng tánh linh của chúng ta thì mãi tồn tại và xuyên suốt tùy nghiệp mà có thấp cao thanh thô, thông minh hay đần độn theo nghiệp nhân mà thọ nghiệp quả, ở loài nào thì vui trong hoàn cảnh đó. Tức là phần tinh thần, linh hồn, tri giác, tánh linh theo nghiệp mà chuyển hình thể đời này qua đời khác tuần hoàn bất tận, tánh linh (linh hồn) không hoại diệt theo thân thể. Có nghĩa là khi làm thân trời thì hình thể thanh nhã, tinh thần an vui hiểu biết cao rộng theo phước báo của loài trời ở cõi thiên thượng. Khi làm người thì tinh thần lúc khổ lúc vui, tri giác thường tình của nhơn loại. Khi làm thân súc sanh thân hình thường đi ngang, mang lông đội sừng, tinh thần thường khổ nhiều vui ít, tánh linh thú vật ngu si, thiếu hẳn luân thường đạo lý, thường giành giựt cấu xé lẫn nhau. Tầng độ tri giác cao thấp tùy thuộc thọ thân của mỗi loài sinh vật trong kiếp chúng sanh. Nhưng điều chắc chắn là nghiệp báo tuần hoàn, nhân quả luân hồi bất tận. Điều này được phân tích rõ trong Duy thức học, nhân quả báo ứng là chân lý, là sự thật muôn đời chứ không phải là triết thuyết thuần lý cho việc lý luận truy cứu trách nhiệm. Vì nhân quả báo ứng là chân lý tuyệt đối không sai sót tơ tóc, nên xưa nay các bậc thánh nhơn hiền triết đều có lời tha thiết khuyên nhắc người trần thế nên sống đời đạo đức, đề cao kiến thức, mở rộng tâm trí, mỹ hóa tánh linh, để được thọ dụng đời sống thăng hoa trong cảnh giới chí thân chí thiện chí mỹ chí huệ.

Nhưng đáng thương thay cho người đời nghiệp chướng vô minh sâu dày, khinh thường không tin, đã không tìm hiểu chân lý nhân quả luân hồi báo ứng để xây dựng cho mình cái nhân phước đức trí huệ, mở đường cho đời sống thăng hoa thánh thiện tươi sáng an lành, mà còn cho rằng tin nhân quả báo ứng luân hồi là mê tín dị đoan hoang đường tà mị, rồi tự hào cho mình là tiến bộ thế trí biện thông, thế học bằng cấp, ý quyền uy chức tước xuẩn động phé bỏ kinh điển thánh hiền, bất cần hiểu nghĩa luân thường đạo lý, chẳng để ý đến việc trao dồi đạo đức, cực đoan tà kiến tin theo tà thuyết, phụng thờ thần linh cầu mong xá tội ban phước. Không tin nhân quả báo ứng chẳng những tự hại mình mà còn là đại họa cho loài người. Nguồn gốc sâu xa của gia đình

thiếu kỷ cương hạnh phúc, xã hội thiếu trật tự an ninh, quốc gia thiếu ổn định thanh tri, Nhơn loại thiếu hòa bình đều bắt nguồn từ sự không tin sâu nhân quả báo ứng. Bao nhiêu cuộc tang tóc đổ vỡ đều do không tin nhân quả báo ứng mà ra.

Lời Phật dạy cách đây ba ngàn năm từ khi Nhơn loại còn đi xe ngựa xe bò, nay đã đi xe hơi, xe điện; khi Nhơn loại còn đi thuyền chèo, nay đã đi tàu điện; khi Nhơn loại còn đi dưới đất, nay đã đi trên trời; khi Nhơn loại còn cày cấy bằng tay chun, trâu bò, nay Nhơn loại dùng cày máy; khi Nhơn loại còn sống nơi làng mạc đồng áng với đèn cây, ngày ngày cày sâu cuốc bẫm, chun lấm tay bùn đem về ngắm trăng, nay đã bay lên không trung chun bước lên mình chị Hằng; ngày sắt thép kim loại còn nằm sâu trong lòng đất, nay cả khối sắt bay lên trời. Ngày xưa Nhơn loại cách sông biển núi rừng bạt vô âm tín, ngày nay sống cách xa hàng ngàn dặm mà vẫn thấy nghe nhau. Nhơn loại vẫn minh đến mức độ không còn đo lường được, thế mà so lại những điều đức Phật nói trước đây ba ngàn năm chẳng những không khác, không thấm vào đâu, mà cả những công trình văn minh khám phá vũ trụ Nhơn sinh của loài người cho đến nay vẫn chưa đạt hết những điều Phật nói trong kinh điển. Đúng về phương diện văn minh của Nhơn loại có thể nói một cách có kiểm chứng rằng, kinh Phật là sách giáo khoa của nền phát minh khoa học của loài người đang trên đà phát triển. Nói cách khác, giáo lý của nhà Phật là học thuyết, mà phát minh của khoa học là thực nghiệm, nhưng chỉ mới thực nghiệm cụ thể phần nhỏ trong kho tàng giáo lý của đạo Phật thôi. Về triết học, đạo học, khoa học, luân lý học v.v... mọi văn minh khoa học, giáo lý đạo Phật vẫn là kim chỉ nam, là giáo khoa, là kho tàng tư liệu tinh hoa của sự an lành và phát minh của Nhơn loại.

Cho đến thời đại văn minh cao độ như hiện nay, giáo lý của đức Phật vẫn chứng tỏ không những không sai khác với các môn khoa học phát minh mà còn là ánh sáng soi đường, tư liệu chỉ điểm, giáo khoa chứng thực cho những phát minh khoa học. Dù cho ai cố tình chối cãi phủ nhận trí giác ngộ, tâm giải thoát của đức Phật đến đâu, lời Phật giáo hóa chúng sanh vẫn là chân lý muôn đời có hiệu năng khai thị tri kiến cho muôn loài sinh linh, thăng tiến trên đường thánh thiện an lành giác ngộ giải thoát. Tin đạo Phật, hành theo giáo lý của đạo Phật là chọn lối sống chân thật an lành tiến bộ. Nên đạo Phật là đạo từ hòa bình đẳng giác ngộ giải thoát.

Trở lại vấn đề nhân quả báo ứng, đoạn kinh trên đây đức Phật giảng nói cho chúng ta biết sự thực của quả báo thật đáng kinh sợ. Tức là quả báo sát sanh không những chỉ hiện đời bất an, tai ương hung hoạn, mà đời sau còn phải đọa ba đường ác, tiếp nối vạn triệu kiếp đền trả quả khổ. Ngài xác định, người tạo nghiệp sát sanh thật khó tránh khỏi đọa địa ngục. Kinh điển Phật giáo đạo lý bao la, nơi nào cũng thuyết minh nghiệp nhân quả báo ứng của chúng sanh trong pháp giới, nhất là nói rõ nhân quả chúng sanh trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, như tâm tham dục nặng nề là nghiệp nhân của ngạ quỷ. Tâm sân hận nặng nề là nghiệp nhân của địa ngục. Tâm ngu si nặng nề là nghiệp nhân của súc sanh. Muốn rõ nghiệp nhân quả báo, nên đọc kinh Thủ

Lăng Nghiêm và kinh Địa Tạng. Đã tạo nghiệp thì phải gánh chịu quả báo, không sai chạy may may, không thất thoát hào ly, nên nói “ăn người tám lượng, trả người nửa cân”. Kinh Phật nói: “chìm nổi trong ba đường tám nạn, vạn ức kiếp chịu quả báo thống khổ”.

Ba đường tức là chỉ ba cảnh giới: 1/- Cảnh giới địa ngục, chỗ lửa dữ thiêu đốt, bất cứ thứ gì cũng lửa dữ nung đốt. 2/- Cảnh giới ngạ quỷ, nơi dao gậy bén nhọn để cửa chặt, cắt xẻ, đâm đánh. 3/- Cảnh giới súc sanh ăn tươi nuốt sống câu xé lẫn nhau, loạn luân vô đạo. Trong mười cảnh giới thường gọi là Thập chúng sanh thì, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, người, Trời gọi chung là lục phàm, và tứ Thánh là chỉ Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật gọi chung là Thập pháp giới, còn có tên là Thập chúng sanh, Thập đạo. đặc biệt ba đường ác thì vô lượng khổ não, Phật khuyên chúng sanh cần trọng giữ thân miệng ý, nên tranh thủ thời gian tu tập đừng để nhân không lường qua, thì mới mong tránh xa được ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Tám nạn: 1/- Địa ngục; 2/- Ngạ quỷ; 3/- Súc sanh; 4/- Mù, điếc câm; 5/- Thông bác thể pháp; 6/- Sanh trước Phật; 7/- Sanh sau Phật; 8/- Sanh cõi trời trường thọ. Chúng sanh rơi vào một trong tám nạn này thì khó thấy được Phật, được nghe chánh pháp, nó là chướng ngại trên đường tu hành đạt thành chánh quả. Nên bài kệ khai kinh nói: “Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”.

Kinh Phạm Võng Phật dạy: “Một đời tạo nghiệp ác, vạn kiếp khó trả xong”. Trong ý nghĩa này, kinh đây nói “chưa lúc nào dứt làm thân thống khổ, ăn cỏ uống nước mương rạch”. Vậy thì phải nên “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chớ tạo ác nghiệp mới”. Chớ để một đời luống qua, khi mất thân người thì muôn kiếp khó được lại thân người. Chỉ thân người mới hy vọng gặp Phật và chỉ hoàn cảnh kiếp người mới dễ tu để chứng.

CHÁNH VĂN:

Loài súc sanh cầm thú hiện nay trong đời, đều do tạo nhân đời trước, khi làm người thì vô đạo bạo ngược, ám hại tổn thương sanh mạng, không tin nhân quả, do vậy mà ngày nay phải cái quả báo như thế. Đời đời làm việc oán thù thì phải bồi thường cho nhau, đồng tánh linh mà mang thân khác biệt, tội sâu như vậy đó.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây đức Phật kết luận: Hiện đời nay làm loài súc sanh là do đời trước không tin nhân quả đã gây nghiệp sát, nên nay phải chịu quả báo mang lông đội sừng.

“Loài súc sanh cầm thú hiện nay trong đời”, câu này đức Phật nêu ra để chỉ bày cho chúng ta biết loài thú vật hiện nay là do nguyên nhân nào mà chúng ta phải làm thân súc sanh mang lông đội sừng khổ sở như vậy?

Đây là do đời trước hoặc nhiều đời trước “khi làm người, chúng vô đạo bạo ngược ám hại tổn thương sanh mạng”, do lòng tà ác nham hiểm không tin lời dạy của thánh hiền, không tin nhân quả báo ứng, không tin luân hồi tội phước, nên tự ý buông tình tạo thành vô số tội ác mà nay phải chịu quả báo khổ.

“Đời đời làm việc oán thù phải bồi thường cho nhau”. Câu kinh này, đức Phật nêu chân tướng của chúng sanh gây tạo oán thù sát hại, đời đời liên lụy đền trả cho nhau, Phật Đà với ngũ nhãn viên mãn quán chiếu thập phương pháp giới suốt biết cội nguồn vũ trụ Nhơn sanh, dùng chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, tuệ nhãn thấu suốt cội nguồn muôn loài vạn pháp, thuyết minh sự tương quan giữa người và người, giữa người và vật, giữa người và Bồ Tát thánh hiền bản tánh vốn bình đẳng không hai. Tai hại của tình ái tham nhiễm thân sơ gia đình quyến thuộc, oan báo giữa cá nhân và muôn loài, thiện duyên giữa thánh hiền tiên Phật và chúng sanh, Ngài thuyết minh căn nguyên cội nguồn nhân quả rành rõ đã được tập thành hệ thống trong kinh điển. Kinh Pháp Hoa Phật nói: “Ta vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời, để khai thị chúng sanh thể nhập tri kiến Phật”. Như vậy, tri kiến Phật đã sẵn có trong tâm tánh của chúng sanh, nhưng chúng sanh mê muội không biết khai triển sử dụng mà lại ăn ở trái đạo để phải rơi vào kiếp trầm luân đau khổ. Kinh Pháp Bảo Đàn ghi rằng: Lục Tổ Huệ Năng khi nghe Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn giảng kinh Kim Cang liền đạt ngộ chân tánh thốt lên: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Sau khi đạt đạo, liễu ngộ chân tâm, Tổ Huệ Năng nhân định: “hai pháp không phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp không hai”. Tâm Phật, tâm chúng sanh vốn thanh tịnh đồng thể tánh sáng suốt giải thoát. Như chuyện đũa cùng tử trong kinh Pháp Hoa: “Ông Trưởng giả và đứa con của ông vốn cùng chung sống ở trong lâu đài nguy nga giàu sang cao quý. Nhưng vào một ngày nọ đứa con lại nghe theo lời dụ dỗ bỏ ông đi theo nhập bọn với bạn ác, sau đó phải chịu cảnh lang thang đói khổ của kẻ cùng tử”. Chúng sanh với Phật nào có khác kẻ cùng tử với ông Trưởng giả kia? Bỏ cảnh giới thanh tịnh giác ngộ giải thoát để dong ruổi theo dục tình của trần gian để phải chịu kiếp đọa đày? Nào có khác đứa bé được mẹ buộc viên ngọc quý trong ché áo mà không biết tháo ra dùng, lại cam phận làm kẻ cùng tử lang thang đầu đường xó chợ cam chịu làm kiếp ăn mày. Phật có khác nào mẹ hiền thương con. Giáo pháp của Phật có khác nào viên ngọc quý có khả năng hiển lộ Phật tánh của chúng sanh, làm cho chúng sanh không còn mờ mịt lang thang đói khát. Chúng sanh nào khác đứa bé cùng tử ăn mày tự mang trong người viên ngọc trong ché áo. Đáng tội nghiệp cho kiếp chúng sanh khổ lụy vì si mê!

Người đời không hiểu ý nghĩa “vạn pháp nhất chơn, không tướng bất nhị” ta và chúng sanh tương duyên sanh, tương nghiệp quả thành, nên cứ thấy mình khác với người, mình phải hơn người, phải trên người, phải thắng người, bằng không là mình

thiệt thòi thua kém. Do tâm trạng phân biệt mê chấp, nên sợ của cải danh vị tổn thất mà ôm lòng lo nghĩ ưu tư bất an. Nếu biết tu tập theo Phật pháp, thường nghe giảng kinh chuyên tâm thực hành từ đó hiểu nhân quả báo ứng ba đời, thì sẽ được tỉnh ngộ không phải dong ruổi lo âu oán trách. Không biết tỉnh ngộ để dừng chun dong ruổi mà tu tâm sửa tánh làm lành chánh tín, thì cho dù có chiếm được của tiền nhiều cho mấy rồi cũng phải tiêu tan, tài tán mạng nguy. Thiếu phước đức thì tiền của danh vị sẽ không bỏ ta thì ta cũng sẽ bỏ tiền của. Thiếu tâm đức thì dù có tài hoa đến đâu cũng không làm ích lợi gì, và tài hoa sẽ không lâu trở nên vô dụng. Nhưng phước đức và nghiệp duyên nhân quả như định không bỏ ta và ta cũng không thể nào bỏ phước đức nghiệp duyên nhân quả được. Một khi nhân duyên hội tụ, nghiệp quả thuận thực rồi thì không thể nào chối từ tránh né trốn chạy được. Kinh Phật dạy: “Tất cả chúng sanh đã tạo nghiệp, dù cho trải trăm kiếp cũng chẳng mất; một khi nhân duyên hòa hợp, thì theo đó mà chịu quả báo”. Kinh Thuyết Như Thế Hữu nói: “Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ”. Nho gia cũng có câu: “Thiện ác rốt cùng đều có quả báo, chỉ đến chậm hay mau mà thôi”. Thế nên cổ đức tiên hiền nói: “Lưới trời lồng lộng, mây may không sót lọt”. (Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu).

Nên biết khổ vui trong ba cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), nổi trôi trong sáu đường (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, người, Trời) đều do tâm tạo. Tâm đã tạo thì không sao tránh khỏi. Không dốc tâm quyết chí hồi đầu học đạo để tạo phước đức gieo duyên Bồ đề mà còn do dự chần chờ phải đợi đến bao giờ? Cổ đức tiên hiền đã cảnh giác chúng ta: “Thân người khó được nay đã được. Phật pháp khó được nay đã được. Phật pháp khó gặp nay đã gặp. Chân Tăng tuy hiếm nhưng dễ tìm”. Tam Bảo là ruộng phước, là con đường giác ngộ giải thoát, ta chịu gieo giống, chịu cất bước lên đường thì chắc chắn được phước quả an lành trong ánh sáng giác ngộ. Lục Tổ Huệ Năng nói: “Tất cả ruộng phước đã gieo trồng, được kết quả tốt như lòng ước mong không rời gang tấc”. Phật dạy: “Kiết hung họa phước, đều do tâm tạo”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nếu ai muốn biết rõ ba đời các đức Phật từ đâu mà thành Phật, thì nên quán thật tánh của tất cả các pháp trong vũ trụ thấy đều do tâm tạo”. Kinh Phật dạy: “Tội phước hai đường, khổ vui hai quả”, đều là do ba nghiệp thân miệng ý tạo nên, tâm thức cảm triện. Nên biết niệm sân hận, tà dâm là nghiệp địa ngục; thọ trì Ngũ giới là nghiệp làm người; chuyên tu Thập thiện là nghiệp làm trời; tu pháp Tứ đế chứng ngộ nhơn không là nghiệp Thanh Văn; quán tu Thập nhị nhân duyên, biết tánh các pháp do duyên sanh duyên diệt, chứng ngộ pháp không là nghiệp Duyên giác; tu pháp Lục độ trường trai là nghiệp Bồ Tát; chân trực từ bi bình đẳng là nghiệp của Phật quả. Tâm thanh tịnh thì được sanh vào cảnh giới thanh tịnh đài thơm cây báu thất bảo tạo thành; tâm ô trược phiền não thì sanh vào cõi nước như bản bùn đất sinh lây núi đèo hầm hố. Tất cả cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh hay ô trược bất an đều do khởi niệm tội sơ đưa đến nghiệp dẫn duyên thành, để phải lìa xa uyên nguyên tâm thể quang minh chiếu diệu. Cảnh giới và chúng sanh lành dữ tốt xấu đều do nghiệp duyên tâm thức chiêu cảm hình thành, chứ không phải trời đất, thần linh thượng đế nào tạo cả. Thần linh, thượng đế đất trời cũng do tâm thức

chúng sanh tạo nên. Nên Phật pháp nói: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Một khi nhận rức rõ đạo lý nhân quả báo ứng mật thiết tương quan xuyên suốt ba đời, chúng ta nên tự chủ tâm ta, định hướng thuyên đời ta, dù sống trong hoàn cảnh nào cũng nên ra sức chống chèo nhần nhục khắc phục cảnh chướng duyên, miệng nở nụ cười hỉ xả với cõi lòng rộng mở bao dung, rửa sạch phàm tâm tục lụy, đoạn diệt ý niệm phân biệt thì sẽ thoát ly được quả báo thảm khổ đời đời ân oán, hình phạt vay trả đền bù.

“Đồng tánh linh mà mang thân hình khác biệt”. Nhà Phật thường nói tánh linh hay thần thức là chỉ cho phần tinh thần của người trần tục. Nếu là người có tu hành, khi chết xả bỏ thân tứ đại giả tạm ô uế về với cát bụi thì phần tinh thần còn gọi là giác linh. Người đời thường gọi là linh hồn, thần hồn, thần thức. Đặc biệt Khổng Tử gọi là du hồn, điều này cũng có lý. Bởi vì con người sau khi chết, rời bỏ thân xác thì chuyển qua đời sống thân trung ấm sống bằng thần thức, không khác gì sống trong cõi mộng, hoàn toàn ảnh hưởng bởi năng lực nghiệp thức dẫn dắt chuyển hành khắp nơi không ngừng, cho đến khi nhân duyên hội ngộ, quả báo hiện hành, mới tùy theo nghiệp nhân thiện ác đã tạo mà chuyển sanh thân sau, để rồi lại luân lưu trong sáu cõi luân hồi. Kinh nói đồng tánh linh mà mang thân hình khác biệt, ý nói đồng là một con người một tâm thức, nhưng do tạo nghiệp nhân thiện hoặc ác mà theo đó thọ lấy quả báo khác nhau mang các thân hình người hoặc trời hay các loài súc sanh, ngạ quỷ v.v... Chẳng khác nào cùng một khối vàng, nhưng khi nung tạo thành nữ trang thì lại mang hình thức và tên khác nhau như bông tai, cà rá, giây chuyền, kiềng, vòng v.v... Kinh Phật nói theo nghiệp nhân đã tạo do đó nghiệp lực dẫn dắt thọ chịu nghiệp quả qua các hình thức khác biệt. Khổng Tử khi đề cập đến phần tinh thần của con người, Ngài nói: “Tinh khí vi vật, du hồn vi biến”. Tinh khí kết hợp làm thân, thần hồn du hành biến chuyển không ngừng.

Từ trước đến nay, đức Phật giảng nói cho A-Nan rõ tội ác về sát sanh và kiếp kiếp thọ nhận quả báo cực hình như thế nào rồi. Từ giới sát sanh, đây có thể suy ra quả báo của các giới khác, chúng ta nên biết để tự cảnh tỉnh mình ngõ hầu ngăn ngừa chằm dứt ác nghiệp, tránh thảm họa oan oan tương báo. Tiếp sau đây, đức Phật khuyên nên tu thiện.

Đoạn ba: Bốn phận thầy trò.

1.- *Thầy trò mỗi người đều có bốn phận.*

CHÁNH VĂN:

A-Nan lại bạch Phật rằng: “Người thường thế gian hoặc là đệ tử có ý ác đối với bậc thầy hay với người đạo đức thì tội đó như thế nào?”

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây tôn giả A-Nan nêu rõ vấn đề để hỏi đức Phật về tội trạng của người thường và người đệ tử có ác ý đối với bậc thầy hay với người đạo đức để hầu mong được Phật giảng giải cho tôn giả mà cũng là cho tất cả chúng ta đều cùng thấu hiểu. Nói cách khác, tôn giả nêu ra hai vấn đề: 1/- Người thường ở đời cũng như người có theo học đối với người đạo đức hoặc bậc thầy thì phải có bốn phạm tôn kính. Không có lòng kính trọng bậc sư trưởng hay người đạo đức tức là mặc nhiên nuôi dưỡng tăng trưởng lòng ngã mạn, ngã ái, ngã chấp. 2/- Không có tâm kính trọng thầy và người đạo đức là phạm tội thiếu bốn phạm và tội ác ý. Trong kinh Hiền Ngu và kinh Báo Ân Phật có kể câu chuyện quả báo do lòng bất kính như thế này: “Trong thời quá khứ thuở đức Phật Ca Diếp ra đời hóa độ chúng sanh, có vị Tỳ kheo trẻ tuổi ý mình tụng kinh tiếng tăm giọng điệu hay, nên một bữa nọ nói lên khinh vị Tỳ kheo già tụng kinh tiếng ồ ề như chó sủa. Vị Tỳ kheo già biết được tâm khinh mạn, nên khởi lòng từ bi nói với Tỳ kheo trẻ kia rằng: Ngươi khinh ta, nhưng ngươi có biết ta chúng quả A la hán rồi không? Nên đi sám hối gấp để tránh mắc quả báo thảm ác. Vị Tỳ kheo trẻ nghe khuyên như vậy thất kinh, liền đi sám hối, nhờ đó mà khỏi đọa địa ngục, nhưng phải mắc quả báo súc sanh làm 500 kiếp chó và kiếp cuối cùng sanh vào nhà người lái buôn làm thân con chó trắng, được người lái buôn rất mực thương mến săn sóc nuôi nấng. Một hôm người lái buôn cùng các đồng bạn đi buôn xa có dẫn chó theo. Giữa đường mọi người ăn uống ngủ nghỉ. Chó thừa cơ hội chủ ngủ say, lén ăn hết các thức ăn ngon của chủ. Khi người lái buôn thức dậy thấy các thức ăn ngon đã bị chó ăn hết sạch, tức giận chặt bốn chun chó quăng xuống hồ rồi bỏ đi. Chó đau đớn quần quai kêu la thảm thiết. Tôn giả Xá Lợi Phất dùng huệ nhãn thấy cảnh thương tâm như vậy động lòng từ bi đem bát cơm đến cho chó ăn, chó vui mừng được nghe tôn giả an ủi thuyết pháp khởi tâm hối hận, mấy ngày sau chó mạng chung, thoát kiếp được sanh vào làm con trai của người Bà la môn ở nước Xá Vệ được đặt tên là Quân Đề. Một ngày nọ, tôn giả Xá Lợi Phất đi khát thực ngang qua nhà người Bà la môn, cậu bé Quân Đề bấy giờ được bảy tuổi vừa thấy tôn giả liền khởi lòng mến mộ vô cùng, khẩn cầu xin cha cho được theo tôn giả xuất gia, người Bà la môn ép bụng chiều con mà bằng lòng. Cậu được tôn giả Xá Lợi Phất xuống tóc cho xuất gia thọ giới Sa di để hầu trọn đời bậc ân sư đã tiếp độ mình chứ không thọ đại giới Tỳ kheo. Sa di Quân Đề hết lòng hầu hạ phụng sự Sư phụ và tinh tấn tu hành”.

Nhờ đời trước tạo nhân xuất gia tinh tấn tu hành thanh tịnh mà đời này Quân Đề có thiện duyên được gặp đức Phật Thích Ca ra đời, tôn giả Xá Lợi Phất độ cho xuất gia, và giờ đây chuyên tâm tu hành nên chứng thành đạo quả A la hán. Nho gia nói: Quân tử vụ bốn, bốn lập nhi đạo sanh”. Nghĩa là làm người biết bốn phạm, phải hết tâm chí với bốn phạm, thì gần với đạo vậy. Người ở trong đời dù là học trò, người thường hay người có chức phận đều phải biết bốn phạm nhiệm vụ của mình. Biết ý thức bốn phạm nhiệm vụ là biết hiếu thảo cha mẹ, thuận hòa anh em, tôn kính sư trưởng, quý trọng người hiền đức, yêu thương làng nước, chúng súc cùng lòng sống chết với bà con dân tộc, như thế là bậc quân tử ở đời. Đạo Phật dạy từ bi, trí tuệ, hùng lực, nhẫn nhục, tinh tiến, hiếu thuận là những điều căn bản để thực tế xây dựng nền móng vững chắc cho

cuộc sống ý thức trách nhiệm, bổn phận, nhiệm vụ để vẹn toàn nhơn cách, rồi từ đó tiến xa trên con đường thánh thiện ngõ hầu viên mãn Phật cách. Có hoàn thành bổn phận nhiệm vụ của nhơn cách “kính đức, trọng đạo, bao dung” thì mới mong đạt thành Phật cách “tinh dữ vô tình đồng viên chung trí”, tức là đạt đến cảnh giới vật ngã như như, thiên đại vạn vật nhất thể. Có vẹn toàn nhơn cách, thì nhơn cách và Phật cách đề huề, năng lễ sở lễ tánh không tịch, như thế mới đích thực đạt cảnh giới Phật, chúng sanh đồng một thể tánh.

Bốn vị Bồ Tát tiêu biểu cho tinh thần Đại thừa Phật giáo: 1/- Địa Tạng Bồ Tát thể hiện tinh thần nhẫn nhục bao dung hiếu đạo, hàng tàng sanh dưỡng vạn vật. Hiếu là nguồn gốc của muôn hạnh lành. Đại địa bao dung hàm chứa bằng vô tâm cùng đức tánh năng sanh. 2/- Quán Âm Bồ Tát thể hiện tinh thần đại từ đại bi bình đẳng, không phân biệt thân sơ, nhơn ngã người vật. 3/- Văn Thù Bồ Tát tiêu biểu cho trí huệ minh triết, đoạn diệt vô minh, cắt đứt dứt sạch ràng buộc phạm tình ái nhiễm, thể hiện đức tánh tinh tấn giải thoát. 4/- Phổ Hiền Bồ Tát thể hiện tinh thần bình đẳng tận hư không pháp giới, hạnh chân thật tùy duyên năng độ, hằng thuận chúng sanh vô ngại như ánh trăng rằm trải dài lên vạn vật. Bốn vị Bồ Tát đã trải qua vô lượng kiếp tinh tấn nhẫn nhục từ bi hỷ xả hằng thuận phục vụ chúng sanh, tôn kính sư trưởng, quý trọng đạo pháp, quán chiếu tâm thức, tận diệt ác niệm, chuyên tu giới định huệ, do cái nhân đời đời thăng hoa nhơn cách, tích lũy công đức mà thể đạt được cái quả là Bồ Tát, tức là hoàn thành nhơn cách trọn vẹn.

CHÁNH VĂN:

Phật dạy A-Nan: Phạm làm người nên quý mến người thiện, không nên đố kỵ. Hễ ai có ý ác đối với người đạo đức, bậc sư trưởng tốt thì chẳng khác gì có ác ý đối với chư Phật.

LỜI GIẢI:

Đức Phật giảng cho tôn giả A-Nan, ở đời nên quý mến người thiện. Thấy người làm thiện nên tùy hỷ vui mừng khuyến khích học theo. Tùy hỷ vui mừng khuyến khích điều thiện là nguyện thứ năm “ngũ giả tùy hỷ công đức” một trong mười đại nguyện của đức Bồ Tát Phổ Hiền. Người nào mà thấy người khác làm việc thiện, việc công đức đã không sanh tâm tùy hỷ khuyến khích khen ngợi, lại còn dèm pha đố kỵ, làm cho người thối thất đạo tâm bỏ thí, cúng dường, giúp đỡ, làm thiện, vị tha là xem như phá hoại tâm Bồ đề của mình và người, như thế chẳng khác ác ý với chư Phật, vô tình tự hủy hại Phật tánh của chính mình. Theo tinh thần Tịnh độ tông thì người thiếu tâm tùy hỷ công đức sẽ ảnh hưởng đến hoa sen là cha mẹ của người đó trên cảnh giới Cực Lạc cũng theo đó héo tóp dần.

Bậc sư trưởng (trừ ngụy tăng, tà sư) khai đạo dẫn đường hoằng dương Phật pháp làm không biết bao công đức lành. Tâm hạnh của sư trưởng là tâm hạnh Phật. Hành nghi của sư trưởng là hành nghi của Bồ Tát, người nào đem ác ý tà tâm chê bai hủy báng là dựng cờ ngã mạn ngã si, xây tường bất kính Tam Bảo. Đối với người hiền đức được người đời kính trọng tin tưởng, mình đã không có lòng quý mến gần gũi để học hỏi, lại sanh lòng đố kỵ dèm pha, thị phi xuyên tạc tại cho người khác cũng sanh lòng nghi kỵ, thì tội ác cũng đồng như mắng nhiếc thánh hiền. Vì sao? Vì rằng người hiền đức tạo các nhân thánh hiền và làm gương mẫu khuyến hóa người đời ăn hiền ở lành để hiện đời được thánh hiền che chở, đời sau được làm thánh hiền.

Như vậy, bậc sư trưởng đạo hạnh là hình bóng của Phật, Bồ Tát. Người hiền đức là hình bóng của thánh hiền. Đạo hạnh hiền đức có năng lực an định xã hội, thanh bình quốc gia, người người lợi lạc. Đạo hạnh hiền đức là sức sống của niềm tin, là cây cổ thụ che mát cuộc đời, là nơi nương tựa tinh thần cho đời sống nhơn loại tiến bộ hạnh phúc. Thế nên Phật nói: “Ác ý với bậc sư trưởng đạo hạnh, ác ý với người hiền đức tức là ác ý với Phật”. Ác ý với Phật phải mắc tội ngũ nghịch, nhận lấy quả báo đạo vào địa ngục vô gián, thường gọi là địa ngục A tỳ kiếp thống khổ, khó hy vọng thoát ly.

CHÁNH VĂN:

Thà lấy cây cung vạm thạch tự bắn vào mình chớ không thể ác ý đối với bậc sư trưởng tốt và người đạo đức. Phật hỏi: “Này A-Nan, tự bắn vào thân mình có đau không?” A-Nan thưa: “Bạch đức Thế Tôn, đau lắm, đau lắm”. Đức Phật nói: “Cũng như vậy đó, người ôm giữ ác ý đối với người đạo đức, bậc sư trưởng tốt, là tạo thảm kịch đớn đau như tên bắn vào thân”.

LỜI GIẢI:

Một thạch nặng bằng 120 cân. Vạm thạch là ý nói sức to nặng vô cùng. Cung vạm thạch là một loại khí giới lợi hại thời cổ xưa, một lần có thể bắn được nhiều mũi tên và đi rất xa hơn cung thường.

Bậc thầy tốt là bậc thầy có tài đức, trí thức và đạo hạnh vẹn toàn. Người đạo đức là người có tu tâm dưỡng tánh, tâm nghĩ điều lành thiện lợi tha, lời nói hiền hòa chân thật, làm việc nghĩa giúp đời giúp đạo. Đức Phật bảo ngài A-Nan, kẻ có tà tâm ác ý xuyên tạc thị phi khinh chê bậc sư trưởng tốt, người lành thiện là tự tạo cái nhân đau khổ. Cung vạm thạch bắn vào thân làm cho thân tan nát đớn đau không sao tả hết, thì cũng như thế đó, ác ý đối với bậc sư trưởng tốt, người đạo đức, thì ác ý biến thành mũi tên độc bắn vào tâm làm cho tâm Bồ đề tan nát, đọa lạc trong ba đường ác thống khổ vô lượng kiếp. Cái đau nhức của thân thể chỉ một đời. Cái thân thịt xương máu mủ bất tịnh này do tinh cha huyết mẹ đất nước gió lửa hợp lại mà thành, chậm mau trước sau gì rồi cũng phải chết, phải tan rã. Nhưng cái tâm Bồ đề là tâm trí huệ giác ngộ giải thoát,

nó sống mãi mãi trong tinh thần, là tánh linh của mỗi chúng sanh. Tâm Bồ đề chưa được hiển hiện trọn vẹn như Phật Bồ Tát là vì bầu trời tánh linh còn nhiều vô minh chưa thanh tịnh. Cũng như bản tánh của mặt trời là sáng ám chiếu khắp muôn loài mãi mãi tồn tại, nhưng trần gian lại u tối là vì mây mù che lấp. Bản tánh của mây thì khi tan khi hợp, mây tan thì mặt trời xuất hiện chiếu sáng. Kẻ ác ý đối với bậc sư trưởng tổ, người đạo đức là tự hủy nát tâm Bồ đề, tự chuốc lấy quả báo ác.

CHÁNH VĂN:

Phật dạy làm người đệ tử không nên khinh mạn đối với bậc thầy, không nên ác ý đối với người đạo đức, phải xem các bậc thầy như Phật, không nên khinh mạn đồ kỵ, thấy họ làm việc lành thiện nên khởi tâm tùy hỷ công đức. Người có giới đức thì cảm động đến các trời, thiên long, quỷ thần đều kính trọng. Phật dạy, thà đem thân quăng vào lửa, dùng dao bén cắt thịt mình, cẩn thận chớ đồ kỵ với bậc thiện nhân. Đồ kỵ với người lành thiện thì tội không phải nhỏ, nên phải cẩn thận cẩn thận lắm vậy, hỡi các người ơi!

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây đức Phật khuyên dạy hàng đệ tử rằng, người có tâm hạnh lành thì cảm động đến trời đất quỷ thần, thế nên phải kính trọng quý mến chớ nên sanh tâm đồ kỵ. Ở đây đức Phật đặc biệt chỉ rõ bổn phận người đệ tử tuyệt đối không được khinh mạn với bậc thầy và không được ác ý đối với người đạo đức. Chẳng những tuyệt đối không nên khinh mạn ác ý mà còn phải đem lòng kính trọng các vị như Phật Bồ Tát. Thấy các vị làm việc lành thiện nên học theo hạnh Bồ Tát Phổ Hiền mà khởi tâm tùy hỷ công đức, tận tâm tận lực giúp đỡ tán trợ để cho việc thiện được mau chóng thành tựu tốt đẹp. Như thế tức là thân kính trọng, miệng khen ngợi, ý vui mừng, dung phẩm vật cúng dường, được như thế mới là tròn đầy hạnh tùy hỷ công đức. Thì như công dụng của chiếc đồng hồ là chỉ giờ khắc. Tất cả bộ phận để cấu tạo thành đồng hồ đều hướng về mục đích chỉ giờ khắc mới hình thành được đồng hồ. Cũng như thế đó, chân thành đem thân miệng ý khen ngợi trợ giúp người lành thiện, công đức lành thiện thành tựu, thì người có tâm tùy hỷ công đức cùng với người tâm hạnh lành thiện, được công đức khác. Nghĩa là cùng người làm thiện, ta khích lệ khiến cho người tâm tiến thiện mỹ hóa. Như thế ta với người lành thiện công đức chan hòa không hai. Lợi lạc thù thắng như thế nào, tại sao ta không làm? Ta tụng mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền hằng ngày; ta đọc kinh sách giáo lý của Phật dạy hằng bao năm; ta lắm lần đem giáo lý khuyên giảng với bà con bạn bè, nhưng tại sao ta cứ sống theo tâm tánh phàm phu ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái? Ăn chay tụng kinh, tu thiền niệm Phật, luận giảng giáo lý cao siêu để thỏa óc hiếu kỳ thì có lợi ích gì cho sự tìm hiểu Phật lý? Nếu thâm ý nhằm để cho người ta thấy mình là thông bác học rộng hiểu nhiều thì không phải là tâm nguyện của Phật ra đời hoằng pháp lợi sanh, lại cũng không phải là phương pháp phát triển đạo hạnh khai triển Phật tánh của đạo Phật. Đạo hạnh không phát triển, tất nhiên

Phật tánh không thể hiển bày, thì làm sao thăng hoa thánh thiện, tiến đến quả vị giác ngộ giải thoát?

Đức Phật lại nói: Người trì giới thanh tịnh, thì tự nhiên đức hạnh cảm động đến các trời thần tôn trọng. Như đời Đường Trung Hoa có ngài Tuyên luật sư chuyên trì giới luật, san định luật nghi, công đức đó đã cảm động đến con của Bát Xoa Thiên Vương hóa thân làm thị giả hầu cận hộ vệ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nếu người trì giới thanh tịnh đầy đủ thì được tất cả Như Lai khen ngợi”. Được các đức Phật khen ngợi, đương nhiên được tất cả quý thần cung kính hộ trì. Phật lại nói: “Thà tự ném thân mình vào lửa dữ mà chết, thà dùng gươm dao bén tự cắt thân mình để chết, như thế đều không gọi là khổ. Đố kỵ người hiền làm việc thiện phải gánh chịu quả báo thảm khốc lớn, đau khổ gấp bội bội phần nhiều hơn, nên phải hết sức cẩn trọng”. Muốn rõ nhân quả báo ứng, nên xem các kinh sách: Nhân Quả Nghiệp Báo, Nhân Quả Nghiệp và Luân Hồi, Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng.

CHÁNH VĂN:

A-Nan lại bạch Phật: “Người làm thầy có thể tùy ý la mắng đệ tử không cần theo đạo lý, nhân lỗi nhỏ làm thành to, như thế có thể không tội lỗi chăng?” Đức Phật đáp: Không thể được! Không thể được! Tình nghĩa thầy trò, ân nghĩa tương cảm tự nhiên rất là sâu đậm, sư đệ thăm hỏi tương thân tương kính như nhau.

LỜI GIẢI:

A-Nan hỏi Phật về cung cách làm thầy có thể tùy ý la rầy áp chế học trò bất cứ lúc nào mà không cần y theo đạo lý chánh đáng, hoặc học trò phạm lỗi nhỏ lại cố ý làm thành to, vị thầy như vậy có phải tội không? Đức Phật đáp: Không thể như vậy được! Người làm thầy không thể vô lý tùy ý la rầy quở phạt học trò. Lại cũng không được đem lỗi nhỏ của học trò làm cho to chuyện. Cái nghĩa thầy trò, cái tình sư đệ tương thân tương kính, ân đức tình nghĩa hợp với tánh đức tự nhiên, như tình cha mẹ với con cái. Ân tình phụ mẫu cốt nhục cho cái thân, ân tình sư đệ giáo huấn cho cái trí. Thân nhờ trí mà phát triển nhơn cách làm nên thánh hiền. Trí nhờ thân hoạt dụng để đạt đến mục đích. Thân trí tương đồng hỗ trợ. Phụ tử sư đệ tương đồng tương nhớ viếng thăm. Đệ tử kính thương thầy như cha mẹ. Thầy thương dạy đệ tử như con cái. Thầy đem hết hiểu biết kinh nghiệm một đời truyền dạy đệ tử. Đệ tử đem hết tâm thành kính trọng lãnh thọ nơi thầy. Thầy phải có tâm niệm mong cho học trò hơn thầy thì tông môn mới phổ chiếu huy hoàng, nhơn gian mới được an cư lạc nghiệp. Cha mẹ phải nuôi dưỡng cái tâm hy vọng con cái hơn mình thì gia đình mới hạnh phúc, xã hội mới tiến bộ.

CHÁNH VĂN:

Trách phải hợp lý, dạy phải hợp đạo, điều gì không muốn ai làm cho mình thì chớ nên làm cho người khác, tôn giữ rộng truyền lễ nghĩa giới pháp, chớ tạo oán hờn kiện tụng.

LỜI GIẢI:

Ở đây đức Phật giảng dạy về bốn phạm làm thầy phải giáo dục học trò chánh đạo quy cũ, chớ để học trò ôm lòng oán hận. Nếu học trò có lỗi lầm mà bắt buộc dĩ phải cần đến sự rầy phạt mới sửa dạy được thì thầy có thể rầy phạt, nhưng phải chân tình chan chứa tình thương, tâm ái hộ thương xót muốn học trò nên, vì không cách nào khác, với mục đích cảnh cáo cải thiện học trò để về sau không còn tái phạm thì mới rầy phạt. Tuyệt đối không nên trách phạt học trò với lòng căm tức sân hận, do vậy Phật nói: “Trách phạt hợp lý dạy phải hợp đạo”. Con người khác thú vật nhờ có tri thức, hơn thú vật chính là đặc điểm biết đạo lý. Lý là chân lý, tánh lý, lý tự nhiên là đại đạo mà thánh hiền cổ kim đều tôn thuận. Đạo xử thế của Nho gia là tam cương ngũ thường tứ đức. Đạo xuất thế của nhà Phật là Ngũ giới, Thập thiện, Tam vô lậu học, Tứ vô lượng tâm, Lục độ, minh tâm kiến tánh, bất nhị pháp môn tất cả đều là giáo nghĩa của đại đạo. Người có năng lực thể hiện trọn vẹn tinh thần đại đạo là tạo cho mình tất cả khoa kỹ phát minh tiến bộ, đem phước lợi hạnh phúc cho đời. Khi nào con người biết áp dụng những điều của đại đạo thì lúc đó nhơn gian giảm thiểu đi nhiều tiếng kêu than trầm thống do con người tạo ra. Do đó con người cần phải được giáo dục theo tinh thần đại đạo của Phật pháp, nhơn loại cần phải được hướng dẫn theo tinh thần lợi tha xả kỷ để trở thành người lương thiện, lưu tâm làm việc thiện, thì kết quả tự nhiên cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia nhơn loại thanh bình hạnh phúc. Được vậy, tuy sống ở trần gian mà thanh bình an vui như cõi Cực lạc.

“Điều gì không muốn ai làm cho mình thì chớ nên làm cho người khác. Tôn giữ rộng truyền lễ nghĩa giới pháp, chớ tạo oán hờn kiện tụng”. Nho gia chú trọng lễ nghĩa. Phật giáo chú trọng giới luật. Lễ nghĩa và giới pháp là triết học thực hành, là thiện quả tất yếu của sự hưởng thọ hạnh phúc chân thiện mỹ hóa nhơn loại mà các thánh triết tiên hiền Phật Bồ Tát đều tận lực nhất chí tôn trọng duy trì hoằng dương. Một xã hội tiến bộ là xã hội đạo đức. Một xã hội văn minh hạnh phúc là xã hội biết tôn giữ lễ nghĩa luật pháp. Thượng tôn lễ nghĩa luật pháp làm căn bản giáo dục, thì con người phát triển lương tâm đạo đức, thì gia đình hòa thuận, xã hội an bình, quốc gia tiến bộ.

Thiền môn quy củ của Phật giáo, người nhập đạo phải biết công quả gánh nước, tưới cây, hầu thầy, học thuộc kinh, luật. Năm năm căn bản chuyên học giới luật, sau đó mới đem tâm học tập kinh điển, niệm Phật tham thiền (Ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu phương nãi thính giáo tham thiền). Hành giả của đạo Phật do truyền thống giáo dục căn bản thâm hậu vững chắc như vậy, nên được cơ duyên vun bồi phước đức, tâm thức hành nghi ung đức đạo đức thâm sâu, tâm hạnh thuần thực, cung cách oai nghi tỏa rạng đạo phong, khiến cho người đời một khi trông thấy là cảm nơi lòng một

nguồn an lành mát dịu, tự nhiên khởi tâm kính mộ, học đạo Bồ đề. Do phương thức giáo dục quy củ, thời gian và giới luật đủ để huân tập thâm hậu thấm nhuần, nên ân tình sư đệ, ân nghĩa giáo dưỡng chân thành miên viễn, thân giáo cảm hóa như sanh, khẩu giáo khai trí người lành, ý giáo truyền đăng tục huệ đem lại Phật nhật quang huy cho tông môn, pháp luân thường chuyển lợi lạc như quần xã hội.

Ngày nay hoàn cảnh đổi thay, người hành đạo phần nhiều không được thấm nhuần giáo dục căn bản lễ nghĩa giới luật, giáo pháp chưa nhập tâm, oai nghi chưa thấm nhuần nên thường sanh tâm hoạn tưởng không cần nương tựa sư trưởng học tập, không cần hời gian hành đạo, không tuân theo luật nghi quy củ thiên môn thọ giới từ thấp lên cao, nên đã phạm vào cái lầm lỗi thảng trước vào chùa, thảng sau làm thầy, nay đến nhà này, mai đến nhà khác, lang bang khắp chốn, vọng ngữ tự tôn, khoa trương mình là đệ tử ngài này, có bằng cấp nọ, thầy của vị kia, quen biết ông lớn để mong cầu lợi dưỡng. Thậm chí còn đang taam phạm thượng giảng nói thị phi bài xích chê trách các bậc thầy tiền bối. Khiến cho kẻ sơ tâm mới tìm học đạo ngại ngùng, niềm tin Phật tử bị lung lạc, kẻ ngoại đạo nhân đây xuyên tạc Phật pháp. Do thiếu tiếp nhận căn bản giáo dục chưa thấm nhuần giáo lý, thiếu thời gian hành đạo cần thiết khi phát tâm nhập đạo xuất gia, do vậy không tạo cho mình được cái đạo phong, không đủ ý thức về nhân quả, nghiệp báo, nên người phụng sự Phật thường biến thành “sư tử trùng thực sư tử nhục” trong Phật pháp.

Người có tiếp nhận thiên môn quy củ, tất được giáo dục đạo đức căn bản, hành trì nghiêm chỉnh lễ luật thì tâm an lý đắc, oán hận tiêu trừ, sư đệ thân kính, như ngã hài hòa, ấy là thể nhập tánh lý đại đạo.

CHÁNH VĂN:

Đệ tử cũng như vậy, sư đệ ân nghĩa chân thành, thầy phải tròn bổn phận thầy, đệ tử phải tròn bổn phận đệ tử, chớ bài báng nhau, ôm lòng ác độc tạo nên oán hận, việc nhỏ xé thành to, hậu quả tự thiêu hủy mình.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây Phật khuyên cáo chúng sanh hãy nên tôn trọng giữ lấy tình thầy trò, phải thực hành tròn đầy bổn phận tương thân tương kính không nên đôi bên hủy báng nhau.

“Đệ tử cũng như vậy” câu đây đặc biệt nhằm thuyết giảng bổn phận người đệ tử phải tuân theo lễ luật, tôn sư trọng đạo, thầy trò đôi bên ân nghĩa chân thành, làm thầy phải hết lòng lo giáo dưỡng đệ tử, làm đệ tử phải đem hết tâm dạ phụng sự thầy, ai tròn phận nấy tuyệt đối chớ gây gỗ bài báng.

“Ôm lòng ác độc tạo oán hận”. Bồn phận làm thầy phải tận tâm giáo dục học trò. Nếu học trò lỗi lầm thì nên đem lòng từ mẫn dùng ái ngữ khuyên giáo xử phạt, chớ nên ôm giữ nỗi buồn giận nơi lòng. Học trò nếu có điều bất mãn nên trình bạch với thầy để giải tỏa thỏa đáng nỗi u uất thắc mắc, không nên ác ý ôm lòng oán hận đối với bậc thầy hiền và người đạo đức.

“Việc nhỏ xé thành to”. Làm bậc thầy phải có lòng khoan dung độ lượng, thương dạy học trò, chớ nên vì học trò phạm điều lỗi lầm nhỏ lại cố ý thù dết thành to vô tình tạo oán hận giữa thầy trò xung đột, kết quả “đem lửa tự thiêu hủy mình”. Học trò cũng không nên vì bất mãn mà ác ý bới móc lỗi của thầy, không nên bịa đặt truyền rao điều thầy nhầm lẫn. Cổ nhơn nói: “Cứ xem bạn của họ thì biết được họ” cứ xem thầy thì biết trò; cứ xem trò thì biết thầy”. Lại cũng có câu: “Người ưa nói chuyện thị phi, chính họ là người thị phi”. Vương Dương Minh nói: “Cùng chung với bạn bè mà thường thấy mình không phải thì mình luôn luôn tiến bộ, như thế mới mặc nhiên cảm hóa điều không phải của bạn”. Cầu thầy học đạo trước hết phải tự thấy mình kiến thức và đạo đức yếu kém thì mới tiến bộ trên quang lộ chân thiện mỹ hóa nhơn cách.

CHÁNH VĂN:

Là người đệ tử phải biết kính thuận với bậc thầy tốt, cẩn thận chớ nên ác ý chống đối thầy. Ác ý đối với thầy không khác gì ác ý đối với Phật, Pháp, Tăng, cha mẹ, như thế thì trời không che, đất không chở.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây Phật thuyết minh tội ác của học trò bội thầy phản đạo. Cổ đức nói: Quy y Phật không đọa địa ngục; quy y Pháp không đọa ngạ quỷ; quy y Tăng không đọa súc sanh. Vì sao được như vậy? Vì Phật là bậc vô thượng y vương; Pháp là thuốc thần diệu trừ bệnh; Tăng là bậc thiện tri thức hướng đạo nhơn sanh đồng thời cũng là ruộng phước thanh tịnh, nên đối nghịch ba ngôi Tam Bảo tức là tà tâm, mà thuận hướng về Tam Bảo là chánh tín. Người muốn đắc đạo thì nên thành tâm y theo lời Phật mà sống, bằng không thì mong muội nổi trôi theo vọng tình luân tập, hụp lặn trong biển khổ trầm luân. Phật nói: “Chúng sanh không biết quy y Tam Bảo thì vĩnh kiếp đọa lạc ba đường ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”. Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng nói: “Phật là giác ngộ; Pháp là chân chánh; Tăng là thanh tịnh. Quy y bậc giác ngộ nhị tức tôn; quy y chân chánh pháp ly dục tôn; quy y thanh tịnh Tăng chúng trung tôn”. Lại nói: “Từ nay về sau xưng giác ngộ là Thầy, không sanh tà mê, thiếu dục tri túc, xa lìa tài sắc, gọi là nhị tôn túc. Tự tâm quy chánh, niệm niệm không tà kiến. Bởi do không tà kiến nên không nhơn ngã cống cao tham ái, chấp trước, gọi là ly dục tôn. Tự tâm quy y thanh tịnh, nên đối tất cả cảnh giới ái dục của trần gian không nhiễm trước gọi là chúng trung tôn. Nếu rõ ý nghĩa và y như thế tu hành thì gọi là tự quy y. đây chính là tự tánh Tam Bảo thường tự chứng minh”. Lại nói: “Kẻ phạm phu không

hiếu, suốt ngày đến đêm, thọ tam quy giới, nếu nói quy y Phật, thì Phật ở đâu? Nếu không thấy Phật thì bằng vào đâu mà quy y, như vậy là nói không thật. Các thiện tri thức mỗi người phải tự quán sát chớ dụng tâm sai lầm, kinh Phật nói rõ là quy y Phật của chính mình, chứ không nói quy y Phật nào khác ngoài tâm. Bằng không quy y Phật tự tánh thì không có chỗ sở y. Nay đã tự ngộ rồi thì các người phải quy y tự tâm Tam Bảo, trong điều phục tâm tánh, ngoài kính quý tha nhân, thế gọi là tự quy y vậy”. Qua lời giảng của Lục Tổ Huệ Năng, làm cho ta rõ ý nghĩa quy y là hồi quang phản chiếu, hồi quy bản tánh chân tâm. Từ đây khiến cho chúng ta lại càng tin thành thâm sâu lời dạy của Phật.

Thân mạng của ta nhờ cha mẹ mà có. Huệ mạng của ta nhờ sư trưởng mà được. Tâm hiếu thảo cha mẹ như thế nào, thì tâm phụng thờ sư trưởng cũng như vậy. Thân này một đời rồi trả về cát bụi. Huệ mạng muôn đời thăng tiến đến bậc thánh hiền. Thế nên cần trọng không nên ác ý đối với sư trưởng bằng như ác ý đối với Tam Bảo, cha mẹ. Ác ý bội phản sư trưởng thì quỷ thần ghét bỏ, trời đất chẳng dung. Phật giải đáp bốn phận thầy trò cho A-Nan đến đây là trọn nghĩa lý.

2.- Hành nghi của thầy trò.

CHÁNH VĂN

Quán xét người đời mạt thế, những bọn người ác bất trung bất hiếu, không có nhân nghĩa, không hợp nhân đạo.

LỜI GIẢI:

Cách sau Phật Niết bàn hai ngàn năm gọi là bước vào thời mạt thế. Mạt thế là thời kỳ thế gian vật dục phúng tụng hưng thịnh, phong hóa lễ luật pháp tắc biến thái băng hoại, hơn tâm đạo đức suy vi. Đồng thời thế gian văn hóa đồi trụy, Phật pháp biến thể hiển bày trạng thái phân hóa suy tàn, con người tâm trí gian xảo buông lung tạo nhiều tội ác.

Trong thời mạt thế, người ác đầy đủ, đại để có bốn loại: 1/- Bất trung: Quốc gia lấy dân làm gốc, lấy nguyên thủ làm tôn, lấy tận trung làm trước. Đối với quốc gia, nguyên thủ tài đức, chức vụ mình đang có mà không tận trung là đại ác. 2/- Bất hiếu: Gia đình lấy cha mẹ làm tôn, nên trước phải hiếu kính. Trong giới kinh Phật nói: Nếu có người suốt trăm năm vai phải mang cha, vai trái cõng mẹ, cha mẹ đại tiểu tiện trên thân, một lòng cung dưỡng cha mẹ đầy đủ các thức ăn ngon mặc ấm quý nhất trên đời, cũng chưa báo đền được ơn cha mẹ trong giây lát. Kinh Bồ Tát Giới nói: “Hiếu là pháp chí đạo, cũng gọi là giới”. Thế nên làm con bất hiếu cha mẹ là đại tội. Người cộng sản tự mình khinh thường hiếu nghĩa nên đầu tổ cha mẹ, lại còn giáo dưỡng tuổi trẻ, xúi xẻo người khác đầu tổ, ấy là tâm địa hùm beo lang sói, tội ác biết dường nào! Cha mẹ mà

còn đem tố khổ không chút tiếc thương thì thử hỏi trên đời này họ còn biết kính thương ai nữa? Bao sao họ trị dân không thống khổ, trị nước không đồ nát đói nghèo lạc hậu!

3/- Không nhân nghĩa: Đối với mọi người trong xã hội không nhân không nghĩa, trái ngược với luân thường đạo lý, thiếu mất nhân tánh lương tâm, tiêu hủy tình người. Nhân là từ bi đối với tất cả. Nghĩa là xử sự hợp tình hợp lý. Nếu xử sự bất nhân bất nghĩa là đại ác. Như người cộng sản đầu tổ cha mẹ, giết người như phác cỏ cây. Đây là hiện thân của quỷ Dọa Xoa La Sát.

4/- Chẳng thuận nhân đạo: Đạo Nho dạy ngũ luân thập nghĩa: Phụ từ, tử hiếu, huynh lương, đệ đễ, phu nghĩa, phụ thích, trưởng huê, ấu thuận, quân nhân, thần trung. Đạo Phật dạy ngũ giới, thập thiện đều là những phương thức thực tế xây dựng đạo làm người, là đạo lý xây dựng con người lương tri thánh thiện để thực hiện xã hội tiến bộ an lành hạnh phúc. Sách Tả Truyện nói: “Người mà bỏ cái đạo làm người thì yêu quái hưng thịnh”. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Phá căn bản giới thì tà ma yêu quỷ hưng thịnh trong đời”. Thế nên, lìa bỏ ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, và phá căn bản giới, tức là phá bỏ nhân đạo, hủy hoại nhân luân, thì xã hội hỗn loạn băng hoại, cực kỳ đại ác vậy. Trong đời mạt pháp này không ít người phạm phải bốn tội đại ác nêu trên. Trong chôn thiên môn, kẻ xuất gia bê tha giới luật, tu nhậy bậc, chẳng thọ giới trì trai, mà lại còn manh tâm sửa kinh chế luật, tham vọng quyền danh lợi dưỡng, mê chấp ngã mạn cống cao tự đại, hãm hại bậc bậc chân Tăng tôn trưởng, khinh thường hòa hợp tăng, hạnh này cũng không ít trong cửa Phật, tội ác hơn hẳn bốn hạng trên kia. Đây là hiện tượng bất hạnh của thời mạt pháp.

CHÁNH VĂN:

Các ma tà kheo ở trong tứ chúng chỉ nghĩ nhớ đến lỗi người, tự mình không dứt ác, đổ kỹ người hiền đức lương thiện, làm cho họ bị tổn hoại, chẳng nghĩ đến làm thiện, chỉ nghĩ đến việc bạo hành đổ kỹ người hiền, việc công đức tự mình đã không làm mà còn hại người khác đang làm để cho bại hoại, làm cho ý đạo tuyệt dứt không thể thực hành.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây, đức Phật giảng nói cho tôn giả A-Nan biết, vào thời mạt pháp cách Phật Niết bàn lâu xa, như thời đại chúng ta đang sống đây và về sau nữa, trong hàng xuất gia có tà kheo do ma ngụy trang làm những hành vi ngôn ngữ vô luân thất đức trái ngược giới luật để cho Phật pháp sớm băng hoại. Về việc xấu ác này, đặc biệt kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển sáu, đức Phật huyền ký rất rõ.

Khi thế đạo nhân tâm suy vi, lòng người nhiều nghi ngờ, thì hiện tượng tăng giả đối với giới luật kinh điển phần nhiều yếu kém, ham thích hình thức lợi dưỡng quyền danh, tăng đoàn thiếu thanh tịnh hòa hợp, làm cho chư thiện thần xa lánh, chính là lúc chúng tà ma nhân cơ hội xâm nhập ngụy trang làm tăng đoàn, hoặc cư sĩ hộ đạo dùng xảo thuật mưu thần chúc quỷ khiến cho người chân chất thật thà bị mê hoặc tưởng họ

làm việc Phật pháp nên tin theo. Những ma tà kheo này, nếu tự thấy mình yếu kém thì họ liên kết với kẻ lợi danh hoặc luồn cúi làm tay sai cho quan quyền hầu dựa vào đây để tạo thế lực, đồng thời ý đồ để cho người tâm đạo trí đức thức giả nghi ngờ khó phân định, sanh tâm khinh chê xa lánh các bậc tà kheo đạo hạnh chân tu, từ đó Phật pháp thiếu người hộ đạo hoằng pháp, dần dần nhân gian lu mờ đạo pháp.

Chúng ma tà kheo kết giao với chúng quỷ cư sĩ suốt ngày tâm ý nghĩ đến quyền danh, kết bè dựa thế để phá hủy các chân tà kheo đạo hạnh. Các vị chân tà kheo này tâm tâm niệm niệm hành trì giới luật, hoằng dương Phật pháp, kiến thiết đạo tràng, đào tạo nhân tài, trừ tà hiển chánh. Trong lúc đó chúng ma tà kheo thường dùng đủ thủ thuật quỷ kế phá hoại nhằm mục đích để các chân tà kheo thối tâm nguyện hoằng truyền Phật pháp lợi lạc nhơn sanh, để rồi từ đó các thức giả có tâm đạo e ngại xa lánh không còn nhiệt tình hộ pháp. Nên kinh nói: “Việc công đức tự mình không làm mà còn cố tâm phá hoại người khác đang làm để cho bại hoại, làm cho Phật pháp lu mờ, ý đạo tuyệt dứt không thể thực hành”. Lão Tử nói: “Cường lương giả, bất đắc kỳ tử”. Kẻ bá đạo cường bạo tung hoành đời nào cũng có. Theo lời Phật huyền ký thì thời mạt pháp chúng ma tà kheo ngụy làm tăng để làm băng hoại sự hòa hợp thanh tịnh của Tăng đoàn, dùng đạo tạo danh vọng riêng tư, làm hư hỏng giếng mỗi thanh cao của đạo pháp, ngày một thêm nhiều. Sự nhiễu loạn trong Phật pháp khó đập tắt, chỉ còn phương pháp là người chân chánh xuất gia phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh để trang nghiêm Phật pháp, người tại gia phải cẩn trọng trong việc biết chọn bậc minh sư để học đạo và chánh tâm hộ pháp. Nếu có nhiều người biết tôn trọng nghiêm trì giới luật, biết chọn bậc minh sư tu học thì trong Phật pháp giảm thiểu đi tình trạng suy đồi. Người xuất gia mà tâm đắm trước chức tước quyền danh lợi dưỡng thường kết thân với chánh quyền thì gọi là ác thế tà kheo, cũng gọi là ma tà kheo tức là hình thức tà kheo, mà tâm chất ma. Trái lại tà kheo có đời sống khác hẳn hạng ma tà kheo trên kia thì gọi là thiện thế tà kheo. Chân tà kheo tức là tà kheo tâm chất Phật. Chúng ta đang sống trong thời mạt pháp hiện tượng trên đây hiển bày thật rõ mười mười. Người có tâm đạo nên hết sức cẩn trọng khi phát tâm tu học.

CHÁNH VĂN:

Tà kheo tham dục vụ tục, nhiều mưu cầu lợi dưỡng, gồm chứa tiền của tự hủy hại mình, trọng tiền của, xem thường đạo nghiệp, chết đọa đường ác địa ngục vô gián, ngã quỷ súc sanh.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây đức Phật cho thấy hạng ác thế tà kheo trọng tiền của hơn là đạo nghiệp, tất phải chiêu cảm quả báo trong ba đường ác. Hạng này tâm thức ngập đầy chất độc lợi dưỡng quyền danh, sống vì hơn thua, mưu đồ tiền của danh vọng, chứ không vì sự nghiệp giác ngộ giải thoát, hoằng pháp lợi sanh.

Riêng về xuất gia, trong Phật pháp có ba ý nghĩa: 1/- Xuất thế tục gia: Ra khỏi nhà thế tục của cha mẹ bà con quyền thuộc. 2/- Tại gia xuất gia: Hạng người này thân tuy tại gia mà đời sống thanh tịnh, tâm thường hằng để nơi đạo pháp, như các vị đại Bồ Tát có lúc hiện thân trưởng giả, cư sĩ dùng phương tiện thiện xảo hóa độ chúng sanh. 3- Xuất gia tại gia: Hạng người này thân tuy xuất gia mà tâm dầy đặc ích kỷ, tham vọng quyền danh lợi dưỡng, luôn cúi người quyền thế, chuyên tâm chiều lòng tín chủ để thủ lợi, xem chùa như tư gia của mình, lấy việc cúng bái làm kế kinh nhai, hài lòng với tiền thu được, chẳng nghĩ đến lục hòa tăng đoàn, hoằng truyền Phật pháp, mặc cho đời đau khổ, mặc cho đạo suy vi, họ chẳng lưu tâm để ý. Hạng người này tuy hình thức xuất gia, nhưng tâm chất là thế tục, không phải đệ tử Phật. 4/- Xuất gia xuất gia: Hạng người này đầu tròn áo vuông, xuất gia thọ giới chuyên tâm hành đạo, bất nhiễm dục trần, chuyên trì tam vô lậu học, quyết chí nhất tâm kiến tánh, tâm nguyện thiết tha hoằng pháp lợi sanh, xa lánh quyền danh thanh thế, tinh tấn trao dồi đạo hạnh không ngừng.

“Gom chứa tiền của tự hủy hại mình, trọng tiền của, xem thường đạo nghiệp”. Câu kinh này cho ta thấy đức Phật thường cảnh giác giáo huấn các tỳ kheo đời mạt pháp thật là thống thiết. Ai gom chứa xem trọng tiền của thì người đó tự hủy hại mình. Xưa nay người đời thường nói: “Một nhà no ấm, ngàn nhà oán trách”. Với tinh thần này thì người thế gian còn nên thí xả cứu giúp, huống nữa là người xuất gia đệ tử Phật lại không thấu hiểu đạo lý nhân quả báo ứng hay sao mà lại tham tâm gom chứa tiền của? Đáng thương hại hơn nữa, biết khuyên người bỏ thí, trì giới tu hành mà mình lại không bỏ thí buông xả, kẻ xuất gia mà lại tự hào hạnh diện có chùa to Phật lớn, tiền nhiều, bôn đạo đông, rồi bằng vào đó, sanh tâm tự cao tự đắc, để cho cỏ gai danh lợi sanh trưởng phủ lấp đài tâm giác ngộ hồi nào không hay. Trọng tiền tài, ái danh vọng, tự đắc tự hào, khinh thường đạo nghiệp, bất kính tôn trưởng chân tăng, khinh nghèo trọng giàu ba hiện tượng gốc Bồ đề tâm đã bị mỗi mục bật rễ rồi! Cho dù nay thân xuất gia nhưng tâm đã chìm đắm nhiễm ô trong bụi trần danh lợi chức quyền. Chùa to tiền nhiều mà không biết chuyên tâm trì giới giữ giới tu hành, lo cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, thì đó là điều kiện thuận nhanh để vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như kinh nói: “Gom chứa tiền của tự tán hại thân, trọng tiền của khinh thường đạo nghiệp, chết đọa đường ác địa ngục vô gián, ngạ quỷ, súc sanh”. Đức Phật và liệt vị tổ sư cổ đức đã từng cảnh giác: Tham vọng một đời với thân bất tịnh tạm bợ, phải chịu quả báo kiếp kiếp triền miên khổ đau trong ba đường ác, rõ như thế há không tỉnh ngộ hồi tâm ư? Sao không biết thức thời:

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa

Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên

Thoát trần một gót thiên nhiên

Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.

CHÁNH VĂN:

Chưa bỏ nghiệp ác trên đây, thì làm đời xuất gia để cầu cái gì? Phải nên nghĩ đến việc báo ơn Phật. Phải nên trì kinh giữ giới, đoạn ác để đắc đạo. Đạo không thể không học, kinh không thể không đọc, thiện không thể không làm. Hành thiện, bồi đức là giúp tâm đức lìa khổ, siêu xuất sanh tử.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh này Phật giảng rõ mục đích của người xuất gia phải làm gì và bỏ điều gì. Không thể mang danh xuất gia xưng là thầy mà thói phàm tục còn đầy áp nơi tâm, ngày ngày chạy dựa quyền thế, hay tìm cách chiều lòng tín chủ để được lợi dưỡng hoặc lại mưu tính kinh doanh thế sự. Kinh nói: “Chưa bỏ nghiệp ác thì đời này xuất gia để cầu cái gì?”. Còn nặng phàm phu nghĩ đến thế sự, tụng kinh niệm Phật chỉ nhằm mục đích làm thỏa mãn nhu cầu người tín chủ mà chính mình không tự giác phản tỉnh trau dồi đạo hạnh thì phước đức từ đâu tăng trưởng? Phước đức yếu kém thì làm sao có thể đền trả bốn ơn sâu nặng? Như Kinh nói: “Phải nghĩ đến việc báo ơn Phật”. Hễ biết nghĩ đến ơn Phật đã dày công giáo hóa thì đương nhiên nghĩ đến ơn cha mẹ sanh dưỡng, ơn sư trưởng giáo dục, ơn thí chủ cúng dường, ơn những người đã hy sinh tạo dựng đất nước, giữ gìn lãnh thổ lãnh đạo quốc gia. Không tinh tấn sáng chiều tụng niệm, không chuyên tâm nghiêm trì giới luật, không nghĩ đến việc hoằng dương lợi ích chúng sanh, để ngày luống qua ngày nhàn không luận bàn thị phi thế sự, thì tâm tánh hành nghi không từ đâu mà huân tập đạo hạnh, kinh điển không để tâm tụng đọc thì không thể nào giáo lý nhập tâm. Như kinh nói: “Phải trì kinh giữ giới, đoạn ác để đắc đạo. Đạo không thể không học, kinh không thể không đọc, việc thiện không thể không làm”. Không chuyên tâm trì giới tham thiền niệm Phật tụng kinh thì đạo hạnh không từ đâu tăng trưởng. Không nhất chí nghiên đọc kinh điển thì giáo lý không thể nào nhập tâm thì không thể nào “thâm nhập kinh tạng trí huệ như hải”. Trí huệ yếu kém thì trí phàm che lấp. Như vậy không còn tâm lực trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu giúp ba đường khổ”. Phật Bồ Tát nghĩ đến chúng sanh khổ, nên lấy chúng sanh làm tâm. Người tu theo hạnh Phật lấy việc báo ân Phật làm tâm hạnh tự độ, độ tha, tức là thuận hợp tâm Phật. Với ý nghĩa này, nên nghĩ đến ơn Phật là bao hàm ý nghĩa chuyên tâm giới hạnh, đền đáp ơn cha mẹ sư trưởng quốc gia đàn na thí chủ và tất cả chúng sanh. Muốn thành Phật đạo thì trước phải nghĩ đến báo đáp thâm ơn. Muốn ơn trọn trả, đạo quả được thành thì chỉ có cách là tự hành hóa tha, trì trai giới hành thiện, nghiên đọc kinh điển, thuyết giảng Phật pháp đó là phương pháp báo ơn cứu khổ. Nên kinh nói: “Hành thiện, rải đức là giúp tâm thức lìa khổ, siêu xuất sanh tử”.

Người xuất gia nếu giữ vững sơ tâm nhập đạo, y theo lời Phật dạy mà hành trì thì công đức dư sức để thành chánh quả. Nên cổ đức nói: “Sơ tâm xuất gia là tâm thành trình nguyên nhiệt tình buổi ban đầu đến với đạo. Lúc nhiệt tình tâm học đạo là lúc tâm hồn trong trắng Phật hiện diện nơi tâm, và lúc nào cũng thấy sống an lành thanh tịnh

trong không khí đạo. Nên thời điểm đó niệm Phật, Phật hiện tận mắt, hình ảnh Phật trang nghiêm hiển hiện ngập tràn trong tim óc. Nhưng cảnh giới an lành thanh thoát này khó còn mãi, thường xảy khỏi tâm trí và mờ dần trong tư tưởng để rồi sau đó biến mất với những người tham trước đục lạt lợi danh. Nên cuối cùng chỉ còn lại hình tướng xuất gia mà tâm đầy phàm tục. Miệng họ vẫn niệm Phật tụng kinh mà lòng không còn tha thiết, tim óc không còn hiển hiện hình ảnh Phật như thuở mới phát tâm. Miệng niệm mà thực tình tâm óc không niệm nên không thấy Phật, do đó mất đi tâm cảnh an lành thanh thoát của buổi ban đầu mới đến với đạo. Đây là điểm mấu chốt cốt tủy mà hành giả đạo Phật thường mắc phải nhưng không dễ gì nhận ra. Chính vì không nhận rõ nguyên nhân sâu thẳm của tâm thức biến thái, nên hành giả tự dần dần đào thải mình khỏi lý đạo lúc nào không hay, để tâm tánh thối bại buổi sơ tâm đến với đạo lại chìm sâu vào lớp khói mù đạo tục. Như kẻ đi trong đêm sương thấm ướt áo lúc nào chẳng biết. Một khi đã dính mắc sâu nặng danh lợi ngũ dục là tự buông bỏ mục đích cầu giác ngộ giải thoát, hậu quả khó thoát khỏi quả báo luân hồi. Muốn tránh khỏi tình trạng bất hạnh này, hành giả phải luôn luôn ghi khắc sâu chắc nơi lòng là: Giữ vững sơ tâm cầu đạo, giờ giờ khắc khắc phải quán chiếu nội tâm, kiểm soát hành nghi, kịp thời sửa sai, nghe lại tiếng lòng.

CHÁNH VĂN:

Thấy người hiền đức chớ nên khinh mạn, thầy người lành thiện chớ nên nhạo báng, không nên nhân lỗi nhỏ mà làm cho lớn tội, xử sự trái pháp vô lý thì mắc phải tội, tội phước đều có chứng cứ, vậy mà không cẩn thận ư?

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh đây Phật dạy chúng ta sửa đổi tập khí cổ hủ, cải thiện tánh tình để cho tâm lý tiến bộ, cẩn thận không để thân tâm tạp nhiễm.

Thói thường kẻ phàm phu thấy người hiền đức được đời kính trọng tin tưởng nể vì, mình không được bằng thì lại sanh tâm đố kỵ thị phi mỉa mai chê bai hủy báng, nhiều lúc còn xem như thù địch, đây là bệnh thái tâm lý ích kỷ, tinh thần không được lành mạnh chánh thường. Phật dạy người Phật tử nên sửa đổi tâm lý để cho ngày một thêm tâm tiến chân thiện mỹ. Nghĩa là thấy người hiền đức, bậc thầy đạo hạnh nên thành tâm cung kính, cúng dường, hộ trợ để giúp đời, hoằng pháp lợi sanh.

Đời nhà Đường ở Trung Hoa có ngài Ấn Tông pháp sư vốn là một vị cao tăng chủ trì chùa Pháp Tánh, tăng chúng đông số trăm. Lục Tổ Huệ Năng sau khi được Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn truyền y bát, theo lời căn dặn của thầy, Huệ Năng phải rời khỏi tông lâm Hoàng Mai ngay đêm đó để lánh về phương Nam đến huyện Tứ Hội, nhưng vẫn bị kẻ ác theo dõi muôn hại, để tránh nạn, Huệ Năng phải giả dạng nhập bọn thợ săn ẩn tích suốt mười năm. Một ngày nọ quán biết cơ duyên hoằng pháp đã đến lúc thuận thực,

Huệ Năng tìm đến chùa Pháp Tánh trong lúc pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh Đại Bát Niết Bàn cho đại chúng. Huệ Năng thấy hai nhà sư đang nhìn lá phướn bay, một vị cho phướn động, một vị cho là gió động. Hai nhà sư đang hỏi hăng say viện dẫn lý lẽ “phướn động, gió động” tranh luận sôi nổi, khiến cho tăng chúng vây quanh hào hứng theo dõi cuộc tranh luận của hai sư. Huệ Năng với thân hình chất phác, tóc tai hờm sờm, bước vào lên tiếng: “A! Chẳng phải gió động, mà cũng chẳng phải phướn động. Chính tâm hai nhân giả động đấy!” Mọi người kinh ngạc tỉnh ngộ trở mắt nhìn Huệ Năng. Riêng Ấn Tông đánh lễ Huệ Năng rồi hỏi: “Hành giả nhất định không phải là người thường”. Tuy Huệ Năng còn là hình thức một cư sĩ, hình dáng thô lậu, nhưng qua câu nói khiến cho Ấn Tông đánh lễ tôn làm thầy, cầu hỏi yếu nghĩa huyền diệu đạo lý. Huệ Năng nói: “Hoàng Mai không giáo truyền, chỉ luận kiến tánh, không luận thiên định giải thoát”. Ấn Tông hỏi: Tại sao không luận thiên định giải thoát?”. Huệ Năng nói: “Thiên định giải thoát là nhị pháp, không phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp không hai”. Ở đây ta nên chú ý, Huệ Năng sở tu sở truyền là nhứt thừa thượng pháp, trực chỉ chân tâm, minh tâm kiến tánh, nên nói “chỉ luận kiến tánh, Phật pháp là pháp không hai”. Người học đạo phải suy ngẫm kỹ ý nghĩa này để dẹp tâm phân biệt, diệt tâm nhơn ngã, hạ cờ kiêu mạn, đoạn sạch gai góc tự ái ích kỷ danh lợi đang tiềm phục nơi tâm thức. Huệ Năng nói tiếp: “Phàm phu thấy hai, trí giả đạt đạo thấy tánh không hai, tánh không hai tức là Phật tánh”. Ấn Tông nghe xong hoan hỷ lãnh thọ, xuống tóc cho Huệ Năng, nguyện phụng thờ như bậc thầy. Lục Tổ Huệ Năng được Ấn Tông hộ trì giúp đỡ nên thuận duyên khai Đông Sơn pháp môn hoàng dương thiên pháp rộng độ nhân gian, khởi đi từ đây.

Ta thấy pháp sư Ấn Tông đường đường là bậc danh tăng, viện chủ ngôi chùa Pháp Tánh danh tiếng vang lừng, tăng chúng đông đảo, nhưng khi thấy Tổ Huệ Năng là bậc thông bác đạo hạnh ân tàng dưới hình thức thô lậu, lại do chính tay mình xuống tóc làm tăng, rồi cũng chính mình xin được tôn thờ người ấy làm thầy. Điều này cho chúng ta thấy đúng là tinh thần “tôn hiền trọng đạo, xả kỷ vị nhơn”, làm được như vậy phải là người phi thường, lòng đã sạch ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái mới lập nổi đại công đức, đại thiện nghiệp, lưu danh thơm gương sáng đến hậu thế.

“Thấy người lành thiện không nên nhạo báng”. Phật dạy chúng ta chớ nên làm trở ngại người biết làm thiện. Bảy đời đức Phật đều dạy: “Các điều ác đừng làm, nên làm các điều lành, phải thanh tịnh tâm ý, đó là ý nghĩa chân thật lời dạy của các đức Phật”. Người làm việc thiện dù người đó là thân hay thù, làm thiện nhiều hay ít, ta nên tùy hỷ khen ngợi để cho họ phấn khởi phát tâm hành thiện hơn nữa, tùy hỷ khuyến khích là cơ duyên để cho họ quay về đường thiện, đồng thời tự vấn tự kích phát chính bản thân ta tại sao sa sút tâm lành không hành thiện như họ. Trái lại thấy người làm việc lành thiện ta biếm nhẽ chế nhạo dèm pha làm cho họ đâm ra thối tâm nhứt chí hành thiện, tức là ta đem nước sôi tưới vào cội tâm Bồ đề của người, đồng thời bới gốc Bồ đề tâm của ta cho khô héo. Người tu học Phật phải biết tùy hỷ khuyến hóa hỗ trợ người

làm việc lành thiện, phải khéo khuyến hóa người trở thành người chân thiện mỹ, đó mới gọi là lành thiện lợi tha đệ nhất trong nhân gian. Trái lại, có cử chỉ lời nói làm trở ngại, làm hoài nghi, làm thối tâm người hành thiện, nhất là trở ngại kẻ ác đang hướng về thiện, ấy là người đệ nhất ác trong thế gian.

Thế nào gọi là trở ngại người lành thiện? Như thấy có người bố thí giúp đỡ người nghèo khó hoạn nạn, cúng dường chư tăng, xây chùa đúc tượng, đi chùa nghe thuyết pháp quy y công quả, đã không khuyến khích lại biếm nhẽ, nhạo báng cười cười khinh ngãn cản, đó là tội ác đệ nhất. Kẻ tà tâm ác ý gây trở ngại người làm việc lành thiện, dù cho họ thuộc giàu sang quan chức học thức, hay đến cả kẻ làm cha mẹ đi nữa, mà đối với đạo đức Phật pháp không có tâm tán trợ cũng gọi đó là kẻ vô minh, tâm chất yêu ma, chướng ngại phá hại người lương thiện có tâm chí tiến thân trên đường chân thiện mỹ.

“Không nên nhân lỗi nhỏ mà làm cho lớn tội”. Phàm là sư trưởng đối với đệ tử nên có lòng thương như con nhỏ, cứ giới pháp như chánh lý đem hết tâm trí khả năng mà dạy dỗ để bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia đạo pháp. Dùng ân đức để giáo hóa học trò, nếu chúng có lầm lỗi nên từ hòa thông thiết khuyên dạy, chớ nên khuấy động tội nhỏ thành to, hình phạt nặng nề, trách mắng thậm tệ, như thế chẳng những tránh được đệ tử ôm giữ lòng oán hận, mà còn cảm hóa đồ đệ cải ác theo thiện, trở thành người hiền lương quân tử, nên nói “ân đức sư trưởng vượt hơn cha mẹ” là ý nghĩa này vậy.

“Xử sự trái pháp vô lý thì mắc phải đại tội, tội phước đều có chúng cứ, vậy mà không cần thận ư?” Câu kinh này, đức Phật khuyên chúng ta phải để tâm lưu ý đến nhân quả. Đặc biệt, bậc sư trưởng có bốn phận giáo dưỡng đệ tử, hướng đạo môn đồ và thể hiện mô phạm cho người trần thế kính ngưỡng. Nên sư trưởng tâm lượng ích kỷ danh lợi công cao, đạo hạnh yếu kém thì không tránh khỏi xử sự pháp vô lý, ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái ngự trị nơi tâm thức và hành vi làm di lụy tạo thành đồ đệ bất hạnh bất tri như kinh luật nói: “Chẳng còn biết kính các bậc thượng trung hạ tọa, nào có khác đám Bà la môn ồn ào tụ tập ăn nói hồ đồ. Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà la môn tụ hội vô thù”. Như thế thanh danh tông môn bị tổn thương, niềm tin đạo pháp dần dần bị phá sản, quốc gia xã hội phải gánh thêm đám người khuyến mãi thất hạnh, đạo pháp phải chịu thêm nạn ký sinh trùng. Trách nhiệm của bậc thầy quan trọng như vậy, nên Phật pháp gọi Hòa thượng là thân giáo sư, là Sư trưởng. Thân giáo sư hay sư trưởng là người mang trọng trách bồi dưỡng tri thức như cách huệ mạng cho đệ tử thành người trọng phụ làm rộng voi chuyên chở đạo pháp, đồng thời cũng là trọng phụ quân tử ở đời, là kẻ sĩ của quốc gia dân tộc. Do đó nên Hòa thượng, Sư trưởng phải đủ cả khẩu giáo, ý giáo và thân giáo là khuôn thước mô phạm hướng đạo đệ tử.

Cổ đức nói: “Nuôi con mà không dạy dỗ như nuôi heo. Nuôi đệ tử mà không dạy dỗ như nuôi beo. Làm điều bất thiện người biết được thì bị trừng phạt. Làm điều bất thiện người không biết được thì quỷ thần trách phạt. Dùng thuốc giết người bị đọa mười

tám tầng địa ngục. Dạy đệ tử nhằm lẫn bị đọa mười chín tầng địa ngục”. Huống nữa là chủ trì ngôi già lam Tam Bảo, lãnh đạo tăng đoàn, mô phạm thiên hạ mà không chánh tâm tịnh ý chuyên trì giới luật, bồi dưỡng phước đức, như pháp y lý hành đạo hóa tha, thì tội phước báo rõ ràng, tự quán biết, tự nghiêm trì chẳng phải thêm lời luận bàn. Cổ đức dạy: “Cư xử cư xử cư dị xử nan! Tri kỷ tri bỉ. Tiên trách kỷ hậu trách bỉ”. Đây là chỉ nam tu tĩnh tiến thân.

Đoạn bốn: A-Nan hỏi cách cư xử.

1.- A-Nan hỏi cách cư xử của người Phật tử.

CHÁNH VĂN:

A-Nan lại bạch Phật: “Vào thời mạt pháp, các đệ tử học Phật cùng với việc đời hằng ngày tương duyên sanh tồn, liệu lý việc nhà hệ lụy đến thân miệng thì phải làm cách nào trong trần mà không nhiễm trần.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây tôn giả A-Nan hỏi Phật, hằng ngày người ta sống lăn lộn trong cõi đời mà có lòng tu học Phật thì có trở ngại không? Đây là câu hỏi rất thiết thực cho người sơ phát tâm học đạo vốn có tánh e dè khi muốn bước vào cửa Phật tìm hiểu đạo lý để tu dưỡng tinh thần, đồng thời câu hỏi của A-Nan cũng để đánh tan thói đời của những người thường viện lý do vì còn bận rộn gia đình, còn nặng nợ thế gian chưa tu học được. Họ nghĩ sai lầm rằng, hễ tu là ăn chay, cạo đầu, mặc y phục nâu sòng, ngồi lim dim, lằn tràng hạt, mặc cho thân bằng xã hội thịnh suy. Họ có cái hiểu biết lệch lạc như thế, hoặc họ cố ý hiểu sai lệch như thế để họ tiếp tục sống đời phóng túng với thói quen dục lạc thế gian thỏa tình nhục dục. Họ đâu có biết cổ đức tiên hiền đời nào cũng khuyên người tu tâm sửa tánh để tạo cho mình và gia đình có được cuộc sống hạnh phúc, xã hội an lành, quốc gia thanh trị. Đạo Nho dạy: Trước phải tu thân, rồi sau mới ổn định được gia đình. Muốn trị quốc an dân, thì trước phải tu thân tề gia. Các bậc hiền thánh còn khuyên chúng ta mỗi ngày nên ba lần tự phản tỉnh để quán xét mình. Thực hành được như thế thì tâm an lý đắc.

Tôn giả A-Nan thấu rõ tâm lý người đời, viện đủ thứ lý do để từ chối học đạo, tu thân sửa tánh, nên Ngài lại bạch hỏi Phật: “Học đạo có làm trở ngại việc gia đình, xã hội không?” E rằng có kẻ sợ học Phật không làm lợi cho gia đình hạnh phúc, trở ngại sự nghiệp thế gian phát triển, nên tôn giả A-Nan khởi lòng đại bi mà hỏi Phật như vậy. Câu hỏi này nhắm vào hàng tại gia nhiều hơn. Người đời đâu ý thức thế gian vô thường, quốc độ nguy biến. Thở ra mà không hít vào là kết thúc mạng sống. Tai ương họa nạn bệnh họa xảy ra bất cứ lúc nào. Còn mạnh khỏe không lo tu tâm sửa tánh làm lành tạo phước, đến khi vô thường đến, họa họa xảy ra, dù có muốn tu tâm sửa tánh, làm lành

tạo phước cũng không làm sao kịp. Cổ đức khuyên nhắc chúng ta: “Đến khi khát nước đào giếng sao kịp”. “Đời nay không sớm tự độ lấy thân, lại đợi đến đời nào mới độ”. Biết bao người trong lúc no cơm ấm áo, gặp kinh điển, chùa viện thanh tịnh, bạn hiền, thầy đạo hạnh, lại khát hèn không chịu tu học Phật, bỏ mất cơ hội thuận duyên, để miên man trong tình trường danh lợi, dùng một cái mắt hết rồi sanh ra tiếc nuối. Người đời lắm kẻ không hiểu ý nghĩa sâu xa của lý đạo nhiệm mầu có năng lực tạo hạnh phúc tiến bộ cho mình. Đã có biết bao nhiêu người sống trong cảnh nghèo, thiếu phương tiện, khi đến với đạo, được đạo pháp giáo dưỡng trở thành người hữu dụng cho đời. Sự kiện này ở vào các triều đại Lý Trần, và thời đại trước, sau 1963 là bằng chứng hùng hồn. Cũng đã có biết bao cặp vợ chồng không được êm ấm, khi biết quy y Tam Bảo, thường cùng nhau nghe kinh thuyết pháp, sau đó trở nên tin tưởng nhau, thương yêu nhau hơn. Có những gia đình cha mẹ hướng dẫn con đi chùa thường xuyên để nghe pháp, làm công quả, con cháu trở nên hiền ngoan, gia đình trở nên hạnh phúc. Nếu mọi người biết sống theo giáo lý đức Phật, sống trọn vẹn đời sống đạo, thì cá nhân được hạnh phúc, xã hội an định, quốc gia thanh trị, thế giới hòa bình. Thế thì người tu học Phật chẳng những không chướng ngại hạnh phúc gia đình, phát triển sự nghiệp xã hội, mà còn tăng trưởng hạnh phúc, sự nghiệp bền chắc thêm.

Vậy thì người tại gia có được giác ngộ giải thoát không? Được, nếu nghiêm chỉnh áp dụng lời Phật dạy vào đời sống hằng ngày. Như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, ái ngữ, niệm Phật, tụng kinh, thiền định, tinh tấn không ngừng thì sẽ đạt đạo giải thoát như người xuất gia.

Người xuất gia mà keo kiệt lợi dưỡng danh dục ích kỷ, thì chẳng khác mang đá đi trên đường gai sỏi hó hăm, buộc trói thêm gai đá vào thân. Thế nên người biết học Phật, thực hành lời Phật dạy, thì ngay trong đời này đã được quả tự tại an lành hạnh phúc, và đời sau chắc sẽ được quả báo giác ngộ giải thoát.

Trong các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn, Duy Ma Cật v.v... có nói đến không biết bao là cư sĩ nghiêm chỉnh thọ trì giới luật chánh tâm ủng hộ Phật pháp, tu hạnh Bồ Tát hoằng hóa chúng sanh. Các ngài đã thể hiện đời sống thanh cao trần bất nhiễm trần. Thân tuy cư sĩ mà lòng thuần chân phụng sự đạo pháp, tận trung quốc dân, tận hiếu phụ mẫu, tận thiện xã hội, tận hòa làng nước, lo trước cái lo muôn loại, khổ trước cái khổ mọi người, vui sau cái vui chúng sanh. Chúng sanh đắm chìm trong tham dục, các ngài tận lực khuyến dắt họ ra khỏi vũng bùn lầy lội, tham dục. Chúng sanh lặn hụp trong danh lợi, dục lạc trần gian, các ngài hết lời khuyên can níu kéo. Chúng sanh sống trong lo âu thù hận, các ngài đem hết tâm tình khuyến giải để được an lành thanh thoát. Chúng sanh mê đắm ngũ dục vô thường, các ngài tỉnh thức tự tại trong hoàn cảnh thường lạc để kêu gọi hướng đạo. Thế là hoa sen trong bùn mà không nhiễm bùn, ở trong trần ai mà không nhiễm trần ai. Chúng sanh sâu dày nghiệp chướng tạo nên lắm điều chướng ngại thương tâm. Đức Phật lăn xả vào để giáo hóa chịu không biết bao là trở ngại nhọc nhằn. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Tùng Địa Động xuất, các đại Bồ Tát

thăm hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Ngài thiếu bệnh thiếu não an lạc chứ? Những chúng sanh được độ thọ nhận giáo hóa của Ngài dễ chứ? Đức Phật đáp: “Không có chút gì phiền muộn mệt mỏi”. Đây là tấm gương sáng cho những ai muốn sống đời vị tha.

2.- Phật dạy cách làm thế gian sự mà không có thế gian ý.

CHÁNH VĂN:

Phật nói: Này A-Nan! Người có thọ giới pháp của Phật, thành tín phụng hành, hiếu thuận cha mẹ, dè dặt cẩn thận hành vi, quy kính Tam Bảo, hiếu dưỡng cha mẹ, tận trung quốc dân, trong tâm ngoài thân cần trọng hành thiện, tâm miệng hợp nhau, như thế cho dù làm việc thế gian mà không có ý thế gian.

LỜI GIẢI:

Đức Phật trả lời câu hỏi của tôn giả A-Nan, Ngài mở lượng từ bi giải nghi chỉ rõ đường lối cho hàng tại gia cư sĩ biết thế nào là phương pháp sống của người Phật tử chưa thoát ly gia đình.

Người phát tâm tu học Phật, điều căn bản là phải tiếp thọ giới pháp của Phật. Giới pháp mà đức Phật chế ra là quy củ có thừa đủ năng lực đưa con người trở nên hiền lương thánh thiện, mô phạm cho đời. Điều rất căn bản cho bước đầu của người tu học Phật không thể thiếu, là quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, tiếp theo đó tiến lên bước nữa là thọ Thập thiện giới, Bồ Tát giới, Bát quan trai giới, tu tịnh nghiệp, tham thiền. Tất cả những điều trên đây đều là sinh hoạt giáo học hành trì thiết yếu của người cư sĩ tại gia. Được xưng là Phật tử thì phải chí tâm thành tín thọ trì, y giáo phụng hành. Không lãnh thọ hành trì những điều trên đây mà xưng là tin Phật, là Phật tử, ấy là lạm xưng. Dù hiểu biết giáo lý đầy bụng, phục vụ Phật pháp suốt đời, mà không thành tâm quy y thọ trì giới pháp, viện lý do này khác để chối từ, kinh Phật gọi đó là người mới từ ba đường ác ra, hoặc sắp rơi vào đường ác, nên nghiệp chướng sâu dày trở ngại sự phát tâm thọ trì giới pháp, mang tà niệm hộ trì Tam Bảo, phụng hành Phật đạo. Dù cho họ thông minh tài trí, quyền quý giàu sang mà không tin thọ giới pháp, thì đó cũng chỉ là hình thức một trong tám nạn của “thế trí biện thông” mà thôi. Nếu không tu tâm bồi đức, thì không tránh khỏi nghiệp lực dẫn dắt vào con đường trầm luân tối tăm.

Điều cần yếu trước nhất là người tu học Phật là hiếu thuận cha mẹ, kính thờ sư trưởng, đây là con đường sáng bằng thẳng đưa đến chân lý đạo giải thoát. Về tinh thần Đại thừa Phật pháp thì ngài Địa Tạng Bồ Tát thể hiện cho cái đức Hiếu. Địa Tạng có nghĩa là đại địa tàng chứa chở che. Vạn vật từ đất sanh trưởng, đến lúc hủy hoại dù tốt xấu sạch dơ cũng lại trở về đất, đất lại thân nhiên dung nạp. Thành hình từ đất và hoại hình về đất. Đức tánh nhẫn nhục dung nạp của Địa Tạng Bồ Tát như đại địa, đủ để làm

tấm gương soi sáng cho người học Phật, cũng còn là pháp học căn bản của hiếu thuận vậy.

Người có lòng hiếu thuận thì tánh nhứt định dung hòa có thể tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vô lượng phước huệ cũng từ đây sanh trưởng. Người học đạo giác ngộ cũng khởi đi từ hiếu kính cha mẹ, kính thờ sư trưởng, hòa thuận mọi người. Người chân thành hiếu thuận thì không dám làm điều xấu ác với tha nhân, không dám kiêu mạn với bất cứ ai, khởi tâm động niệm trong mọi thời lúc, tạo tác hành vi trong mọi trường hợp đều thận trọng nhớ đến nhân quả.

Quy y Tam Bảo, ở đây đặc biệt lưu ý hành giả là quy y tự tánh Tam Bảo. Nghĩa là xoay lại nội tâm quy y chính tự tánh Tam Bảo của mình. Quy y Phật tức là quay về nương tựa tự tánh sáng suốt của chính mình. Quy y pháp tức là quay về nương tựa tự tánh từ bi hỷ xả của chính mình. Quy y Tăng tức là quay về với tánh thanh tịnh hòa hợp của chính mình. Trong người mình có đầy đủ đức tánh sáng suốt, từ bi, hỷ, xả, thanh tịnh, hòa hợp, tức là có đủ đức tánh Tam Bảo, gọi là tự tánh Tam Bảo. Nhưng từ lâu vọng động dong ruổi theo dục lạc trần cảnh làm cho tự tánh Tam Bảo lu mờ. Giờ đây nhờ Phật khai thị chỉ bày, chúng ta có dịp hồi tâm xoay lại tự tánh để khai triển tiến lên cảnh giới đồng thể Tam Bảo như chư Phật. Chúng ta nào khác gì đứa trẻ mồ côi, trước khi cha mẹ mất có cát ngọc trong ché áo và căn dặn khi nào đói khổ thì lấy ra dùng. Nhưng bé mồ côi kia quá u mê ham chơi mà quên lời cha mẹ dặn dò, lại đành cam phận sống trong cảnh nghèo đói lang thang. Đến khi sức nhớ lại lời cha mẹ dặn dò năm xưa, đứa trẻ mồ côi lấy ngọc cát trong ché áo ra dùng thì lập tức không còn sống đời bần cùng lang thang nữa. Cũng giống như thế, nay chúng ta nhờ sư trưởng hướng đạo, học hiểu giáo pháp của Phật, xoay lại sống nội tâm phát huy Phật tánh từ bi hỷ xả thanh tịnh hòa hợp thì ngay đó chấm dứt lầm lạc khổ đau, trở nên thông dong an lành thanh nhàn giải thoát.

“Hiếu dưỡng cha mẹ, tận trung quốc dân”. Đây là những điều sinh hoạt hằng ngày của người Phật tử phải ghi nhớ. “Thế nào là hiếu dưỡng cha mẹ?”. Cứ là đem trọn hết hiếu tâm cung dưỡng cha mẹ no ấm, mạnh khỏe, vận dụng tâm thành ý hòa hậu hạ cha mẹ, làm cho cha mẹ an vui. Dốc ý chí nỗ lực tạo sự nghiệp như cha mẹ kỳ vọng, để cho cha mẹ vui lòng mãn nguyện. Khéo khuyên cha mẹ phát tâm quy y Tam Bảo, thọ trì giới pháp, tu tâm sửa tánh hành thiện, hộ trì Phật pháp, ấy là phụng dưỡng thân thể và huệ mạng của cha mẹ. Được như thế là tròn hiếu đạo.

Thế nào gọi là “Tận trung quốc dân?”. Phật dạy chúng ta phải trung thành với quốc dân, tận lực phục vụ xã hội, hoàn thành trách nhiệm, thanh liêm với chức vụ. Đối với Phật pháp, người Phật tử phải ý thức tự đặt cho mình trách nhiệm hộ trì chánh pháp đạo thống, tận lực phát huy giáo nghĩa Phật Đà để quốc dân thuần lương, tận tâm hiệp trợ bồi dưỡng nhân tài để chúng sanh được thấm nhuần đạo pháp lợi lạc nhân sanh, đó là kỳ vọng của Phật, về ý nghĩa tận trung quốc gia.

“Trong tâm ngoài thân cần trọng hành thiện”. Làm việc thiện với tâm thành, thân tâm tương hợp, chứ không phải làm thiện để cầu danh thủ lợi, hay để được tiếng khen. Nên kinh nói: “Thân miệng hợp nhau”. Nhiều người làm thiện vì danh lợi, miệng nói đạo đức sắc mùi từ bi hỷ xả mà trong lòng tà niệm, như thế chỉ được phước hữu hạn không đạt được phước báo ba la mật. Làm thiện với tâm chấp trước, không vô tư thanh tịnh. Nên chỉ được quả báo nhân gian hữu hạn. Cũng ý nghĩa này, người Phật tử ủng hộ bậc chân tăng hành đạo thì phước đức tăng trưởng vô lượng. Ngược lại, hộ đạo cho những hạng tà tăng thì phước đức chẳng những không tăng trưởng mà còn tổn phước nữa là khác. Vì sao? Bởi vì kẻ tà tăng tâm niệm hành vi tà ngụy, mà lại đem tâm lực tài vật ủng hộ cúng dường thì giúp họ được phương tiện để lợi dưỡng tự đắc làm tổn thương đạo pháp, phá sản niềm tin của những người có tâm thành chánh tín muốn học Phật.

Học đạo không tìm minh sư hướng dẫn, hộ đạo không lựa chân tăng cúng dường trợ giúp, làm thiện với tâm niệm không thanh tịnh là rơi vào tà đạo chứ không phải Phật đạo, ấy là kết duyên làm quyến thuộc với chúng ma chứ không phải quyến thuộc Bồ đề Tam Bảo, và như vậy quả báo sẽ phải sanh về cảnh giới ma. Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật bảo tôn giả A Nan rằng: “Ông nay muốn chứng đắc đạo quả Vô tượng Bồ đề, thì tâm phải hoàn toàn thanh tịnh để chân tánh diệu tâm hiển bày, tâm miệng chân trực, tuyệt đối không có tướng quanh co xen kẽ”. Kinh Quán Vô Lượng Thọ xác định: Tâm chân trực là tâm chí thành thanh tịnh, tâm của đại Bồ Tát.

Ở đây, ý chỉ của Phật khuyên người hành đạo nên chân trực thân miệng ý. Dem ba nghiệp thân miệng ý chân trực hành đạo, giúp đời thì nhất định sẽ được quả báo chơn thừa vô tượng. Nên trong Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối nói: “Con nay phát tâm không phải để cầu được phước báo của nhơn thiên, Thanh Văn, Duyên Giác hay cả đến quyền thừa Bồ Tát đi nữa con cũng chẳng cầu, mà chỉ một lòng cầu được quả tối thượng thừa, nên con phát tâm bồ đề”. Dem thân miệng ý chân trực trung thành hành đạo thì dù làm việc đời cũng thành việc đạo, việc nhỏ cũng được phước báo lớn. Nên Phật pháp nói: “Tà nhơn thuyết chánh pháp, chánh pháp biến thành tà. Chánh nhơn thuyết tà pháp, tà pháp biến thành chánh”. Cũng trong ý nghĩa này, kinh đây nói: “Như thế cho dù làm việc thế gian mà không có ý thế gian”.

3.- A-Nan cầu xin Phật giảng giải ý nghĩa thế gian sự, thế gian ý.

CHÁNH VĂN:

A-Nan thưa với Phật: Thế nào là thế gian sự? Thế nào là thế gian ý? Thật khó phân biệt.

LỜI GIẢI:

A-Nan nghe Phật nói thế gian sự mà không thế gian quả, thật chưa lý giải tường tận ý nghĩa này, nên lại thưa Phật: “Thế nào là thế gian sự? Thế nào là thế gian ý?” Tại sao có thể làm thế gian sự mà không có thế gian ý xen tạp chỉ huy? Để mọi người thấu rõ ý nghĩa, phân biệt việc làm, nên tôn giả A Nan lại bạch hỏi Phật lần nữa, để Phật minh xác giải thích tường tận.

CHÁNH VĂN:

Phật nói: Là đệ tử Phật có thể mua bán kinh doanh thương nghiệp, đúng cân đũa thước, không nên lừa dối, làm đúng tình lý, không trái lương tâm lý tánh tự nhiên, tổng táng, hôn thú, di cư đều là thế gian sự.

LỜI GIẢI:

Thế gian sự thì vô số kể không thể nào nói hết. Ở đây đức Phật chỉ nêu vài việc làm thí dụ để giảng giải cho chúng ta hiểu rõ Phật pháp bất ly thế gian pháp. Phật pháp không trở ngại thế gian pháp. Thế gian pháp là điều mà chúng ta thường nhật sinh hoạt, như ăn, uống, ngủ nghỉ, thân quyến bằng hữu, ân nghĩa giúp đỡ, hôn quan tang tế, mà hành giả công phu tu tập Phật pháp cũng sinh hoạt ở trong những sự vụ lớn nhỏ hằng ngày đó. Nhưng hành giả tu Phật có khác với kẻ thường tình là thấu rõ thế gian mộng huyễn, các pháp vô thường, nên thanh t hản buông thả, khởi lòng vị tha phương tiện dùng giả hiển thật, lấy huyễn độ chân, nên ở trong đời làm việc đời mà không nhiễm đời. Như hoa sen trong bùn mà không dính mùi bùn hôi tanh.

Đức Phật đã khuyên bảo chúng ta: Những người làm đệ tử Phật, phát tâm Đại thừa, hành Tứ nhiếp pháp thì sẽ vô ngại đối với thế gian sự. Chẳng hạn như có thể kinh doanh thương nghiệp, mua bán hàng hóa, miễn là thành tín tương kính, tâm ý chân trực tiếp vật đãi nhơn, cân lợi lạc nhân nghĩa đạo đức, chớ không cần hư danh tiền tài bên ngoài. Lợi ích hợp đạo tự lợi lợi tha ấy là “lợi hành và đồng sự” của Tứ nhiếp pháp. Các Bồ Tát muốn vào đời hóa đạo độ sanh, nhiều lúc cũng phải mang thân hình của người cư sĩ hòa quang đồng trần, dùng thân miệng ý nhiếp pháp để cảm hóa người đời. Dù ở trường hợp hoàn cảnh nào, người Phật tử vẫn giữ vững tâm lượng bao dung, ý tình chân trực trung tín như chánh pháp “thuận tình hợp lý, không trái lương tâm lý tánh tự nhiên”. Khéo biết vận dụng bốn đức “nhân ái tín nghĩa” để phục vụ xã hội, làm phước lợi nhân quần. Khéo dùng Tứ nhiếp pháp cảm hóa hướng đạo thế nhân, mà thế nhân không cảm thấy mình bị cảm hóa hướng đạo, tự nguyện hồi đầu về với đạo cả. Như thế, đệ tử Phật làm việc thế gian như thương nghiệp tổng táng, hôn lễ, di cư v.v... đều hành Bồ Tát đạo, hình thái là thế gian sự mà thực chất không thế gian ý.

CHÁNH VĂN:

Là đệ tử Phật thì đối với việc thế gian ý như xin xăm bói quẻ, cầu thỉnh sùng bái quỷ thần, phù chú, trừ yểm, tấu sớ giải trừ, xem lựa ngày giờ tốt xấu, tất cả những thứ này đều không nên làm.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh trên đây, đức Phật giảng thuyết về thế gian ý để cho người Phật tử thể hội suốt thông không nên mê tín tà ma thần quỷ nguy tạo phù phép, mà phải tu dưỡng đạo đức ngay nội tại bản tâm. Việc mê tín rất nhiều hình thái, hoặc do những loài yêu ma hiện hình người, hoặc do người nặng nghiệp tà ma tạo ra những điều thần bí quái dị nhảm đúng hiều kỳ, hợp tâm lý sợ hãi ý lại, để thỏa lòng tham vọng của người đời, lâu ngày thành tạp khí mê tín thần linh ma quỷ. Suy cho cùng tánh lý, ngẫm cho kỹ lời Phật dạy trong tam tạng kinh điển, hễ người có thọ trì giới pháp, chánh tâm hành thiện, chuyên cần tu bồi phước đức thì tự nhiên được các thiện thần trời người hộ trì. Sách sử xưa nay ghi rõ những bậc thuần chân tu hành, những người đạo đức dù ở núi cao rừng thẳm, hoặc nơi đồng không mông quạnh vắng vẻ, xa cách đô thị, phồn hoa, mà các thức ăn mặc thuốc men không thiếu đời sống an lành không tai ương hoạn nạn, danh thơm đạo đức rạng ngời khắp nhân gian. Trái lại, kẻ bôn ba danh lợi sống nơi phồn hoa đô hội thị thành, quên chuyện giới hạnh tu tâm dưỡng tánh làm lành bồi phước, lại có kẻ chỉ đem tâm cầu thần cúng quỷ xin xăm bói quẻ, lễ tất nhiên chiêu cảm ác thần ác quỷ thân gần ủng hộ. Khi hết cúng tế thần quỷ, thì thần quỷ quở phát, bệnh hoạn tai ương từ đó phát sanh. Người biết thọ trì giới pháp làm việc phước đức được thiện thần ủng hộ. Phật Bồ Tát khai quang hướng đạo. ngược lại, không thọ trì giới pháp, sống phóng túng dục lạc lợi danh, cầu thần linh ma quỷ, xin xăm bói quẻ thì sẽ được tà ma thần linh ủng hộ lợi lộc nhứt thời, để rồi sau đó phải khốn đốn. Bởi lòng tham sân của các thần quỷ không khi nào thắng qua được giới đức. Nên cổ đức tiên hiền lấy kinh nghiệm sống của mình mà có lời thống thiết khuyên chúng ta: “Đức trọng quý thần kinh”. Người có đạo đức cao dày thì quý thần tất nhiên phải kính trọng hộ trì, mà không phải làm những chuyện mê tín xin xăm bói quẻ cúng bái cầu khẩn thượng đế ban phước trừ họa. Đức dày thì tai họa tiêu. Thiếu phước thì ác quỷ ác thần lộng hành. Phước đức song toàn thì trời người thần quỷ chung nhau hộ trì. Tổ tiên ta có lời khuyên “ở có đức mặc sức mà hưởng”. Câu nói nôm na giản dị mà mang ý nghĩa thâm sâu, thắm khuyên người đời bỏ tà tâm mê tín, đừng bước tham dục lợi danh.

Đức Phật nói: Là đệ tử Phật nên biết những điều: 1/- Không nên bói quẻ xin xăm, xem tướng đoán mạng, dự trắc vận số kiết hung họa phước, lượng định phong thủy địa lý, 2/- Không nên đồng bóng cầu cơ tin thờ quỷ thần cô tiên đồng cốt. 3/- Không nên luyện bùa ngải, phù họa quái hình trừ tà yểm quỷ trị bệnh tà ma. 4/- không nên dùng phù chú tà thuật hình nộm trấn áp. 5/- Không nên thờ cúng tà thần tà quỷ, khẩn cầu bái vọng, giống loại thầy pháp. 6/- Không nên dùng sớ văn tấu trình thiên đế thần linh, cầu xin quỷ thần giải mở oán cứu, tiêu trừ tai họa. 7/- Không nên làm việc tuyển lựa ngày giờ tốt xấu, coi tuổi định duyên đoán phận. Bảy điều trên đây là những điều thế tục mê

tín, trái với lý tánh chân tâm, không hợp với đạo đức tu tâm dưỡng tánh. Cúng bái thần linh tà quỷ chỉ thêm mang lụy vào thân. Đức Phật khuyên hàng Phật tử nên chánh tín phụng thờ Tam Bảo, tu tạo phước đức để làm tư lương trên đường hạnh phúc giác ngộ. Không những đức Phật khuyên mà Khổng Tử cũng nói với môn đồ: “Kính quý thần mà nên xa đó”. Phật đem chánh pháp giảng nói để chúng sanh khai phát chánh trí thể đạt chân lý, nên người Phật tử sống bằng trí huệ giới đức, chứ tuyệt đối không theo thói đòi mê tín. Nhân thiện tất được quả thiện. Nhân ác tất chịu quả ác. Nhân tà tất phải quả báo tà. Nhân chánh thì được quả báo chánh. Nhân quả báo ứng mảy may không sai. Người đòi nông cạn, bị hạn hẹp trong lợi danh, không vận dụng chánh trí trong đời sống, không chịu tu tâm dưỡng tánh hành thiện bố thí cúng dường, lại cầu xin xăm bói quẻ để cầu vận mệnh tốt. Hạng người như thế thật là mù quáng đại đột nhứt đời.

Vào một ngày nọ có một tín chủ giàu có, ngoài sở nhà đang ở giá hơn triệu mỹ kim, còn có năm bảy sở nhà cho mướn, với sắc mặt lo âu, thân hình tiêu tụy, lên chùa quỳ trước tượng Quán Thế Âm Bồ Tát lộ thiên khẩn vái xin xăm. Thường thì tín chủ khẩn vái xong sắc mặt bình thản an vui ẩn hiện rồi lặng lẽ ra về, không mấy khi muốn gặp tăng ni trong Phật Học Viện, có lẽ sợ phải cúng tiền chãng? Nhưng lần này thì khác hẳn, tín chủ tìm gặp vị tri khách với vẻ mặt lo âu, yêu cầu được gặp Hòa Thượng Giám Đốc để được thăm hỏi vài chuyện cần cấp. Tỳ kheo Quê Mùa tôi không có mấy khi tiếp khách thập phương mà phải dừng tay đang dịch kinh, để tiếp tín chủ. Vừa thấy mặt tôi, đôi mắt tín chủ như ứa lệ với giọng buồn rầu:

- Bạch thầy! Mấy hôm rày người con không được vui. Con vừa xin quẻ xăm xấu quá, xin thầy coi đùm và phải làm sao cho tốt?

- Để vừa lòng tín chủ, xem xong, quả tình lời xăm nói hạn vận không tốt. Nhân cơ hội này muốn độ cho người tín chủ mở tâm keo kiệt để biết gieo phước lành, nên Tỳ kheo quê mùa tôi hỏi: “Vậy tín chủ có tín sự linh cảm của đức Bồ Tát Quán Thế Âm không?”

- Bạch thầy con tin lắm. Mỗi lần có việc gì là con lên lạy cầu Ngài đều được kết quả tốt, nhưng lần này sao lòng con cảm thấy bất an, mà xăm lại xấu quá. Xin thầy chỉ cách cho con được an.

- Vậy thì nên phát tâm ấn tống kinh. Nhà gần Phật Học Viện, mỗi tối cố gắng về cùng với chư Tăng tụng kinh cầu nguyện để tiêu tai giải hạn. Nếu đến Viện không được thì ở nhà mỗi tối nên tụng kinh Phổ Môn hoặc kinh Dược Sư cầu nguyện.

- Dạ bạch thầy! Con bận lắm không thể tụng kinh được. Con lên đây cầu Phật bà cho con được có tiền vui vẻ, té ra xăm xấu thế này con đâu có tiền ấn tống kinh, làm việc phước thiện. Xin cảm ơn thầy, chào thầy con phải đi gấp.

- Tỳ kheo quê mùa tôi im lặng thương xót cho người tín chủ giàu có kia, đối với việc vun bồi phước đức quá ư khó khăn. Hai ngày sau nghe tin người tín chủ bị tai nạn xe vào nhà thương trong tình trạng bất tỉnh, tôi sững sốt nhìn lên tượng Phật bất giác bật tiếng thương than: Phải chi tín chủ biết phát tâm tụng kinh, niệm Phật, làm thiện thành tâm cầu nguyện, dùng phước đức để giải tai ương, chắc có lẽ vượt qua được tai nạn đáng thương tâm! Thế nên, những gì Phật dạy, chúng ta cố gắng làm thì nhất định sẽ được an lành hạnh phúc.

4- Phật huấn thị về cung cách và bốn phận người Phật tử.

CHÁNH VĂN:

Thọ trì năm giới Phật chế là người phước đức. Phạm làm việc gì nên khải bạch Tam Bảo. Phật huyền thông thấu suốt không việc nhỏ nhặt nào mà không biết.

LỜI GIẢI:

Lời kinh trên đây là Phật khai thị cho chúng ta. Những ai thọ trì năm giới, chuyên tâm tu tập thì mới chân thật là đệ tử Phật, nhất định là người phước đức trong nhân gian. Thọ trì ngũ giới tất nhiên được năm phước đức: 1/- Trường thọ. 2/- Giàu sang. 3/- Thanh tịnh ít bệnh. 4/- Mọi người kính tin. 5/- Trí huệ phước đức hơn người. Đại để các kinh luật đều nói tạo nhân tu trì ngũ giới thì được quả báo bằng phước đức như đây. Để hành vi thuần thiện, tâm ý thuần chân, Phật còn từ bi kỹ lưỡng chỉ giáo cho chúng ta phương pháp kiểm soát hành vi tâm niệm để tránh vọng tình huân tập bằng cách “khi hành sự, nên bạch Tam Bảo”, như niệm thông tam giới. Nhứt tâm chánh niệm quy y Tam Bảo, thì trừ diệt được nghiệp ba đời. Trọn đời y như thế thực hành, thì không nguyện nào mà không thành, không tâm hạnh nào mà không thanh tịnh, không quả vị nào mà không chứng đắc. Thành kính khải bạch Tam Bảo mỗi khi thi hành việc gì, thì cho dù làm việc “thế sự” cũng thành “Phật sự”, hạnh chúng sanh cũng thành hạnh Bồ Tát.

Thế nào là khải bạch Tam Bảo? Phật huyền thông huệ nhãn, tàng thân khắp pháp giới, không nơi chốn nào mà không ảnh hiện. Đủ thiện duyên thì Phật ảnh hiện suốt thông tất cả. Như ba động khắp trong không gian, đủ dụng cụ hợp tầng số là có diệu dụng thu nhiếp và ảnh hiện. Như không khí khắp trong vũ trụ có năng lực nuôi sống muôn loại. Nên kinh nói: “Phật huyền thông thấu suốt, không việc nhỏ nhặt nào mà không biết”. Khải bạch Tam Bảo là đến trước tượng Phật đốt tâm hương thành kính bạch lên những việc sắp làm, mong đức Phật từ bi gia hộ cho bề bề tâm kiên cố thuận duyên hành đạo; vận dụng hết tâm niệm hành vi thực hành thì đúng như lời Phật dạy trong kinh điển là khải bạch Pháp bảo; thỉnh ý sư trưởng, thảo luận với người đạo đức là khải bạch Tăng bảo. Làm như thế trước khi thi hành thì nhất định việc làm hợp với lý tánh lương tâm, tự nhiên cảm ứng đạo giao cùng với huyền thông chư Phật.

CHÁNH VĂN:

Người có giới đức thì chư thiên thiện thần tận lực kính hộ, chư thiên hóa hiện để phục dịch, trời rồng quỷ thần đều kính phục. Tôn quý giới luật xưa nay chưa có điều chẳng cát tường, đâu phải lo ngại điều chẳng lành ư?

LỜI GIẢI:

Ở đây đức Phật dạy, tất cả hành vi tâm niệm chỉ có hành vi tâm niệm đạo đức giới hạnh là rất được chư thiên quỷ thần tôn sùng kính hộ. Người có lòng chuyên trì giới pháp của Phật, tâm đắc giới pháp là người đạo đức. Đạo đức tùy thuộc tâm chánh cần tu học, ngày ngày tinh tiến thăng cao, chư thiên thiện thần cùng nhau ra sức ủng hộ người đạo cao đức trọng một lòng giữ giới hoàng đạo, nên kinh nói: “Người có giới đức chư thiên thiện thần tận lực kính hộ”.

Chẳng những được chư thiên thiện thần kính hộ, mà các vị ấy còn hóa hiện thân để hầu hạ phục dịch. Như đời nhà Đường Trung Hoa có cư sĩ Lý Thông Huyền và ngài Thích Đạo Tuyên luật sư là những người được thiện thần hóa thân trường kỳ hộ trì phục dịch. Những chuyên thiên thần hóa hiện hộ trì phục dịch người chuyên trì giới luật đạo đức thì nhiều, có ghi rõ trong bộ Cao Tăng Truyện. Tám bộ quỷ thần sở thuộc Tứ thiên vương vâng lệnh Trời Đế Thích có bốn phận cung kính ủng hộ người tinh nghiêm giới hạnh, nên kinh nói: “Chư thiên hóa hiện phục dịch, trời rồng quỷ thần đều kính phục”.

Đức Phật trước giờ vào Niết bàn còn ân cần dặn dò lần chót: “Giới pháp còn thì đạo pháp còn. Dù cho ta có ở đời ngàn vạn năm mà đệ tử ta không chuyên tâm thọ trì giới pháp, thì sự có mặt của ta trên cõi đời chẳng lợi ích gì. Người tôn trọng thọ trì giới pháp mới thật là đệ tử của ta, sẽ gặp ta trong cảnh giới ư”. Thế nên, giới pháp chính là cương lĩnh, là mạng sống của đạo pháp vậy. Nên trong Giới Kinh nói: “Phải kính trọng giữ gìn giới luật như giữ gìn đôi tròng con mắt. Giới như đèn sáng lớn soi sáng đêm tối tăm. Giới như ngọc ma ni cứu giúp kẻ đói nghèo. Giới như thuyền bè tốt đưa người qua biển khổ”. Giới luật có năng lực đưa con người thánh thiện thăng tiến, nên kinh đây nói: “Tôn quý giới luật xưa nay chưa có điều chẳng kết tường”.

Thế mà có người không hiểu năng lực thần diệu của giới luật, nên khi nghe nói thọ trì giới luật Phật chế thì liền nghĩ ngay là thọ giới thì bị gò bó mất tự do. Họ còn trề môi cho rằng, thời đại văn minh này giới luật không còn thích hợp nữa. Thực tế nghĩ cho kỹ, không giới luật là không đạo đức, không hạnh phúc tiến bộ. Bằng chứng kẻ trộm cướp, xì ke ma túy là những kẻ không tuân pháp luật, nên tâm trí họ lúc nào cũng lo sợ bị phát giác, hành vi họ lúc nào cũng lén lút, có tự do thanh thản đâu? Cha mẹ con cháu không sống theo luật hiếu hòa tôn ty thì gia đình sẽ tan gia bại sản. Người dân không sống trật tự hỗ tương, không tuân theo luật nước thì quốc gia sẽ loạn lạc thống khổ. Kẻ lái xe trên xa lộ không theo luật sẽ gieo rắc tai nạn tan thân mất mạng. Người

học Phật, nhất là người xuất gia mà không tôn trọng giữ gìn giới pháp thì cho dù tận lực hoạt động Phật sự, kết quả chỉ gây đổ vỡ cho Phật pháp và tăng đoàn mà thôi. Thế nên nhớ vâng theo lời Phật dạy, tôn trọng chuyên trì giới luật thì được cát tường, như kinh đây nói: “Tôn quý giới luật... đâu phải lo ngại điều chẳng lành ư?”

CHÁNH VĂN:

Đạo thì bao la trùm che khắp đại địa, kẻ không thấu đạt lý này, lại tự làm chướng ngại cho chính mình.

LỜI GIẢI:

Đạo ở đây là chỉ cho chân như, bản tánh chân tâm. Muốn đạt bản tánh chân tâm thể nhập lý đạo thì phải đoạn vọng tâm mê hoặc mới minh tâm kiến tánh, đạt thành tâm lượng bao la. Phật pháp thường nói chân tâm như hư không, phiến não như đám mây ở hư không. Chân tâm bao la không biên giới, không nhiễm trước, nên tâm chư Phật Bồ Tát độ sanh không chướng ngại. Với lòng đại bi trí giác ngộ vô biên, nên các ngài thấy tâm chúng sanh là tâm mình, thân chúng sanh là thân mình, khổ vui của chúng sanh là khổ vui của mình, mình với chúng sanh không hai, nên các ngài tự tại trong đại nguyện độ sanh. Cũng như hư không bao trùm vạn vật, hư không chẳng thấy chật, vạn vật của ngoài hư không. Nên kinh nói các pháp không ngoài tâm. Người đời không hiểu lý này nên chấp lấy tiêu tâm phàm phu mà bỏ đại tâm Phật tánh, nên phải sanh tử luân hồi khổ đau kiếp kiếp. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Tánh chân giác thanh tịnh hồn nhiên khắp trùm pháp giới tùy theo nghiệp lực chúng sanh mà nhận biết tâm đó”. Do vọng niệm tà kiến của chúng sanh đắm nhiễm cảnh trần mộng huyễn, nghiệp chướng xa dần đại thể chân tâm, thấy mình khác Phật, tâm mình khác tâm Phật, nhận giả làm chân, tách rời bản thể Phật tánh bao la thanh tịnh giác ngộ giải thoát. Như bọt nước trong biển cả, như không khí trong bình, như vàng làm thành đủ loại sắc tướng nữ trang rồi danh xưng cũng theo đó có khác, đâu biết mình vốn là đại thể của nước biển cả, mình vốn là đại thể không khí vũ trụ bao la, mình vốn cùng là một loại tinh ròng vàng khối. Thế nên kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Diệu minh chân tâm như nước trong biển cả, bỏ đại thể nước trong, chỉ nhận thấy một bọt nước mà cho là toàn thể nước biển cả”. Có đáng thương cho chúng sanh quá đời mê lầm không? Tự bỏ quên chân tâm Phật tánh bao la tự tại, để đuổi bắt chấp chặt phàm tâm tục lụy nhỏ hẹp buộc ràng! Có khác nào đứa con sanh trong nhà giàu sang quyền quý lại bỏ đời sống sang trọng hạnh phúc để theo sự cám dỗ của bạn ác rượu chè hút sách để rồi cam chịu sự đói rách lang thang. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm Phật và tâm chúng sanh không sai khác. Mê là chúng sanh, ngộ là Phật”. Chúng ta sanh ra đời không gặp Phật là điều thiếu phước duyên, một nạn trong tám nạn “Phật tiền, Phật hậu”. Nhưng còn may mắn gặp được giáo pháp của Phật, thấy được các bậc chân tu đạo đức, thì phải nên phát tâm học đạo Bồ đề, thọ trì giới pháp, tinh tấn tu tâm sửa tánh làm lành. Tham đắm dục lạc thế gian mà chi, ra đời bằng hai

bàn tay trắng, khi từ giả cuộc đời cũng chỉ hai bàn tay trắng mà thôi. Cổ nonh đã khuyên ta:

Đời sống chẳng đầy trăm

Lòng hằng lo ngàn năm

Thế gian mộng huyễn khổ

Sao chẳng tâm tu hành.

CHÁNH VĂN:

Việc thiện ác do tâm người làm. Họa phước đều do người tạo. Thiện ác phước theo người như bóng theo hình, như vang theo tiếng.

LỜI GIẢI:

Đến đây, đức Phật thuyết giảng rõ ràng, thiện ác do tâm người tạo, họa phước theo sát với người. Tâm tạo nhân, thân chịu quả, quả xúc tác thành nhân, thân tác dụng lại tâm, hình thành nhân quả tương tục, thân tâm tương tác buộc ràng với nhau không chạy trốn đau khổ. Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: “Đệ tử vốn tạo các ác nghiệp, đều do vô thi tham sân si, ừ thân miệng ý mà sanh ra”. Ác nghiệp hay thiện nghiệp đều do thân miệng ý tạo. Muốn được phước báo, mà cứ mãi tạo ác nghiệp thì làm sao tránh được tai ương họa nạn? Tham vọng không cùng mà lại than trách đất trời, oán hận tình đời? Qua đoạn kinh trên, ta thấy lòng từ bi của đức Phật vô lượng vô biên, không phước lành nào mà Ngài không giảng nói, không việc tiến bộ lợi ích nào mà Ngài không khuyên nhủ, không cội nguồn ác trược nào mà Ngài không trình bày, không pháp môn tu hành nào mà Ngài không khai thị, thế mà chúng sanh như mù như điếc mãi miết dong ruổi.

Sáng chạy tây, rồi tối chạy đông

Đời người dong ruổi tựa như ong

Trăm hoa hút nhụy về làm mật

Rốt cuộc thân tàn một kiếp không.

Không nghe theo lời Phật dạy để tu tĩnh tiến thân trên đường hạnh phúc giác ngộ giải thoát, lại mãi đắm chìm trong dục tình danh lợi thế gian là cố ý phớt lờ đối với hảo ý bi nguyện hóa độ của Phật, phản bội tánh linh tự quy y Phật của mình. Cũng như con không nghe lời cha mẹ khuyên dạy để lo học hành tiến thân lập nghiệp, lại nghe theo bạn ác rượu chè cờ bạc là con bất hiếu ngộ nghịch. Người dân không biết nghe theo

tiếng gọi của non sông, sĩ phu hữu trách theo gương các bậc anh hùng trung thành phục vụ dân tộc xứ sở lại vì quyền lợi riêng tư chạy theo ngoại bang là kẻ phản quốc. Kẻ quên lời Phật tha thiết khuyên dạy là kẻ bất hảo, tự mở cửa vào nẻo luân hồi trầm luân. Con không nghe lời cha mẹ dạy bảo là con bất hiếu, tự mình chiêu mộ bạn ác hư đốn khổ nghèo. Dân không theo gương các bậc anh hùng dân tộc để tận trung phục vụ xứ sở quê hương là người dân bất lương vong bản, lập ác đảng tà thuyết làm đổ nát quê hương gây đau thương dân tộc thì sử sách đời đời ghi đó là kẻ phản quốc phi nơn. Tận trung hay vong bản, hiếu nghĩa hay phản bộ, tất cả đều do tâm tạo. Tâm nhẹ lợi danh thì được thanh nhàn tự tại có dịp gần thiện tri thức người hiền đức, gặp Phật gặp thánh. Ngược lại thì gặp ác nơn hoạn nạn tai ương, yêu ma dẫn đường đưa đến đọa lạc. Nên kinh Hoa Nghiêm đã xác định tất cả khổ vui thánh phàm đều do tâm: “Nếu người muốn thấu rõ ba đời tất cả các đức Phật thì nên quán tánh của pháp giới, sẽ thấy rõ tất cả đều do tâm tạo. “Nhược nơn dục liễu tri, tam thế nhứt thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhứt thiết duy tâm tạo”. Nhưng khổ thay, Phật đem trọn cuộc đời hết lời khuyên giảng, kinh điển chỗ nào cũng có, cửa chùa rộng mở khắp chốn cùng nơi, nhưng không mấy người đời bước vào để nghe đạo nhiệm mầu giải thoát, mà cứ đua chen nhau vào chỗ đèn mầu huyền ảo dục lạc trần gian! Phật Tổ đã phải rơi lệ than thở: “Niết bàn hữu lộ vô nơn đáo. Địa ngục bế môn hữu khách tầm”. Phật pháp nói Bồ Tát sợ nơn, chúng sanh sợ quả.

CHÁNH VĂN:

Người có giới hạnh là có đạo đức ứng hợp với chân tánh tự nhiên, chư thiên hộ trì, sở nguyện không trái ý, cảm động mười phương, đức tánh bằng trời, vun bồi công đức vĩ đại, thánh hiền ngợi khen, khó có thể nghĩ bàn.

LỜI GIẢI:

Đức Phật hết lời khen ngợi người có giới hạnh. Có giới hạnh là công đức sâu rộng lớn như trời biển, đồng thời Phật cũng khuyến khích mọi người nên phát tâm tu trì giới pháp. Học Phật phải nhận rằng phạm chi trì giới cho riêng mình là tiêu thừa giới, tiêu thừa tâm. Tự mình thọ trì giới pháp mà còn nghĩ đến làm lợi ích chúng sanh, khuyến khích chúng sanh cùng với mình phát tâm tu tập Phật pháp là đại thừa giới, đại thừa tâm. Người trì giới, đồng thời phát từ bi tâm làm lợi ích chúng sanh tự nhiên cùng với Phật Bồ Tát cảm ứng tương giao, được chư Phật Bồ Tát tùy duyên hiện tướng, tâm nguyện tương ưng cùng đại thể bản tánh Phật chúng sanh thanh tịnh, nên kinh đây gọi là “ứng hợp bản thể chân tánh tự nhiên”.

Lại nữa, Bồ Tát độ sanh tùy duyên hiện tướng, tùy căn cơ nghiệp thức chúng sanh thích hợp thân hình gì thì các ngài hiện tướng “đồng sự, lợi hành” theo Tứ nhiếp pháp mà không trái với bản thể chân tánh tự nhiên. Nếu người học Phật hiểu được nghĩa lý này thì chỉ cần tự thân chuyên trì giới luật, tinh tấn làm việc phước đức, chẳng phải

cần cầu thần linh tự nhiên cảm ứng chư Phật Bồ Tát Thiên Long Bát Bộ hộ trì, không tâm nguyện nào mà không thành, không đạo hạnh nào mà không viên mãn. Tức là người chuyên trì giới luật với tâm lượng vị tha, thường nghĩ tưởng đến lợi ích của chúng sanh, xả thân hành đạo thì tất nhiên được chư Phật Bồ Tát Thiên Long Bát Bộ hộ niệm, nên việc làm khởi đầu dù gặp phải bất cứ nghịch duyên ma chướng, nhưng sau đó thuận tâm như nguyện. Muốn đạt đến hữu cầu tất ứng, thì tâm phải đồng tâm Phật, miệng nói lời Phật nói, thân làm các hạnh Phật làm, tự hành hóa tha, như thể nhứt định cảm động mười phương pháp giới, tâm hạnh xưng tánh, vô vi vô tác, rạng ngời như nhứt nguyệt, đem nguồn âm mát cho vạn loại sanh trưởng, cùng với vạn vật dung hợp đồng nhất thể.

Do chánh tâm chuyên trì giới pháp, thành ý tu thiện, lợi ích chúng sanh, từ đó có được công đức tự lợi lợi tha to lớn, cảm đến thành hiền thế gian và xuất thế gian đều tán thán hộ trì bất tận, nên kinh đây nói: “Cảm động mười phương, đức sánh bằng trời, vun bồi công đức vĩ đại, thành hiền ngợi khen, khó có thể nghĩ bàn”. Người tu học Phật chỉ biết năng lực của sự trì giới và công đức hoằng pháp làm thiện chuyển động đến chư Phật Bồ Tát Thiên Long. Nên năng lực thần thông có, khi nào chính lòng ta thật sự thanh tịnh làm việc công đức chứ không phải chạy tìm bên ngoài nhờ thần linh, hồn tinh quỷ mị giáng điển dựa thế lực người này kẻ khác để tu hành phụng sự Phật pháp. Như thế là tà pháp chứ không phải là chánh pháp.

CHÁNH VĂN:

Kẻ trí hiểu sự đạt lý trọn đời không rơi vào đường tà, khéo y như lời Phật dạy thì có thể đạt đạo giải thoát.

LỜI GIẢI:

Trên đây là lời Phật khai thị cuối cùng trong bốn kinh này. Phật dạy rằng chỉ có kẻ trí mới thấu rõ thân mạng mình, mới thành tâm thật ý phụng hành lời Phật dạy. Ở đây Phật gọi kẻ trí tức là chỉ cho người trí tuệ rõ sự đạt lý, đạo hạnh khiêm cung. Thấu rõ thân mạng tức là đạt mạng, tức là hiểu rõ y báo chánh báo mà mình đang sống. Nói cách khác là nhận rõ thân thể, tâm trí và hoàn cảnh mình đang sống. Tức là thông đạt lý nhân duyên sanh các pháp, nhân quả báo ứng tự nhiên, mà người đời thường gọi là thiên mạng, và thói quen quan niệm là trời đã định vậy rồi.

“Trọn đời không rơi vào đường tà”. Do rõ sự đạt lý, thông hiểu y báo chánh báo của mình do nghiệp quả nhân duyên chứ không phải thần linh tinh quỷ ban phước giáng họa, nên trọn đời không bao giờ nghi ngờ mê hoặc theo tà thuyết tà thân mê tín dị đoan để phải rơi vào quỷ đạo mê hoặc của hạng tà kiến tà hạnh mù quáng cầu được an lành hạnh phúc hoặc cầu được tiên thiên ân điển ban huệ. Người trí tuệ là người nhân lấy trách nhiệm hiện đời mình đang sống, và y theo lời Phật dạy tu tâm sửa tánh, cố gắng

tạo nhân lành thiện để có được quả an lành sáng sủa hiện đời và đời sau, chứ không bao giờ oán trời trách người, hay lười nhác tu dưỡng mà ước mong quả tốt.

“Khéo ý như lời Phật dạy thì được đạt đạo giải thoát. Chữ khéo ở đây tức là sau khi nhận định đạo lý rõ ràng, y theo lời Phật dạy, chọn pháp môn tu hành, thích hợp căn tánh hoàn cảnh của mình, quyết tâm trì tải giữ giới, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ các công đức lành, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, thiết tha tam vô lậu học tinh tấn hành trì giới, định, huệ ngày thêm kiên cố, để xứng tánh tự tại vô ngại với chúng duyên như thuyền lướt sóng, ấy là lái thuyền đời lướt trên sông mê bể khổ xuôi mái về bến giác. Nên kinh đây nói là “khéo y như lời Phật dạy thì đạt đạo giải thoát”. Tức là thành tâm thiết ý y giáo phụng hành vậy.

Nếu người tại gia cũng “khéo y như lời Phật dạy” chuyên tâm tinh tấn hành trì thì cũng chúng được đại đạo bồ đề xuất thế gian, thành Bồ Tát, thành Phật. Xưa nay đã biết bao người y theo lời Phật dạy phát tâm chánh niệm tu hành gặt hái kết quả hiện đời được an lành, khi từ giả cõi đời này được sanh về cảnh giới giải thoát. Khi đọc xong kinh đây, chúng ta mới thấy người tại gia cũng như xuất gia không có gì trở ngại về phương diện hành đạo, miễn là như lý như pháp, khéo y theo lời Phật dạy thì sẽ có đời sống mỹ mãn hạnh phúc tiến bộ, hiện đời tăng thêm giá trị tôn kính an lạc đời sau sẽ được quả báo thánh thiện.

Tiếp theo dưới đây nói về tôn giả A-Nan sau khi được đức Phật bốn lần khai thị ở bốn đoạn kinh trên, tự mình cảm thấy được phước duyên may mắn gặp Phật nghe pháp thấu hiểu lời Phật giảng truyền cảm nhận được nguồn an lạc vô biên. Tôn giả lại nghĩ đến những chúng sanh thiếu phước duyên không được gặp Phật nghe pháp, khó tránh khỏi mê lầm tà tâm tạo ác nghiệp, tôn giả động lòng thương xót chúng sanh mà cầu thỉnh Phật trụ ở đời, đây là nhờ nghe pháp mà được tâm đắc.

Đoạn năm: A-Nan biết mình có phước duyên gặp Phật, thương xót người đời nhiều nghiệp tội ít lòng tin.

1.- A-Nan biết mình được phước duyên gặp Phật ở đời.

CHÁNH VĂN:

A-Nan nghe Phật thuyết xong, sửa lại y áo chỉnh tề, đầu mặt cúi sát đất bạch Phật: “Tuy nhiên cúi xin đức Thế Tôn, chúng con có phước duyên được gặp đức Như Lai, khắp cho ân đức lớn lao, mong Ngài thương nghĩ đến tất cả chúng sanh, vì họ mà làm ruộng phước, khiến cho họ được thoát khổ”.

LỜI GIẢI:

Đoạn kinh đây cho ta thấy, sau khi tôn giả A-Nan nghe Phật bốn lần khai thị chỉ dạy xong, Ngài sửa y áo chỉnh tề rồi gieo đầu mặt lạy sát đất, lòng nghĩ đến chúng sanh đời sau, nên đem tâm thành khẩn thưa với Phật, để cho chúng sanh được lợi lạc. Sửa y áo chỉnh tề, nắm vóc đầu mặt chun tay thân thể lạy sát đất là biểu lộ cử chỉ và tâm ý rất mực tôn kính cảm tạ lượng từ bi giáo hóa của Phật.

Người đời quan niệm đỉnh đầu là cao quý nhất, kế đến là thân thể. Nên nói thương cha mẹ nơi tâm, thờ cha mẹ trên đầu. Đỉnh đầu là chỗ cao khiết thiêng liêng, chỉ đối với bậc tôn kính nhất mới cúi đầu sát đất lạy. Vậy mà Thường Bất Khinh Bồ Tát gặp bất cứ ai Ngài cũng cúi đầu xá lạy miệng nói: “Xin kính lạy ngài, ngài là vị Phật tương lai”. Làm như vậy, dù bị người đời cho là khùng điên, khinh mắng, rượt đánh, Bồ Tát cũng vẫn làm y như vậy mỗi khi gặp bất cứ ai. Bởi dưới mắt Bồ Tát, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều đáng kính trọng. Ngày nay dù họ có mê muội trong đục vọng làm kiếp chúng sanh, nhưng một kiếp nào đó trong tương lai, họ sẽ tu hành giác ngộ. Đem đầu mặt lạy sát đất ngoài ý nghĩa hết mực tỏ lòng cung kính ra còn có ý nghĩa là tự diệt trừ tâm ngã mạn của mình.

“Tuy nhiên cúi mong đức Thế Tôn chúng con có phước duyên được gặp đức Thế Tôn trong đời”. Câu này tôn giả A-Nan biểu lộ lòng tôn kính tuyệt đối tin thọ lời khai thị của đức Phật, không còn có điều gì nghi ngờ. Nhưng ở đây A-Nan mở đầu lời bạch Phật bằng chữ “Tuy nhiên” mang ý nghĩa: Chỉ cho tất cả chúng sanh những người chưa có thiện duyên nghe Phật khai thị, không tin Phật pháp, A-Nan mặc nhiên đại diện thưa Phật thương xót đến họ. A-Nan lạy bạch Phật mở đầu bằng chữ “Tuy nhiên cúi xin đức Thế Tôn...” còn nói lên ý nghĩa: Con và đại chúng trong pháp hội đây nhờ tu bồi phước đức thâm sâu, nên đời này mới có cơ duyên gặp Phật nghe pháp. Còn thân phận của các chúng sanh thiếu thiện duyên không gặp Phật thì chắc phải chịu đọa đày trong tam tối lâu dài khó có ngày gặp đức Như Lai. “Mong Ngài trải lòng từ bi bình đẳng nghĩ thương tất cả chúng sanh đó, khắp vì họ mà làm vô thượng ruộng phước để cho họ có cơ duyên gieo hạt giống Bồ đề”. Bất cứ ai, hãy thành tâm y theo lời Phật dạy mà tu tâm sửa tánh thì nhất định phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Đừng tìm đạo ở nơi nào ngoài ta. Đạo tại tâm, Phật tại tâm. Tâm thanh tịnh là đạo, là Phật, là giác ngộ giải thoát. Tâm không thanh tịnh dù có chạy rong tin theo ông kia xưng là Phật sống, bà nọ xưng là Bồ Tát tái thế cũng vô ích chẳng được gì, lắm lúc trở thành kẻ cuồng loạn. Tổ Ấn Quang nói: “A-Di-Đà là phước điền thứ nhất, niệm Phật vãng sanh là đại phước điền. Kẻ thiện căn lợi trí tin sâu chuyên trì lời Phật dạy, Tổ khuyên chân thật, tuyệt đối muôn đời không hư dối”.

2.- A-Nan xót thương người đời nhiều ác, kém đức tin.

CHÁNH VĂN:

Lời Phật dạy chí chân chí thiết, mà người tin Phật quá ít oi, đời này xấu ác nhiều, chúng sanh nguyên rửa lẫn nhau, thật đáng đau lòng lắm vậy! Nếu có tin lời Phật cũng chỉ một hoặc hai thì làm sao hoán cải cõi đời ác trược này, nên mới tội tệ đến như thế.

LỜI GIẢI:

Đây là lời thương than của tôn giả A-Nan đối với chúng sanh trong đời này, nhiều xấu ác kém lòng tin. Lời Phật dạy thống thiết chân thật như trong pháp hội Bát Nhã, đức Phật nói với trưởng lão Tu Bồ Đề rằng: “Lời nói của Như Lai là chân thật ngữ”. Chân là không giả dối, không có hư vọng. Thật là không có mị ngụy. Chân thật ngữ là lời nói đúng như sự thật, như chân lý, hợp với căn cơ, trước sau duy nhất, không mâu thuẫn sai khác. Suốt 49 năm thuyết pháp độ sanh, lời nào lời nấy của Phật nói ra đều hợp chân lý căn cơ, chẳng những khế hợp thời Phật tại thế cách đây gần ba ngàn năm, mà cho đến ngày nay thời đại tối cực văn minh, giáo pháp của Phật vẫn là ngọn đèn soi tỏ cho những phát minh tiến bộ của nhân loại về mọi phương diện liên hệ nhân sanh vũ trụ và hạnh phúc tiến bộ. Thế nên tin theo lời Phật dạy mà hành trì thì nhất định được an vui tiến bộ. Nhưng người đời vô minh vọng tâm loạn tưởng không tin không hành, nên tự tạo cho mình phiền khổ, lại còn gây đau thương đổ vỡ cho người khác. Tôn giả A-Nan thống thiết than: “Mà người tin Phật quá ít oi!”.

Nhưng tại sao đời lại ít người tin giáo pháp của Phật? Đây, chúng ta hãy nghe tôn giả A Nan xót thương người trần thế mà trầm thống thương than: “Đời này xấu ác nhiều, chúng sanh nguyên rửa lẫn nhau, thật đáng đau lòng lắm vậy!” Người trong cõi đời phần nhiều tạo mười nghiệp ác do thân miệng ý, nên nguyên rửa lẫn nhau, tổn hại lẫn nhau, đây là điều đáng thương đáng tội nghiệp của nhân thế. Đã vậy, người đời thích tin giả tin tà, không tin chân thật, nhận giả làm chân, không chịu tin điều chân thật. Đây là hành vi ngu muội của chúng sanh, do ít thiện căn, phước đức mỏng, phiền não sâu dày, nghiệp chướng trầm trọng mà tạo thành. Cho dù họ có gặp chánh pháp và thiện hữu tri thức đi nữa, thì ngay đó họ cũng nảy sanh tà tâm, theo tà làm quấy, thật đáng thương, đáng tiếc lắm! Nên kinh đây nói: “Nếu có tin lời Phật cũng chỉ một hai mà thôi”. Đây là chỉ số lượng chúng sanh chân chánh tin lời Phật dốc lòng thực hành quá ít, vạn người chỉ được một hai mà thôi. Điều này chính như ngài Tu Bồ Đề trong pháp hội Bát Nhã cũng đã thưa với Phật: “Bạch đức Thế Tôn, có rất nhiều chúng sanh được nghe những lời đức Phật giảng nói như thế rồi, họ có sanh lòng chân thật tin không?” Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: “Ông chớ nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm sau, có người trì giới tu hành, đối với lời dạy của ta mà hay sanh tín tâm, điều này là thật”. Thời đại của chúng ta đây cũng thuộc về năm trăm năm sau Phật diệt độ, người chuyên tâm chánh tín trì giới tu hành, trong chuyên cầu tam vô lậu học giới định huệ, ngoài tu thập thiện, lục độ cũng có, nhưng con số thật hiếm hoi. Họ có tin Phật đọc kinh sách. Nhưng phần nhiều đọc để thỏa trí óc tìm hiểu rồi lý luận, chứ tâm tánh không thấm nhuần lời Phật dạy. Nghĩa là trí có tăng trưởng mà tâm tánh vẫn phạm thường. Nên đối với những

người chân tâm chánh hạnh, Phật nói: “Nên biết người này, không phải chỉ đời nay hay tin lời Phật nói, mà đời ở một vị Phật đều trông thiện căn, cho đến ở vô lượng ngàn vạn Phật cũng đã trông thiện căn, nghe kinh điển Phật, khởi niệm thanh tịnh tín, được vô lượng phước đức”. Nghĩa là Phật diệt độ năm trăm về sau, như thời đại chúng ta đang sống đây, vẫn có người thanh tịnh tín tâm trì giới tu phước đức, tuy số lượng ít ỏi, nhưng vẫn có, thì biết hạng người này đã nhiều đời gặp Phật, nghe thấy kinh điển giáo lý của chư Phật.

Số lượng chân tâm chánh tín tu hành ít ỏi, trong lúc đó các loại trùng môi cỏ gai trong Phật pháp lại nhiều, tránh sao khỏi khuấy nhiễu sự tử kiên thế, hệ hại vườn hoa đạo pháp. Trong Phật pháp còn phải sự tử trùng, còn có gai nhiễu hại nhan nhãn, huống hồ là thế gian đầy đầy ác trược, đạo đức ngày một suy đồi, luân lý bại hoại? Thế nên tôn giả A-Nan thương than cho phong hóa nhân gian suy tàn băng hoại: “Thế gian ác trược như vậy bảo sao mà không tôi tệt đến thế!”.

3.- A- Nan thương xót chúng sanh mà cầu Phật trụ lâu ở đời.

CHÁNH VĂN:

Sau khi Phật diệt độ, kinh pháp tuy còn mà không có người tin, rồi dần dần suy tàn tán diệt! Than ôi! Đau lòng lắm thay! Sẽ phải nương cậy vào đâu, cúi xin đức Thế Tôn vì thương xót chúng sanh mê tối lắm lạc, chưa nên vào Niết bàn.

LỜI GIẢI:

Đây là lời nói tôn giả A-Nan trầm thống thốt lên từ cõi lòng thương xót chúng sanh dày đặc vô minh mê chấp tham dục tạo thành khổ nạn, cầu xin Phật lưu trụ ở đời lâu thêm để giáo hóa cứu độ quần mê. Đức Phật ra đời là ứng hóa thân rồi thị hiện tịch diệt, còn pháp thân thường trú thì bất biến khắp pháp giới. A-Nan lo ngại sau khi Phật tịch diệt Niết bàn rồi, kinh điển mang chứa phương pháp tu hành vẫn còn trên thế gian này, nhưng e sợ không có người chân tâm chánh niệm tin thọ hành trì, như thế thì chánh pháp của Phật sẽ từ từ bị suy vi đến chỗ tuyệt diệt.

Căn cứ pháp vận Phật pháp, thì một ngàn năm sau Phật Niết bàn, gọi là thời kỳ chánh pháp, người tin Phật chánh tâm, chánh tín, chánh hạnh thọ trì giới pháp còn nhiều, tu chứng cũng nhiều. Đến hai ngàn năm sau Phật Niết bàn thì gọi là thời kỳ tượng pháp, cách Phật xa dần, kinh điển lưu truyền pha lộn sai lầm dần dần nhiều, nhưng vẫn còn không tí người tu hành thiên định, an lạc trong thiên định. Đến hai ngàn năm sau Phật Niết bàn gọi là thời kỳ mạt pháp, cách Phật lâu xa, người tu học dần dần ra ngoài chánh pháp, không như chánh pháp, chỉ thích luận bàn mưu toan danh lợi, nên số lượng chứng đắc chẳng được là bao gọi là phạm vượt thánh, ta đa chánh thiếu. Lại còn có nạn quyền thuộc của ma vương giả dạng đệ tử Phật tu hành tự xưng chứng thánh, mê hoặc lòng

người, tạo thành lớp người loạn tâm mê tín ùn ùn a dua tin theo, tưởng đó là Phật thánh hiện thân giáng thế. Điều hiển nhiên và thanh hành trong thời mạt pháp là pháp môn tu thiền, khó phân biệt được đâu là thiền Phật thiền ma. Chánh tà lẫn lộn khiến cho người tu dễ nhầm lẫn đưa đến tình trạng cuồng tâm tán trí mà nhà thiền gọi là tẩu hỏa nhập ma. Nhưng may thay còn pháp môn Tịnh độ, phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu vãng sanh Cực lạc là cái phao duy nhất để cứu người trầm luân trong thời mạt pháp, nên số người tu Tịnh độ không phải là ít và số người vãng sanh không phải là hiếm.

Quán nhìn toàn suốt pháp vận và thế vận thì đích thực như lời tôn giả A Nan đã tiên tri: “Từ từ suy tàn tán diệt”. Quả thật chúng ta ngày càng thấy rõ ràng, tà sư ma đạo người đời đua chen nhào vô với lòng tin mạnh mẽ tạo thành phong trào, trong lúc chân sư chánh đạo thì người đời lại ít thích ít tin. Tôn giả A-Nan than: “Than ôi! Thật đau xót lắm thay!”. Trên là đau xót Phật pháp suy tàn, giáo hóa không người tin theo thực hành, dưới là đau lòng thấy chúng sanh mê vọng trong lợi danh giả huyền, đua đỏi theo tà sư tà pháp tự tạo khổ, không có cách nào cứu độ được. Phật pháp là ánh sáng dẫn đạo hạnh phúc cho nhơn loại, mà nhơn loại không tin, Phật pháp suy vi thì chúng sanh ngu muội khổ nạn, từ đây về sau còn biết nương tựa vào đâu để được an lành hạnh phúc?

Phật là con mắt của thế gian, là ruộng phước điền của chúng sanh, bậc đạo sư của muôn loài, A-Nan thỉnh Phật ở lâu trong đời làm nơi nương tựa cho chúng sanh, giáo hóa để cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, cái vui Niết bàn tịch tĩnh viên mãn thanh tịnh. Văn trường hàng của kinh đến đây là kết thúc.

Tiếp theo sau đây tôn giả A-Nan nói hai mươi tám bài kệ. Trước khi giảng hai mươi tám bài kệ này, tưởng cũng nên lược nói kinh Phật gồm có mười hai thể loại mà thuật ngữ thường gọi là mười hai phần giáo hay mười hai bộ kinh. Nếu đứng về thể tài quy nạp mà nói thì kinh Phật không ngoài ba thể loại trường hàng, kệ tụng và mật chú.

1- Trường hàng thuộc về tán văn, phát huy nghĩa lý tận trí châu khắp viên mãn.

2. Kệ tụng thuộc thể thi ca, nhưng không chú trọng luật tắc hợp vận bình trắc. Kệ tụng có nhiều thể hoặc ba chữ, bốn chữ, năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, chín chữ, tuy không luật tắc nghiêm khắc như thi ca, nhưng loại câu ba chữ, bốn chữ, năm chữ v.v... cứ bốn câu là một bài kệ, có thể hòa khúc hợp ca, nhằm mục đích tóm tắt tinh nghĩa kinh trường hàng để hành giả dễ tụng dễ nhớ dễ thuộc, dễ thâm nhập lý kinh từ cạn vào sâu, tiềm tàng công năng tự nhiên hoá cái tam nghiệp của hành giả trên đường thánh thiện. Kinh này là thể loại ngũ ngôn, tức là loại câu năm chữ.

3- Mật chú. Kinh này tuy không có mật chú, nhưng thường là các chú Đại Bi, Vãng Sanh, Lục Tự đại minh chân ngôn v.vv... người Phật tử ai cũng biết. Đại để mà

nói thì mật chú bảo tồn cổ âm, ngữ âm của Phật thánh còn mang tên các thiện thần trong pháp giới, nên ngữ âm của mật chú phần nhiều hàm chứa ngôn ngữ của lục đạo chúng sanh rất nhiều nghĩa lý. Do vậy mật chú thường để nguyên âm không dịch nghĩa, ai nấy đều quen, mặc nhiên tiếp thọ, thành tâm tụng niệm đều được linh nghiệm lợi ích. Mật chú vì không dịch nghĩa, để nguyên âm tụng đọc, mặc nhiên tín thọ, hành giả cảm nhận thần lực uy linh của mật chú, vì thế nên cũng gọi mật chú là thần chú, là chân ngôn. Chẳng hạn như Lục tự đại minh chân ngôn “Án ma ni bát mi hồng”. Các cổ đức đại sư đều giải thích đại ý rằng:

Án, nghĩa là thân, là pháp thân trùm khắp pháp giới.

Ma ni, nghĩa là liên hoa thanh khiết

Bát mi, nghĩa là bảo trì, giữ gìn

Hồng, nghĩa là tâm ý, chân tánh Phật tâm. Tổng hợp toàn mật chú “Án ma ni bát mi hồng” có nghĩa là bảo trì ba nghiệp thân khẩu ý thanh khiết như liên hoa, như pháp thân, như chân tánh Phật tâm. An ma ni bát mi hồng thể nhập cùng chân tánh Phật tâm pháp thân làm một thể. Nên ngôn ngữ mật chú đầy đủ linh diệu ý nghĩa viên mãn chí chân chí thiện.

Đoạn sáu: Thấy mình có phước duyên, lại thương xót chúng sanh tội nhiều phước mỏng lòng tin yếu kém. Tôn giả A Nan cảm kích nên lời thi kệ để tóm lược lời Phật dạy giảng nói để đại chúng dễ nhớ, đồng thời cũng khuyến pháp hội phát tâm Bồ đề.

1- Thỉnh Phật trụ ở đời.

CHÁNH VĂN:

A-Nan nhân đây mà nói kệ rằng.

LỜI GIẢI:

“Nhân đây” có nghĩa là tôn giả A-Nan cảm thấy mình được phước duyên gặp Phật nghe pháp tín thọ tu hành, đồng thời nghĩ đến những chúng sanh hiện đời và đời sau khó gặp được Phật, nên kính xin Phật trụ lâu ở đời để cho thế nhơn thấm nhuần ơn pháp nhũ, có đủ nghị lực phát tâm tu hành. Đồng thời tôn giả cũng làm hai mươi tám bài thi kệ khuyến hóa người đời. Hai mươi tám bài kệ có thể chia làm bảy đoạn:

CHÁNH VĂN:

1/ Phật hộ trì ba cõi

Ân đức khắp chúng sanh

Nguyện vì tất cả chúng

Nên chưa thể Niết bàn.

*

2/ Người gặp chánh pháp ít

Mê muội không rõ chân

Đáng thương kẻ bất thức

Tội chướng sâu như thế

*

3/ Có phước gặp Phật pháp

Vạn triệu chỉ một hai

Kinh pháp tiêu tán dần

Biết phải nương vào đâu.

LỜI GIẢI:

Ba bài kệ trên đây thuộc đoạn một. Đại ý A-Nan cầu thỉnh Phật ở đời thời gian lâu dài hơn để cho chúng sanh được khai thị mở mắt vô minh, thoát vòng khổ lụy.

Bài kệ đầu tôn giả A Nan ca ngợi ân đức của Phật. Phật là bậc đạo sư ba cõi, là cha lành của muôn loài, từ bi hộ trì tất cả chúng sanh, là nơi nương tựa của chúng sanh trong chín cõi, lục đạo tam thừa, chúng sanh từ Phật pháp mà thoát khỏi luân hồi sanh tử. Rồi A-Nan cầu thỉnh Phật vì thương tất cả chúng sanh, chưa nên vào Niết bàn.

Bài kệ thứ hai A-Nan thương trách chúng sanh sao quá mãi mê dục lạc giả tạm thế gian, như kẻ đui mù không phân biệt đâu là chân giả chánh tà. Thật đáng thương cho kẻ vô ý thức tham đắm dục lạc trần gian mà mắc phải tội lỗi sâu nặng như thế. Do tội lỗi sâu nặng buộc ràng nên khó được cơ duyên nghe chánh pháp, gặp Phật, gặp minh sư. Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển sáu nói: “Vào thời mạt kiếp cách Phật lâu xa, tà sư

thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Cũng kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển chín nói: “Vào thời mạt pháp trong giáo pháp của ta, loài ma trà trộn xuất gia tu đạo, khiến cho kẻ chân chánh tu hành cũng bị (thế như nhầm lẫn) xem là quyến thuộc của ma”. Qua đoạn kinh trên đây chính là lời Phật huyền ký cho chúng ta thấy rõ hiện nay lắm lẽ xưng là đệ tử Phật mà hành vi ngôn ngữ đời sống không có gì thể hiện là Phật tử cả, ngoài chiếc áo và hình thức tự xưng ra. Để khỏi rơi vào vòng tà sư mê hoặc, bạn ác dẫn dụ thì cần nên phát nguyện qui y Tam Bảo, thọ trì giới luật, chuyên tâm niệm Phật, cầu Phật lực hộ trì, thành tâm nhất chí niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ. Có như thế mới dứt được nghiệp duyên, thoát ly xiềng xích của tà sư tà pháp đoạn trừ vọng tâm ngũ dục ma chướng.

Bài kệ thứ ba nói người chân chánh gặp được Phật pháp số lượng thật quá ít ỏi, vạn triệu người mới có được một hai. Thảo nào cổ đức đã chẳng nói “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” để nhắc nhở trước mỗi lần tụng kinh. Chánh pháp ít người gặp, ít người tin theo, nên ít người tu học hoằng truyền, do vậy mà Phật pháp từ từ suy đồi. Không tử nói: “Nhơn năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhơn”. Người hoằng dương phát triển đạo chớ chẳng phải đạo hoằng truyền người. Nên người gặp được Phật pháp phải biết người đó tự đã trồng thiện căn từ nhiều đời trước. Với ý nghĩa này nên A-Nan nói: “Có phước gặp Phật pháp vạn triệu chỉ một hai”. Phật nói: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Nay chúng ta được thân người lại gặp Phật pháp mà không phát tâm tu tập thì chẳng khác nào con rùa mù ở biển cả ngàn năm nổi lên mặt nước một lần may gặp được bông cây mà không chịu chui vào nằm nghỉ ngơi chờ dịp lên bờ rong chơi dưới ánh sáng mặt trời. Người không chịu tiếp nhận Phật pháp để trang bị cho bản thân được an lạc thì chẳng khác nào kẻ mù ăn mày được người thương nhận đem về uôi chữa sáng mắt cho ăn học, nhưng từ chối lòng thương cứu giúp. Thật chẳng đáng thương tiếc làm sao?

Thế sự khó nhẫn, chúng sanh càng càng khó điều phục, khó hóa độ. Là đệ tử Phật phải cố gắng tối đa vận dụng năng lực tu hạnh nhẫn nhục khiêm cung, nguyện nhân lấy cái khổ người đời không thích là làm. Là đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia phải luôn luôn nhớ mình là đệ tử Phật, nội tại chuyên tâm trì giới, cố gắng tu học, khắc phục chướng duyên, ngoại tại phát triển tâm nguyện hoằng pháp lợi sanh, hộ trì chánh pháp, mở lượng giúp đời. Phải nuôi dưỡng tâm nguyện thanh tịnh lợi tha mới chân thật là đệ tử Phật.

2- Nghi hoặc hủy báng Tam Bảo thì tội nặng.

CHÁNH VĂN:

4/ Ân Phật quá lớn lao

Tội do chúng sanh tạo

Trống pháp chấn tam giới

Thế sao không được nghe?

*

5/ Đòi trực nhiều kẻ ác

Vấn tự đọa điên đảo

Chê trách hủy báng Phật

Tà mị hủy chánh chân.

*

6/ Không tin đòi có Phật

Nói Phật chẳng đại đạo

Người này chẳng phải người

Tự trông các góc tội.

LỜI GIẢI:

Ba bài kệ trên đây thuộc đoạn hai. Đại ý ân Phật đối với chúng sanh thật quá lớn lao, trống pháp âm vang dội khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới, vậy mà chúng sanh trong đời ngũ trược cũng vẫn chưa cảnh tỉnh để hồi tâm học đạo, lại còn mang tâm hoài nghi cho là không có Phật trong đời, còn nặng lời khinh chê bai hủy báng Phật pháp, đã mê làm tội lỗi lại tiếp tục tạo thêm tội lỗi mê lầm.

Bài kệ thứ tư nói về ân đức Phật. Đức Phật dưng hiến trọn đời cho công cuộc hoằng pháp lợi sanh. Nhưng rất tiếc chúng sanh nghiệp chướng sâu dày mê tâm chấp trước không chịu nghe lời Phật dạy, chạy theo danh lợi, đắm theo dục vọng tự trời buộc mình, tự làm ngăn cách giữa mình với Phật thêm xa. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Nhận bọt nước cho là nước toàn biển cả”, tức là nhận vọng tưởng cho là chân tâm. Ba đời mười phương các đức Phật chư vị Bồ Tát lúc nào cũng thuyết pháp, tiếng trống pháp rền vang khắp ba cõi tam thiên đại thiên thế giới, vậy mà chúng sanh nghiệp chướng nặng nề không nghe. Chẳng khác nào kẻ điếc không nghe tiếng đàn rồi cho đàn không tiếng. Nhưng nước ngàn sông đều ảnh hiện bóng trăng, chỉ có nước sông sóng động đục ngầu mới không tiếp nhận được ánh trăng hiện vào. Tâm thanh tịnh thì nghe hiểu được pháp âm của Phật Bồ Tát. Tâm loạn động thì không nghe thấy. Đòi nhà Tỳ

bên Tàu có Thiên Thai Trí Giả Đại sư chuyên tâm niệm Phật đến chỗ nhất tâm bất loạn thể đạt cảnh giới thanh tịnh, chính Ngài đích thực một lần thấy đức Phật và đại chúng trên pháp hội Linh Sơn vẫn còn câu hỏi.

Bài kệ thứ năm nói chúng sanh cam chịu đọa lạc do vì tạo tội hủy báng Phật pháp. Đòi trước tức là cõi đời chúng ta đang sống đây thường gọi là cõi Ta Bà ác thế ngũ trước. Ta bà có nghĩa là kham nhẫn, tức là sự việc và hoàn cảnh không như ý muốn của chúng sanh. Ác thế là cõi đời xấu ác bất hạnh nhiều hơn tốt đẹp lành thiện. Ngũ trước là năm điều không được chắc chắn thanh tịnh an vui, phần nhiều tạo mười nghiệp ác. Bởi do chúng sanh tự tạo ác nghiệp rồi nghiệp dẫn đọa lạc điên đảo. Tục ngữ có câu: “Người hướng đến chỗ cao, nước chảy về chỗ thấp. vật cùng loài quần tụ, người hợp quần phân ly”. Lòng dục làm tâm tối, lợi danh làm trí mờ, tâm thức huân tập chủng tử ác, nên gặp phải ác duyên liền bộc phát mê loạn, như nước xuống dốc xuôi dòng càng chảy càng nhanh càng sâu. Nhưng kẻ ở nhà Phật, ăn cơm Phật, mặc áo Phật, tự xưng là đệ tử Phật mà hành nghi tâm hạnh không giống Phật, lại đua nịnh với kẻ quyền quý, mưu đồ tranh danh đoạt lợi, kết bè lập phái, phá trai phạm giới ngay chôn già lam, lấy đạo tạo đời, đó là những kẻ hình người tâm ma trà trộn trong Phật pháp, chê hủy báng người chân tâm chánh niệm nghiêm trì giới pháp làm cho thế nhân hoài nghi khi chê Phật pháp, khiến cho người thật tâm cầu đạo chẳng biết đâu để nương tựa, rồi từ đó thói thất tâm Bồ đề. Đây chính là quyến thuộc ma vương nguy hiểm đệ tử Phật mưu đồ phá Phật pháp sớm tiêu diệt, nên tôn giả A-Nan nói: “Chê trách hủy báng Phật, tà mị hủy chánh pháp”. Cho dù vậy, chúng cũng như mây mù giông tố rộ rờn như thời đâu có thể lâu dài che lấp ánh sáng mặt trời Phật pháp được.

Bài kệ thứ sáu nói kẻ tà kiến không tin có Phật ở đời. Phật là bậc đại giác ngộ, đại trí huệ, đại giải thoát, mà kẻ tà kiến lại cho Phật không phải là đại đạo. Khổng Tử nói: “Biết nói là biết, không biết nói là không là không biết thì mới là người thật sự biết”. Kẻ không biết Phật pháp, không nghiên cứu tu tập mà cuồng tưởng vọng ngôn cho là không có Phật ở đời, Phật không phải là bậc đại giác ngộ, thì rõ là đồ đệ của ma quân ngoại đạo. Lục tổ Huệ Năng khai thị cho Pháp Đạt Thiên sư rằng: “Phật cũng là giác ngộ, khai thị cho người đời ngộ nhập tri kiến của Phật. Hễ ai được nghe khai thị thì được ngộ nhập thể giác tri kiến, tức là bỗng lai chân tánh hiển bày. Ông hãy cảm thận chớ nên giải thích sai lầm ý nghĩa kinh điển, lấy sự khai thị ngộ nhập của đạo khác mà tự cho đó là tri kiến của Phật, ấy là bọn người không biết biện biệt. Nếu đem giáo lý ngoại đạo so sánh giải thích, như thế chính là hủy báng Phật. Nếu chúng sanh có đủ tri kiến thì Phật cần gì phải khai thị? Ông nay tin rằng, tri kiến Phật chính tại tâm ông chứ không phải nơi Phật nào khác”.

Do đây, ta có thể biết Phật pháp đích thực là tự tánh chánh pháp, chân pháp, đại pháp rõ ràng như thế nào lại không tin? Kẻ không tin Phật pháp, tuy hình thức nội tâm mê muội tà nguy đã mất căn bản nhơn cách. Phật pháp là thể hiện ánh sáng chân lý đạo đức mà họ không tin tưởng, không tiếp nhận, điều này mặc nhiên nói lên tâm họ không

có ánh sáng chân lý đạo đức. Như học trò không tiếp nhận lời thầy giáo, không vào lớp học, đọc sách bông lung, thì chứng tỏ không còn tư cách học trò, con đường tối mò hiện ra trước mắt, ấy là kẻ hạ cấp hay triết gia khùng. Vô sư trí cũng như Thái tử Tất Đạt Đa cũng phải khởi đầu bằng lộ trình bái sư thọ giáo, khai trí bằng học tập. Nhơn cách của nhà Nho là ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhơn cách trong Phật pháp là: Ngũ giới, Thập thiện. Bỏ ngũ thường, không ngũ giới mà tự cho mình có nhơn cách, có tri thức đạo đức, đích thực đó là kẻ cuồng vọng tà kiến, tâm niệm hành vi của họ tạo nên bất hạnh cho gia đình, gây ra tai họa cho làng nước. Đây là nguồn gốc của trọng tội. Vậy thì, con người tạo tội ác dẫn đến làng nước không thanh bình. Thế gian không an lạc là do con người không biết tôn sư trọng đạo, không tin Phật, không có nhơn cách. Hiện đời lo nghĩ tạo các việc bất an, khi thân tàn tâm loạn chôn thân vào lòng đất là lúc bắt đầu cuộc hành trình đi sâu trong ba đường địa ngục ngạ quỷ súc sanh.

3- Tội nào thì quả nấy

CHÁNH VĂN:

7/ Mạng chung dọa đường ác

Đao kiếm chẻ thân mình

Ác quỷ giết nuốt ăn

Ném vào trong dầu sôi.

*

8/ Dâm đảng ôm trụ đồng

Lửa dữ bùng thiêu đốt

Phỉ báng người thanh cao

Kềm sắt kẹp kéo lưỡi

*

9/ Say sưa không lễ tiết

Mê hoặc mất nhơn cách

Chết dọa vào địa ngục

Đồng sôi rót vào miệng.

*

10/ Gặp phải các ách nạn

Thống khổ không thể nói

Nếu được sanh làm người

Kiếp nghèo đói hạ tiện.

LỜI GIẢI:

Bốn bài kệ trên đây thuộc về đoạn ba: Kệ này nói người tạo trong tội thì nhất định đọa vào địa ngục vô gián chứ không cách nào thoát khỏi. Như tội ngũ nghịch, tội giết người, giết loài vật thì sẽ nhận lấy quả báo grom đao, nước đồng sôi, giường sắt nóng, trụ đồng nung đỏ v.v... ác quỷ dạ xoa, đầu trâu mặt ngựa đâm chém cưa xẻ đúng những thứ hình phạt kinh khiếp đớn đau. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, mê rượu là năm điều căn bản của nhân đạo. Bốn giới trước gọi là tánh tội, tức là bản chất phạm phu chúng sanh vốn sẵn có. Còn giới rượu gọi là giá tội, tức là hoàn cảnh huân tập mà có. Nên giá có nghĩa là ngăn ngừa để huân tập. Tuy là do huân tập nhưng một khi thành tập khí phạm rồi thì phạm luôn bốn giới sát, trộm, dâm, vọng, nên cũng thuộc trọng giới. Năm giới này là căn bản để hoàn thành nhơn đạo, từ đó tiến lên thánh quả Phật đạo. Ngược lại, nếu không giữ thì khó tránh được quả báo đau thương kinh khủng như kinh Thủ Lăng Nghiêm và kinh Địa Tạng Phật nói rất rõ. Tiếp theo sau đây là bốn đoạn.

4- Phước báo của người thọ trì giới.

CHÁNH VĂN:

11/ Không sát, được hưởng thọ

Thân thể thường an Khang

Không trộm, được giàu sang

Tiền của đầy như ý.

*

12/ Không dâm, hương thanh khiết

Thân hình thuần thuần đẹp thơm

Thần khí thường minh mẫn

Phong thái vượt đại dương.

*

13/ Tín thành không dối trá

Được chúng nơn kính tin

Không rượu say trí sáng

Phước huệ đời tôn kính.

*

14/ Được năm phước hơn đời

Trời người cùng làm bạn

Đời kiếp ức vạn bội

Chân lý thật rõ ràng.

LỜI GIẢI:

Đoạn bốn này gồm có bốn bài kệ thuyết minh về phước quả khác biệt của ngũ giới. Kệ thứ mười một nói về quả báo thù thắng của người giữ giới không sát sanh. Phàm loài có máu huyết, có tri giác là có tánh linh, đồng thể tánh với tất cả. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Các pháp sanh thành do tâm hiện hành. Tất cả nhân quả thế giới vi trần do tâm thành thể, cho đến cỏ lá giây gai kết hợp đều có căn nguyên, hàm hữu thể tánh”. Như thế vật nhỏ nhít như vi trùng cũng khởi lòng thương hộ mạng, không nỡ giết hại mới chân thật là từ bi, mới được quả thù thắng an Khang trường thọ. Người Phật tử chẳng những không sát sanh mà còn tích cực ăn chay, phóng sanh khuyến người phát triển tinh thân vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm. Vệ sinh là bảo vệ sinh lý tráng kiện không bệnh; vệ tánh là bảo vệ tánh tình linh hoạt minh mẫn không bất thường; vệ tâm là bảo vệ tâm lý an lạc không ưu tư sầu muộn, tức là thân tâm không bệnh hoạn, thường được kiện Khang, trường thọ, đây là quả báo thù thắng tất nhiên của giới sát, phóng sanh và trường trai.

Không trộm cắp mà còn bố thí thì được quả báo thù thắng vô cùng. Tâm bình đẳng bố thí tiền của vật chất thì nhận được quả báo giàu sang. Tâm hỷ xả bố thí vô úy thì được quả báo thù thắng an khang trường thọ. Giới kinh nói: Tiền bạc đồ quý cho đến cây kim cọng cỏ của người không cho thì không được lấy. Của thường trụ, của công cộng, của quan dân, tất cả những vật không cho thì không được lấy. Nếu lấy là thuộc về tội trộm cướp. Lén lấy, dối gạt cho đến trốn thuế, dối dò đều thuộc tội trộm cắp. Đã không trộm cắp lén dối lấy mà còn bố thí cứu giúp thì sẽ được quả báo tiền của như ý nguyện.

Kệ thứ mười hai nói về quả báo thù thắng của việc không dâm dục. Không dâm dâm thì được phước báo thân thể thanh khiết sắc tướng tốt đẹp, phong độ thần khí đoan trang, tinh thần minh mẫn được vua quan nể vì, phước báo làm công hầu khanh tướng. Kinh Phật nói: Thân đoạn dâm được phước báo sanh lên ba cõi trời Đâu suất thiên, Tha lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên. Tâm đoạn dâm, hành phước thiện thì được quả báo thù thắng sanh lên cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới, Tứ thiên thiên, Tứ không thiên và còn có thể làm đến cả Thiên vương nữa.

Kệ thứ mười ba nói về phước báo thù thắng của việc không ngừng nói vọng ngữ. Đức Phật được chúng sanh trong ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tôn trọng. Tất cả thánh hiền như thiên quy ngưỡng phụng thờ, không có gì khác ngoài thành tín. Tâm chí thành là chân tâm, là chơn như bốn tánh, thâm nhập chân lý, ngộ nhập thật tướng, tức là thể nhập tâm vô duyên từ và đồng thể đại bi. Thế nên, căn bản của người học tu Phật là khởi đi từ thành tín, tâm địa chánh đại quang minh thì mới thể hội đầy đủ nguồn an lạc trong đạo pháp. Giữ trọn thành tín thì được người đời kính thuận ủng hộ không việc gì mà không thành.

Người tu học Phật thường “Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu”. Muốn được trí huệ chân minh liễu thì phải đoạn sát, đạo, dâm vọng. Đặc biệt không uống rượu là nhân tố bảo trì thân tâm thanh tịnh, định huệ viên minh, tự độ hóa tha, khiến cho tất cả đều được đức trí, tương thân tương kính tương trọng.

Kệ mười bốn nói về phước báo của việc giữ ngũ giới thì được năm phước siêu việt trong đời. Năm phước căn cứ bản kinh này là: 1/ Trường thọ do không sát sanh; 2/ Giàu sang do không trộm cắp; 3/ Thanh tịnh không dâm dục tức là tâm không phiền não lo âu, thân cảnh an hòa; 4/ Được người đời kính tin ủng hộ do không nói vọng ngữ; 5/ Trí huệ hơn người do không uống rượu. Trong năm phước thì bốn điều là phước quả, điều thứ năm là trí huệ, nhân tố để tạo phước đức, nhân quả hỗ tương tạo thành phước đức trí huệ ngày thêm tăng trưởng, đời đời kiếp kiếp tiếp tục bồi dưỡng, phước báo vượt tam giới, đồng với Phật. Chân đế của ngũ giới là khởi nguồn cho đạo quả giải thoát. Tiếp theo đây là đoạn năm nói về sự nghi ngờ tội phước quả báo.

5/ Nghi quả báo tội phước.

CHÁNH VĂN:

15/ Mạt thế nhiều kẻ ác

Chẳng tin lắm nghi hoặc

Ngu sinh chẳng hiểu đạo

Vốn tội lại đào sâu.

*

16/ Chê Phật hại chánh pháp

Chết đọa đại thiết thành

Thần thức ở trong đó

Đầu đội bánh xe sắt

*

18/ Muốn chết cũng chẳng được

Giây lát đã biến mất

Chĩa ba cùng gươm giáo

Thi nhau đâm chém thân.

LỜI GIẢI:

Kệ thứ mười lăm, A-Nan nói đời mạt pháp nhiều kẻ ác chẳng tin Phật pháp, nghi ngờ nhân quả, ngu si chẳng biết nhận định chân lý chánh tà, tự ý buông tình nói xàm bậy, đã mang kiếp phàm phu đầy tội lỗi lại thêm chất chồng tội lỗi do không tin nhân quả tạo ra. Kinh Bát Đại Nhân Giác nói: “Tâm là nguồn ác, thân là rừng tội”. Người không tin nhân quả nghiệp báo thì khó tránh khỏi tạo mười nghiệp ác do thân miệng ý tạo ra và dễ dàng phạm tội ngũ nghịch. Như cộng sản phá hoại Phật pháp, sát hại người hiền, tiêu diệt luân thường đạo lý, đem cha mẹ bà con đầu tó, biến nơi thờ phượng trang nghiêm làm chỗ hí trường, xưởng đẽ, nuôi súc vật, kho chứa v.v... Cho đến cướp của giết người, đoạt vợ hại chồng đều do si mê cuồng vọng không tin nhân quả nghiệp báo. Như thế có phải tâm là nguồn ác, thân là rừng tội không? Người xuất gia mà mang lòng hoài nghi oai lực của chư thiện thần gia hộ, thần lực Tam Bảo phò trì, năng lực giới

pháp đưa người đến giải thoát thì khó tránh sa vào tham cầu lợi dưỡng, hình đồng xuất gia mà tâm đã xa đạo!

Kệ thứ mười sáu nói về quả báo ác của việc phá hoại hoằng dương Phật pháp, làm chướng ngại người tu học. Bất luận là ai, hễ có tâm mờ ám bất chánh thì khó tránh khỏi quả báo đọa vào vô gián địa ngục. Phá hoại Phật pháp tức là phá hoại con mắt chánh giác của trời người. Trở ngại việc hoằng pháp là đoạn dứt con đường pháp thân huệ mạng của chúng sanh, nên chịu quả báo đầu đội vành bánh xe sắt lửa cháy hừng hực. Là người tu học Phật phải nhận rõ thân này là vô thường huyễn mộng sống chẳng qua hơi thở, dài lắm là năm bảy mươi năm, sao không cố gắng lợi dụng thời gian để tu tâm sửa tánh hầu tiến bước lên trên đường ánh sáng thanh thoát của Phật thánh, lại chụm bắt ngũ dục trần gian, mang lòng ích kỷ trở ngại phá hoại đạo pháp, chính là tự hủy hoại bước tiến thăng hoa thánh thiện của mình.

Kệ thứ mười bảy nói mạng sống trong địa ngục vô gián, thân hình chịu khổ liên tục không ngừng, tâm thần thống khổ liên miên, lúc đó cho dù muốn chết để thoát kiếp khổ đọa đầy cũng chẳng được. Do tạo nghiệp hủy báng chánh pháp, trở ngại người chánh tâm hành đạo mà phải nhận lấy ác quả báo như thế. Muốn rõ nên tham khảo kinh Địa Tạng và kinh Lăng Nghiêm. Tiếp đến đây là đoạn thứ sáu nói về tâm ý thế gian tạo tác ác nhân cảm thọ ác báo.

6- Tâm ý thế gian là nguyên nhân của nghiệp báo.

CHÁNH VĂN:

18/ Sao người đời như thế

Nghịch chánh, tin quỷ thần

Tấu xin điều may mắn

Cúng bái tổn hại thân.

*

19/ Chết đọa mười tám ngục

Trải qua ngục Hắc thành

Tám nạn liên tiếp chịu

Hoàn phục thân người khó.

*

20/ Nếu khi được làm người

Man rợ chẳng nghĩa lý

Si cuồng không mắt tai

Chun què lại câm ngộng.

*

21/ Đại khờ không rõ sự

Việc ác cứ trối lời

Luân lưu trong chúng ác

Mang hình loài lục súc.

*

22/ Bị người mổ xẻ thân

Lột da cắt cổ họng

Đền oan trái đời trước

Đem thịt thân trả người.

*

23/ Vô đạo đọa ác đạo

Cầu thoát thật khó thay

Thân người đã khó được

Phật pháp khó dịp nghe.

LỜI GIẢI:

Kệ thứ mười tám nói tâm ý của người đời là nguyên nhân khơi dậy các ác nghiệp. Vì thế mà tôn giả A-Nan cảm thương than thở “Vì sao người đời như thế?!” Chúng sanh ý nghĩ việc làm thường trái ngược chánh pháp, tà tri tà kiến mê tín quý thần “ngịch chánh, tin quý thần”. Đức Phật dạy chúng ta rằng, quý thần đại để phân làm hai loại là Tứ thiên vương và quý ngục trong ba đường ác, cả hai đều chưa ra khỏi sáu nẻo luân hồi, tri kiến bất chánh, năng lực hữu hạn, kiến giải nhiều sai lầm, chỉ có thể kính mà không thể tin theo. Người tu học Phật nên trai giới nghiêm tịnh phát tâm từ bi cảm hóa quý thần khiến cho họ phát tâm hồi đầu Phật pháp. Thế mà nhân gian tập quán sâu dày mê tín khẩn cầu quý thần xá miễn nghiệp tội, ban phước cho người. Nếu tự mình không biết sám hối tội lỗi đã làm, gắng công tu bồi phước đức như kinh Hoa Nghiêm nói: “Tội từ tâm sanh do tâm sám, tâm đã diệt rồi tội liền tiêu” thì việc “tấu xin điều may mắn”, việc sát sanh, rượu thịt, đoạt mạng sống, lấy máu xương cúng bái chỉ thêm tổn hại lòng nhân từ mà thôi. Xin xăm, bói quẻ, cầu kiết, tránh hung, ý đồ cầu may miễn họa đều là vọng tâm mê tín. Giả sử xin xăm bói quẻ mà tai họa được miễn trừ, không tu tâm làm phước thiện mà được phần phước báo thì luật nhân quả thế gian và xuất thế gian bị đảo lộn, có thể như thế được ư? Sự thật mặt trời mặt trăng có thể rơi rụng, quả địa cầu có thể nổ tung, chứ luật nhân quả muôn đời bất biến.

Kệ thứ mười chín nói về kẻ không tin nhân quả làm điều tội ác, cầu xin quý thần thì sẽ phải đọa vào địa ngục thứ mười tám là địa ngục nặng nhất. Nghiệp ác do người tạo, nghiệp lực chiêu cảm tội nơn, nên địa ngục này có núi đao, dầu sôi, hầm phân sôi, băng lạnh, cối đá nghiền, sắt thiết cưa, trụ đồng nung đỏ, nước đồng sôi v.v... ngày đêm hành phạt. Ngoài ra có địa ngục vô gián, tám thứ lạnh nóng kinh hoàng, cửa chặt, thiêu đốt đủ thứ hình phạt thảm khốc không lời lẽ bút mực nào có thể kể xiết. Những ai ác tâm chống phá sự hoằng pháp, hủy báng người tu hành, ly gián Tăng già lục hòa, ngăn cản trở ngại người nghe pháp học đạo, làm công quả đều phải đọa ba đường ác đạo, khi ra khỏi lại phải mắc bát nạn. Nghe được Phật pháp phát tâm hành trì thì nhất định lìa khổ được vui. Chống phá trở ngại làm cho người mất cơ hội tốt trên đường tu hành thánh thiện giác ngộ, cản ngăn người mộ đạo có ý chí xuất gia tất nhiên là chuốc lấy quả báo ác. Cổ đức nói, Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Thói thường người đời vì tự ái, ích kỷ, đố kỵ, bè phái, nên càng muốn làm cho thỏa mãn phàm tâm xuẩn động, nhưng đâu có biết tạo ác trong giây lát mà phải thối mắc quả báo tan thương muôn đời. Cứ xem anh em Ngô Đình Diệm nhận lấy ác quả báo nhãn tiền thì đủ cảnh cáo cho những ai còn hăng máu trong mê muội tạo tội ác.

Kệ hai mươi nói về tội nơn sau khi chịu cực hình trong ba đường khổ xong, nhân duyên ác tập vẫn còn, nên khi làm người thường gặp tai nạn. Kinh Phật nói chúng sanh trong sáu nẻo luân hồi, chủng tử thiện ác đều vốn tự có trong tâm thức, nên khi đầu thai, tùy theo lực lượng của chủng tử nào mạnh thì nghiệp dẫn theo đó mà thọ sanh. Chúng ta thật lòng tự hỏi, mỗi ngày chúng ta có được bao nhiêu lần nghĩ đến Phật Bồ Tát, có mấy lần thiết tha nghĩ đến phải tinh tấn tu hành để cầu giác ngộ giải thoát sanh

tử luân hồi, có mấy lần thao thức nghĩ đến thương giúp chúng sanh, cứu giúp quốc gia dân tộc, và tính thử bao nhiêu lần nghĩ đến chuyện thị phi, bao nhiêu lần khởi tâm tham sân si hơn thiệt. Căn cứ vào tâm niệm sinh hoạt hằng ngày thì chúng ta rõ hơn ai hết, biết được ta có thiện tâm nhiều hay ác tâm nhiều, chánh tâm nhiều hay tà tâm nhiều, và câu trả lời hiện ra trước mắt cái nào nhiều thì cái đó có sức mạnh tạo thành nghiệp lực sẽ dắt ta đi. Đi về đâu thì quá rõ!?

Tập khí của con người đáng sợ nhưng cũng đáng quý, nên phải cẩn thận. Nếu tạo thành tập khí niệm Phật ăn chay làm thành thì thật đáng quý, ngược lại, tập khí sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, cờ bạc, rượu chè, ích kỷ, thị phi, hơn thua thì thật đáng sợ. Dù cho có bằng cấp địa vị giàu sang quyền uy mà mang trong người những tập khí đáng sợ này thì cũng thuộc hạng ngu si độc ác, chẳng khác người năm giác quan không thông, lòng chông chát độc ác, tâm tư mê hoặc điên đảo. Ác nhân dẫn đến ác quả. Ác quả tạo ra ác nhân. Như người vui thuốc vui rượu làm nhân đưa đến ghiền thuốc ghiền rượu là quả. Ghiền rượu ghiền thuốc là nhân bắt phải vui rượu vui thuốc là quả. Cứ thế nghiệp lực xoay vần thống khổ bất tận.

Kệ hai mươi một và hai mươi hai nói về chúng sanh không tin nhân quả, tạo nhiều tội ác đọa vào địa ngục chịu đủ thứ hình phạt thống khổ xong, khi được sanh làm người lại phải ở nơi nghèo khổ hạ tiện, thiếu văn hóa giáo dục, thân hình tật nguyên, sáu căn không đầy đủ, ngu si dốt nát, bạn ác thân gần. Từ địa ngục ra, trước khi làm thân người cũng đã phải trải qua làm kiếp ngựa đói khổ thân hình bị thiêu đốt, kiếp súc sanh chịu cảnh lột da cắt xẻ bầm nướng. Thấy súc vật chịu cảnh cay sấu chớ nặng, người cưỡi đánh, giết thịt đốn đau đáng thương, tất cả đều là quả báo đền trả của chúng sanh mà trước kia do không tin nhân quả nên tạo ra nhân ác. Kinh Phật nói: "Nghiệp quả lôi kéo thật khó trốn thoát."

Kệ thứ hai mươi ba không tin Tam Bảo; không tin nhân quả báo ứng; không thọ trì Ngũ giới, Thập thiện; không lưu ý Tứ vô lượng tâm từ bi hỷ xả; luân lý đạo đức chẳng cần biết, sống theo phàm tâm tục tánh nên phải đọa lạc vào ác đạo. vì vậy kinh đây nói: "Vô đạo đọa ác đạo, cầu thoát thật khó thay". Khi thoát ra ba đường ác làm thân người sáu căn đầy đủ nguyên vẹn tay chum giác quan đã là khó rồi, mà phát tâm thành tín Phật pháp lại càng khó hơn. Trong lục đạo luân hồi, hơn đạo là quý hơn cả. Vì hơn đạo trung bình không khổ sở ngu si đói khát bức bách quá đói như địa ngục, ngựa quỷ, súc sanh, cũng không sân hận gây hấn đấu tranh như A tu la và cũng không quá sung sướng triền miên hưởng thụ phước lạc đến quên tu như cõi trời. Ba đường ác đạo ít có Phật Bồ Tát vào thuyết pháp độ sanh đã đành mà cõi sân hận đấu tranh A tu la và sung sướng hưởng lạc thú như cõi thiên thượng cũng ít gặp Phật hóa độ. Cõi hơn gian vừa khổ cũng vừa vui đủ cơ độ thức tỉnh người nhân thức được vô thường mộng huyễn, con đường thiện ác thăng hoa đọa đày phân minh. Thế nên các bậc Bồ Tát, thánh hơn và chư Phật thường hiện ra cõi đời này để thuyết pháp độ sanh. Và xưa nay các bậc thánh hiền Bồ Tát Phật cũng khởi đi từ con người. Đối với kẻ nghiệp chướng sâu

dày, tập khí bất thiện chứa đầy tâm thức thì không thể dễ dàng mang tâm thành đến với Phật pháp và chánh tín nhân quả luân hồi. Nên kinh đây tôn giả A Nan nói: “Thân người đã khó được, Phật pháp khó dịp nghe” là vậy. Tiếp dưới đây là đoạn bầy, tôn giả A-Nan kết luận bằng kệ chuyên hóa.

7- Kết thúc bằng lời chuyên hóa.

CHÁNH VĂN:

24/ Thế Tôn vì chúng sanh

Giúp ba cõi nhờ ơn

Pháp cam lồ tưới khắp

Khiến chúng sanh phụng hành.

*

25/ Những ai được kiến tánh

Thương nghĩ đến quần sanh

Khai thông đường chánh đạo

Kẻ tuệ căn thoát khổ.

*

27/ Ôn nào hơn ơn Phật

Cứu đời chuyển pháp luân

Nguyện hết thấy chúng sanh

Thấm nhuần pháp cam lồ.

*

28/ Thuyền bát nhã đến bến

Phật pháp chở đại thiên

Ngã nonh đồng một thể

Phát nguyện vô thượng chân.

LỜI GIẢI:

Bài kệ hai mươi bốn là tán thán ơn đức của Phật đối với chúng sanh. Đức Phật đã hy sinh trọn đời cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh làm cho tất cả mọi loài trong ba cõi sáu đường đều có cơ hội thấu hiểu Phật pháp thoát kiếp sanh tử luân hồi.

Kệ hai mươi lăm nói chúng sanh một khi phát tâm tin Phật pháp, y theo Phật pháp, tu hành theo Phật pháp thì được trí huệ giải thoát sanh tử, rồi lại hóa độ gia hộ cho quần sanh cũng được minh tâm kiến tánh giác ngộ thành A la hán Bồ Tát. Nên kệ nói: “những ai được kiến tánh, thương nghĩ đến quần sanh, khai thông đường chánh đạo, kẻ tuệ căn thoát khổ”. Thế nên với Phật pháp hễ ai phát tâm Bồ Tát thương nghĩ đến chúng sanh mà tự mình cố gắng tu học rồi đem sự tu học đó hóa độ người, bất cứ là ai hễ chịu thành tâm tiếp thọ, chánh pháp chánh tâm phụng hành cũng đều được thành đạo chứng quả giác ngộ giải thoát cả.

Kệ hai mươi sáu, A-Nan đặc biệt khuyên chúng ta một lòng chí thành hướng về Phật cầu tu học Phật pháp để tạo phước báo. Được thân người là khó, chúng ta đã được; được cơ duyên nghe Phật pháp là khó, chúng ta đã nghe. Như vậy chúng ta tuy sanh vào thời mạt pháp cách Phật lâu xa mà chúng ta được như vậy thì phải biết rằng có nhiều phước duyên thiện căn, nếu không nắm lấy cơ hội này phát tâm tinh tấn tu hành để tiến thân, để một khi mất thân này đọa lạc ngàn muôn ức kiếp chẳng dễ gì được lại thân với sáu căn đầy đủ và gặp Phật pháp. Bài kệ trên đây tôn giả A-Nan còn cho chúng ta biết, chỉ những người có phước duyên mới có tâm hướng về Phật, nghĩ đến việc tu học Phật pháp. Nói hướng về Phật là phát tâm quy y theo Phật, lấy Phật làm mục đích để tiến đến, lấy giới định huệ, tứ hoằng thệ nguyện, lục độ, tam quy ngũ giới pháp làm phương tiện hành trì. Như vậy, chúng ta sống có mục đích là Phật, hướng đi là giác ngộ giải thoát, phương tiện là giới định huệ và cứu cánh là quả vị Phật. Kệ đây nói: “Kiến tánh ngộ vô sanh”. Kiến tánh là thấy rõ chân lý, nhất chân pháp giới. “Ngộ vô sanh” nghĩa là tâm trí thanh tịnh khai thông, Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh, Tịnh độ tông gọi là nhứt tâm bất loạn, cả hai đều là “Kiến tánh (thấy chân lý) ngộ vô sanh”. Ruộng phước điền là chỉ cho Tam Bảo. Chúng sanh nên quy y, nên gieo trồng giống lành vào ruộng phước điền để được quả bất sinh bất diệt, thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo bằng cách nào? Là trì giới và tu hạnh lành như Lục độ, Tứ nhiếp pháp, Bát chánh đạo.

Kệ hai mươi bảy nói ơn đức của Phật lớn lao không ơn đức nào bằng. Bởi vì nếu không có Phật hiển trọn đời thuyết pháp độ sanh thì chúng ta đâu có biết thế nào là tội phước nhân quả luân hồi, và như thế đâu có cơ hội thấu rõ cội nguồn thật tướng của vũ trụ vạn vật, và cũng không từ đâu mà thấu rõ được chính mình có khả năng thánh thiện

có thể thành Phật Bồ Tát, để rồi từ đó cố gắng tu hành tiến lên quả vị Phật thánh. Ngài đã thấp ngọn đèn trong đêm tăm tối. Ngài đã mở lối cho vạn loại sanh linh đang lạc loài trong rừng sâu. Ngài là người dẫn đường cho kẻ mất phương hướng như chúng ta. Ngài là bà mẹ hiền sẵn sóc đàn con bơ vơ đói rách lâu ngày. Vậy thì ơn nào hơn ơn Phật? Muốn đền ơn Phật chi còn có cách duy nhất là phát tâm y theo lời Phật dạy mà tu hành.

Kệ hai mươi tám nói giáo pháp đức Phật như thuyền Bát Nhã có năng lực diệu dụng đưa chúng sanh đến bờ Niết bàn giác ngộ. Người y theo giáo pháp của đức Phật mà nghiêm chỉnh tu hành thì chẳng khác nào như hành khách lên thuyền để qua sông, tự độ, nên kệ nói “thuyền bát nhã đến bến”. Độ tha là “Phật pháp chở đại thiên”, có nghĩa là Phật pháp có năng lực chuyển hóa chúng sanh trong cõi tam thiên đại thiên thế giới đồng đến bỉ ngạn, đồng chứng Bồ đề, đồng được tự tại giải thoát. Đạt đến cảnh giới ngã nhơn đồng một thể, tánh tướng nhưt như, nhưt chân pháp giới bình đẳng cứu cánh viên mãn. Người tu học Phật nên noi theo gương Phật, phát tâm Đại thừa, tu hạnh lợi tha thượng cầu thành Phật, hạ hóa chúng sanh, tức là “chúng sanh vô biên thế nguyện độ, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”. Xuất thế pháp của nhà Phật là đoạn phiền não, thế pháp của nhà Nho là cách vật. Người Phật tử nguyện pháp môn vô lượng thế nguyện học, cũng như môn đồ Nho gia là trí tri. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành, tương tự thế pháp của Nho gia là thành ý chánh tâm. Tinh thần lợi tha xuất thế của nhà Phật là “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, cũng như tinh thần xử thế của nhà Nho là “tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ”. Xuất thế pháp của nhà Phật bao gồm thế gian pháp. Người tu Phật pháp khởi đi từ nhơn cách. Nhơn cách hoàn thành thì đạo cách mới thành. Thế nên Phật pháp bất ly thế gian pháp, đạt lý thế gian pháp tức là đạt chân lý Phật pháp. Nên kệ nói: “Phát nguyện vô thượng chân”, tức là nguyện cho nhưt thiết chúng sanh đồng viên chủng trí, đồng đẳng bỉ ngạn, đồng thành Phật đạo.

Đoạn bầy: Đại chúng nghe A-Nan nói kệ đều hoan hỷ phát tâm Bồ đề

1- Đại chúng phát tâm Bồ đề.

CHÁNH VĂN:

A-Nan nói như thế rồi, đại chúng trong pháp hội thấu hiểu đều phát chánh tâm tinh tấn cầu đạo vô thượng Bồ đề.

LỜI GIẢI:

Tôn giả A Nan vừa nói kệ xong, tất cả đại chúng trong pháp hội đều thấu hiểu lời khuyên lệ quý giá của tôn giả, đồng phát chánh tâm tinh tấn quyết sớm đạt đạo vô tượng Bồ đề. “Phát chánh tâm tinh tấn” nghĩa là đem hết tâm chân thành y theo lời Phật dạy nhưt tâm dốc chí dồn hết tâm lực ngày đêm tu hành, chứ không giống như những kẻ chỉ hiểu tin suông tà tà qua ngày đoạn tháng, môi mếp phê phán thị phi, đi đến đâu

cũng xưng là đã quy y lâu năm, Phật tử kỳ cựu mà tâm tánh hủ lậu sâu mọt đạo pháp, thì không phải là phát vô thượng tâm.

2- Đại chúng phát tâm tự độ độ tha.

CHÁNH VĂN:

Hương xông thơm ba cõi, từ đây được độ thoát, mở bày đường giác ngộ, bắt cầu độ chúng sanh.

LỜI GIẢI:

Ở đây tôn giả A Nan nói người tu học Phật lấy ngũ phần hương trang nghiêm mình và tang nghiêm pháp giới. Khi ngũ phần hương pháp thân viên mãn thì xông thơm khắp ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới trùm cả tam thiên đại thiên. Ngũ phần hương là: 1/ Giới phần hương pháp thân, tức là các đức Phật dứt sạch lỗi lầm của ba nghiệp thân miệng, ý gọi là giới hương pháp thân. 2/ Định phần hương pháp thân, tức là các đức Phật chân tâm tịch tĩnh lìa sạch hết vọng niệm gọi là định hương pháp thân. 3/ Huệ phần hương pháp thân, tức là các đức Như Lai chân trí viên minh, quán suốt pháp tánh, gọi là huệ phần hương pháp thân, tức là căn bản trí. 4/ Giải thoát phần hương pháp thân, tức là thân tâm của các đức Như Lai tự giải thoát không còn bị vướng bận dính mắc những thứ dục lạc ái ân phiền lụy thế gian, nên gọi là giải thoát hương pháp thân, tức là đức tánh Niết bàn. 5/ Giải thoát tri kiến phần hương pháp thân, tức là phần hương pháp thân, tức là sự hiểu biết của các đức Phật đúng như sự thật, trí huệ của các đức Phật thật như chân lý, không dính mắc thường đoạn, tà chân nguy, ngời sáng như mặt trời, suốt trong như pha lê, bao la như hư không, trí huệ như vậy gọi là giải thoát tri kiến hương pháp thân, tức là hậu đắc trí, hay còn gọi là đại viên cảnh trí. Do giới định huệ mà được giải thoát. Do ba nghiệp thanh tịnh giải thoát mà được tri kiến giải thoát, tức là kiến giải minh liễu, siêu xuất tam giới. Khởi đi từ sự tu nhân giới định huệ để đạt quả giải thoát, giải thoát tri kiến, đức trí vẹn toàn, thân Phật trọn đủ năm phần pháp thân hay ngũ phần hương pháp thân, tức là thân Phật. Thế nên hành giả tu học Phật muốn đạt được quả Phật, không thể nào xem nhẹ giới luật. Cho dù bất cứ lý do nào mà cố ý chế tạo hoặc cải biến giới luật của Phật, thì đó là kẻ mang tâm tà nguy hành đạo không còn thuần chân Phật đạo, mà phải biết đó là kẻ tà đạo, đích thực là ma tà khéo được khéo trang bị lớp võ Phật đạo. Giới luật của Phật chế tùy khả năng lãnh thọ không có sự bắt buộc gượng ép, nhưng tuyệt đối không nên nguy tạo hay cải đổi giới luật.

Người hành Phật đạo một khi giới luật trang nghiêm thì sẽ được trọn vẹn ngũ phần hương, hương thơm xông khắp ba cõi, tự nhiên thành người dẫn đường giác ngộ cho muôn loài, làm cầu giải thoát cho chúng sanh. Chúng sanh ba cõi được mong nhờ ngũ phần hương mà giải thoát. Năng lực của giới pháp vi diệu như vậy, nên kinh Phạm

Võng nói: “Giới như đèn sáng lớn soi sáng đêm tối tăm. Giới như ngọc ma ni cứu giúp những kẻ nghèo. Người gìn giữ giới luật là phước đức hơn cả”. Giới pháp có năng lực vi diệu trang nghiêm hành giả, hướng đạo chúng sanh trong cuộc hành trình giác ngộ giải thoát. Giới pháp vô cùng vi diệu thơm khắp mười phương, có thần lực diệu dụng đưa chúng sanh thẳng đến quả vị Niết bàn tịch tịnh an lạc.

3- Thính chúng trong pháp hội tâm trí khai thông đồng hân hoan tiếp nhận lời Phật và A-Nan nói.

CHÁNH VĂN:

Vua quan thần dân, thiên long quỷ thần nghe kinh hoan hỷ tiếp nhận những điều A Nan vừa nói. Tất cả đại chúng vừa buồn vừa sợ, cúi đầu đánh lễ chư Phật và lạy A-Nan thọ giáo mà lui ra.

LỜI GIẢI:

Đại chúng dự nghe kinh trong pháp hội này có đủ vua quan dân chúng thiên long quỷ thần, điều đó cho ta thấy đương thời Phật pháp hưng thịnh biết dường nào. Đại chúng đều vui mừng lãnh thọ lời Phật thuyết pháp và hai mươi tám bài kệ của tôn giả A Nan. Khi nghe xong lòng đại chúng vừa buồn thương vừa lo sợ. Buồn thương cho những chúng sanh thiếu duyên lành không được diện kiến Phật để nghe Phật thuyết pháp đoạn trừ ác tập nghiệp sâu, tránh sao cho khỏi đắm chìm trong đường ác chịu khổ. Lại lo sợ cho chính mình nếu chẳng may lại vọng tâm duyên trần lồi cuốn làm mê mất chánh đạo, đọa lạc đường tà ác. Đây là tâm trạng thận trọng của đại chúng vừa mừng vừa lo là tâm trạng cẩn trọng thuần chân của người tu học Phật chân chánh. Đại chúng đồng thời nhất thành kính đánh lễ tạ ơn Phật từ bi giáo huấn và đồng thời hết lòng cảm kích lạy ngài tôn giả A Nan đã khuyến hóa sách tấn trên đường tu tập. Tất cả đại chúng đều hoan hỷ lãnh thọ giáo huấn và nhất tâm thực hành để khỏi phụ ân đức từ bi của Phật và sự kỳ vọng của tôn giả A Nan.